

VÁCLAV HAVEL ET AL.

**THE
POWER
OF THE
POWERLESS**

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời giới thiệu cho bản dịch tiếng Việt

Václav Havel sinh ngày 5 tháng Mười năm 1936 tại Praha, trong một gia đình trí thức tư sản nổi tiếng của Tiệp Khắc. Sau Thế chiến II, sự nghiệp học hành của ông gặp trắc trở vì lý lịch. Havel tự học và trở thành nhà văn, nhà viết kịch. Sau khi cách mạng Mùa xuân Praha bị Hồng quân Liên Xô đàn áp (1968), ông bị cấm viết kịch và bắt đầu hoạt động chính trị. Là người đề xướng tuyên ngôn Hiến chương 77, ông phải ngồi tù 5 năm. Tư tưởng chính trị và đạo đức của Havel có ảnh hưởng to lớn đến phong trào dân chủ ở Đông Âu. Havel là lãnh tụ của cuộc Cách mạng Nhung của Tiệp khắc năm 1989, sau đó là người đứng đầu Diễn đàn dân sự (Civic Forum), tổ chức chính trị đã giành thắng lợi vang dội trong cuộc tuyển cử tự do đầu tiên sau chế độ cộng sản. Ông trở thành tổng thống đầu tiên của nước Tiệp Khắc dân chủ, sau đó được bầu là tổng thống đầu tiên của Cộng hòa Czech. Sau khi rút lui khỏi chính trường, dù bệnh tật, Havel vẫn ủng hộ các phong trào bất bạo động chống chế độ toàn trị ở các nước như Cuba, và cả Việt Nam.

“Quyền lực của không quyền lực”[1] (1978) là tác phẩm kết tinh tư tưởng của Havel. Tiểu luận này đã ảnh hưởng đến các phong trào chống toàn trị ở Đông Âu, định hướng lại lý thuyết chính trị về chế độ cộng sản, và góp phần tạo ra một làn sóng đương đại về xã hội dân sự.

Tiểu luận mở đầu bằng một phân tích chính trị xuất sắc: định danh thực trạng Đông Âu thời kì hậu Stalin bằng cái tên “hậu toàn trị”[2]. Havel đã vạch ra đặc điểm cơ bản nhất của hệ thống hậu toàn trị: xã hội bị tha hóa thành một hệ thống tự động vận hành. Hệ thống này nô dịch và điều khiển tất cả mọi người - từ giới lãnh đạo chóp bu cho đến từng người dân. Không có ai đứng trên hay đứng ngoài hệ thống ấy: mỗi người vừa là tù nhân, vừa là cai ngục cho hệ thống.

Trong hệ thống hậu toàn trị, “sống đời dối trá” (living a lie) bao trùm xã hội như một định mệnh. Havel đã lột tả từng chiều cạnh của bi kịch này. Havel - nhà văn - đã đúc kết sự dối trá ý thức hệ qua hình ảnh: người bán rau quả treo trước quầy hàng, cùng với những lô hàng và cà-rốt, khẩu hiệu “Vô sản thế giới đoàn kết lại!”. Havel - nhà đạo đức - đã chỉ ra tình trạng mất nhân phẩm của cá nhân, và vai trò của ý thức hệ như là mạng che cho các cá nhân đỡ bị trần trụi trước thực trạng ấy. Havel - nhà chính trị học - giải phẫu sự dối trá ý thức hệ với tư cách là dung dịch điều hòa hoạt động của các cá nhân bị nô dịch và tự nô dịch trong hệ thống, để đảm bảo cho hệ thống toàn trị vận hành nhịp nhàng.

Nhưng, sự vĩ đại của Havel không nằm ở việc mô tả hệ thống hậu toàn trị[3], mà ở việc vạch ra cái mâu thuẫn đặc thù tất yếu dẫn đến sự sụp đổ của nó: mâu thuẫn giữa nhu cầu tự nhiên, sống động và chân thực của đời sống dân sự, với những đòi hỏi phi tự nhiên, chết cứng và dối trá của hệ thống hậu toàn trị. Trong thời kì toàn trị, cá nhân đột ngột bị lột khỏi các tổ chức dân sự truyền thống (gia đình, bạn bè, các hội đoàn, tôn giáo v.v.), để lắp vào các guồng máy nhân tạo: nhà nước-đảng và các đoàn thể bù nhìn. Đến thời kì hậu toàn trị, các cỗ máy ấy dần xơ cứng, bị giả hóa dưới mặt nạ ý thức hệ; con người phải sống đời dối trá. Havel, với niềm tin sắt đá vào nhu cầu được sống thật của con người, cho rằng đời sống dân sự chắc chắn sẽ phục hưng.

Nhìn thấy mâu thuẫn chính, riêng biệt của hệ thống hậu toàn trị, Havel đã không đề ra bất kì một cuộc “cách mạng” hay “cải cách” nào về kinh tế, chính trị hay quân sự. Ông kêu gọi một chiến lược hoàn toàn mới: hãy bắt đầu từ việc giải phóng đời sống dân sự khỏi sự dối trá đang bao trùm. Chiến lược ấy được dệt nên từ những hành vi thường nhật: người bán rau đừng treo cái khẩu hiệu mà anh không hề tin tưởng. Hãy ngừng tham gia những trò hề bầu cử, những màn mit-tinh lỗ bịch. Hãy nói những gì mình nghĩ. Hãy làm những gì mà hệ thống giả dõ là cho phép anh làm. Tức là, hãy sống trong sự thật.

Đương nhiên, tất cả đều hiểu mỗi hành động cá nhân ấy có ý nghĩa gì với một hệ thống chỉ có thể vận hành nhờ sự dối trá tập thể: nó hô lên rằng “Hoàng đế cởi truồng!” Chính vì thế mà toàn bộ hệ thống sẽ ra sức bịt miệng, đàn áp và vu khống các cá nhân ấy. Thế là một số người, do những lựa chọn rất riêng tư về cách sống, đột nhiên thấy mình trở thành các “nhà bất đồng chính kiến”. Tất nhiên, thiếu số này chẳng là các nhà cách mạng. Họ không có học thuyết, chẳng dùng bạo lực, cũng không phủ định hệ thống trên lý thuyết. Họ chỉ sống đúng những gì mà hệ thống hứa hẹn cho họ: quyền tự do ngôn luận, tự do lập hội, tự do đi lại v.v., và vì thế trong mỗi hành động thực tiễn, lại không ngừng vạch mặt hệ thống. Họ chỉ là những người dũng cảm hơn một chút, sống trong sự thật sớm hơn một chút, và chỉ có ý nghĩa khi đằng sau họ là một không gian của những người sống trong sự thật. Trong không gian công toàn trị, nơi mà dối trá được đảm bảo bằng bạo lực, đời sống trong sự thật của số đông sẽ bắt đầu một cách tự nhiên từ trong những không gian công không chính thức: các nhóm không chính thức, văn học ám chỉ, báo chui (hay ngày nay là Internet) v.v. Nhu cầu sống trong sự thật, khi được thỏa mãn trong các mảnh đất ngấm của xã hội dân sự, sẽ làm cho biên cương của nó mở rộng mãi sang các địa hạt khác như kinh tế, tôn giáo v.v., với những đòi hỏi được thừa nhận, được thể chế hóa ngày một tăng. Cho đến khi nó đụng lớp vỏ cứng của hệ thống toàn trị cứng nhắc, và những chấn động trên địa hạt chính trị bắt đầu... Có thể là hệ thống toàn trị (giờ đây bị thu hẹp vào các thể chế quyền lực chính thức: đảng, bộ máy quan liêu, cảnh sát, quân đội) sẽ thích ứng và nhượng bước cho một trật tự xã hội mới tự hình thành. Hoặc là nó sẽ bị cuốn trôi. 1978, trong đêm dày của chủ nghĩa toàn trị, Havel từ chối đoán mò những diễn biến chính trị tiếp theo một khi không gian công không chính thức đã lớn mạnh. Một thập kỉ sau, các cuộc cách mạng ở Đông Âu đã hoàn tất chương cuối cùng của kiệt tác Quyền lực của Không Quyền lực. Ngày nay, được gợi hứng một phần bởi hình dung của Havel về một xã hội dân sự sống động và tự trị, Đông Âu và nhiều nơi khác trên thế giới vẫn đang thử làm giàu chế độ dân chủ truyền thống.

* Ở Việt Nam, hệ thống hậu toàn trị đã thích ứng vừa kịp lúc, và nó chưa bị cuốn trôi. Đời sống dân sự đang trỗi dậy mãnh liệt từ địa hạt kinh tế. Trong văn hóa, không gian công phi/bán chính thức vượt trên ý thức hệ chết cứng vẫn đang âm thầm lan rộng. Nhưng liệu Việt Nam có còn đang trong khoảng kéo dài của chế độ hậu toàn trị, hay đã chuyển sang một hình thái mới? Có thể phép thử của Havel sẽ cho ta một lời gợi ý: liệu chúng ta có đang sống trong dối trá tràn lan không? Chúng ta có đang ẩn núp dưới ý thức hệ, đang làm những thứ mà ta không tin, và bằng cách đó tự nô dịch và bị nô dịch không?

Xin dành bản dịch kiệt tác chính trị, văn chương, và hơn hết là kiệt tác đạo đức này cho tất cả những người Việt Nam, những người vẫn tự hào là một dân tộc giàu đạo lý. Xin hãy tìm thêm sức mạnh từ lương tri thời đại qua Havel, để tự tìm đường đi cho mình. Xin hãy thử kiểm chứng và nắm lấy “quyền lực của không quyền lực”.

Khải Minh

I.

Một bóng ma đang ám ảnh Đông Âu: bóng ma của cái mà phương Tây gọi là "bất đồng chính kiến". Bóng ma ấy không xuất hiện từ hư vô. Nó là kết quả tự nhiên và tất yếu của giai đoạn lịch sử hiện tại của cái hệ thống mà nó đang ám ảnh. Nó được sinh ra vào thời điểm mà hệ thống ấy, vì trăm ngàn lý do mà không còn khả năng dựa vào cách thực thi quyền lực tùy tiện, bạo tàn và suy đồi, tận diệt mọi biểu hiện của sự bất phục tùng. Hơn thế nữa, hệ thống đã bị xơ cứng hóa về chính trị đến mức không còn phương cách nào khả dĩ để thể hiện sự bất phục tùng ấy trong khuôn khổ những cấu trúc hợp pháp của nó.

Những người được gọi là "nhà bất đồng chính kiến" này là ai? Quan điểm của họ đến từ đâu, và nó quan trọng tới mức nào? Tầm quan trọng của các "sáng kiến độc lập" mà những "nhà bất đồng chính kiến" hợp tác trong đó, và đâu là cơ hội thành công thực sự của những sáng kiến ấy? Coi những "nhà bất đồng chính kiến" là đối lập có phù hợp không? Nếu có, thì sự đối lập ấy chính xác là gì trong cái khung của hệ thống này? Nó làm gì? Nó đóng vai trò gì trong xã hội? Các hi vọng của nó là gì và những người này dựa vào đâu? Liệu các nhà bất đồng chính kiến - với tư cách là một nhóm công dân hạng hai nằm ngoài quyền lực được thiết lập - có chút ảnh hưởng nào lên xã hội và hệ thống xã hội hay không? Liệu họ có thực sự thay đổi được gì không?

Tôi nghĩ rằng việc khảo sát các câu hỏi này - một khảo sát về tiềm năng của "không quyền lực" - chỉ có thể được bắt đầu bằng việc khảo sát bản chất của quyền lực trong môi trường mà những người không quyền lực này hoạt động.

II.

Hệ thống của chúng ta thường hay được mô tả như là nền độc tài, hay chính xác hơn, là chế độ độc tài của hệ thống quan liêu chính trị trong một xã hội đã trải qua sự cào bằng về kinh tế và xã hội. Tôi sợ rằng khái niệm "độc tài", bất kể để hiểu đến mức nào trong những ngữ cảnh khác, có xu hướng làm lu mờ hơn là làm sáng tỏ bản chất thực sự của quyền lực trong hệ thống này. Chúng ta thường gán thuật ngữ này với khái niệm về một nhóm nhỏ giành chính quyền của một nước bằng bạo lực; quyền lực của họ được sử dụng công khai, sử dụng các công cụ trực tiếp của quyền lực họ nắm trong tay, và có thể phân biệt dễ dàng về mặt xã hội với số đông mà họ đang thống trị. Một trong những mặt cơ bản của khái niệm mang tính truyền thống hay cổ điển này về độc tài là giả định rằng nó là nhất thời, tạm bợ và không có những gốc rễ lịch sử. Sự tồn tại của nó thường gắn liền với cuộc sống của những kẻ tạo dựng nên nền độc tài của họ. Nó thường là cục bộ về quy mô và tầm quan trọng, và bất kể nó sử dụng ý thức hệ để

khoác cho mình tính chính đáng (legitimacy), quyền lực của nó từ sâu xa vẫn bắt nguồn từ quân số và sức mạnh vũ trang của binh lính và cảnh sát của nó. Đe dọa cơ bản đối với sự tồn tại của chế độ độc tài được cảm nhận là khả năng ai đó được trang bị tốt hơn về mặt này xuất hiện và lật đổ nó.

Thậm chí xem xét khái lược và phiến diện vừa rồi cũng đã chỉ rõ rằng hệ thống mà chúng ta đang sống có rất ít điểm chung với một chế độ độc tài cổ điển. Trước tiên là, hệ thống của chúng ta không hạn chế theo nghĩa cục bộ, địa lý; thay vì thế, nó nắm quyền sinh sát trong một khối quyền lực khổng lồ được kiểm soát bởi một trong hai siêu cường. Và mặc dầu, khá tự nhiên là nó phải thể hiện một số sự biến thái nhất định về địa phương và lịch sử, phạm vi của những biến thái này về cơ bản được khoanh lại bởi một khung thống nhất và duy nhất trong toàn khối quyền lực. Không những nền độc tài ở mọi nơi [trong khối-ND] đều dựa trên cùng một hệ nguyên lý và được kiến trúc theo cùng một cách (là theo cách mà siêu cường thống trị đã tiến hóa), mà mỗi nước đã và đang bị xuyên thấu bởi một mạng lưới các công cụ giết dây điều khiển từ trung tâm siêu cường, và hoàn toàn nô lệ cho các lợi ích của siêu cường ấy. Trong một thế giới bế tắc của sự cân bằng hạt nhân, đương nhiên, so với các nền độc tài cổ điển, tình trạng này tạo cho hệ thống một độ an toàn với bên ngoài chưa từng có. Nhiều cuộc xung đột địa phương, mà nếu xảy ra trong một quốc gia cô lập có thể dẫn tới thay đổi về hệ thống, nay có thể giải quyết thông qua can thiệp trực tiếp bằng quân sự của phần còn lại trong khối.

Hai là, nếu như một đặc tính của các nền độc tài cổ điển là sự thiếu gốc rễ lịch sử (thường thì họ chỉ xuất hiện không hơn là những quái thai lịch sử, một kết quả tình cờ từ các quá trình xã hội ngẫu nhiên hay từ các xu hướng [vận động của] quần chúng), thì không thể kết luận một cách vội vã như thế với hệ thống của chúng ta. Vì mặc dù nền độc tài của ta đã từ lâu hoàn toàn xa lạ hóa mình với các phong trào xã hội tiền thân của nó, tính hiển nhiên của các phong trào này (tôi đang nghĩ đến các phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa của thế kỷ 19) đã cho nó tính lịch sử không thể chối cãi. Những nguồn gốc này cho nó một nền tảng vững chãi đến mức nó có thể xây dựng trên đó mãi cho đến khi trở thành một thực thể chính trị và xã hội hiển nhiên như nó ngày nay, cái đã trở nên một phần không thể tách rời được của thế giới hiện đại. Một đặc điểm của những cội nguồn lịch sử này là "nhận thức đúng đắn" về các xung đột xã hội trong giai đoạn mà những phong trào gốc này nổi lên. Trong chính hạt nhân của "nhận thức đúng đắn" này đã tồn tại sẵn một khuynh hướng tất yếu dẫn tới những biến đổi kỳ quặc trong các giai đoạn phát triển tiếp theo của nó; tuy nhiên đây không phải là vấn đề thiết yếu. Và dù gì thì yếu tố này cũng phát triển hữu cơ từ không khí thời đại của giai đoạn đó và do vậy cũng có thể được xem là có nguồn gốc từ [thời kỳ] đó.

Một di sản của "nhận thức đúng đắn" nguyên thủy ấy là nét khác thường thứ ba, cái đã khiến cho hệ thống của chúng ta khác với các nền độc tài hiện đại khác: nó điều hành một ý thức hệ cực kỳ linh hoạt, được kiến tạo một cách logic, chính xác hơn, và nhìn chung là dễ hiểu, mà trong sự toàn vẹn và chi tiết của nó, thì gần như một tôn giáo được thể tục hóa. Nó cung cấp lời giải đáp có sẵn cho mọi câu hỏi - bất kể là gì; nó hầu như không thể được chấp nhận từng phần, và việc chấp nhận nó có những hệ quả vô cùng nghiêm trọng với đời sống con người. Trong một kỷ nguyên mà sự chắc chắn siêu hình và hiện sinh đang trong trạng thái khủng hoảng, khi

con người bị quật gốc và tha hóa, đang mất dần cảm nhận về thế giới này có nghĩa gì, không thể khác được là ý thức hệ này có sự hấp dẫn an thần nhất định. Với loài người đang lưu lạc, nó hứa hẹn ngay lập tức có một mái ấm đủ đầy: tất cả những gì người ta cần làm là chấp nhận nó, và đột nhiên mọi thứ một lần nữa trở nên rõ ràng, cuộc sống đón nhận ý nghĩa mới, và mọi điều bí hiểm, mọi câu hỏi không lời đáp, sự phân vân và cô đơn biến mất. Tất nhiên, con người cũng phải trả giá đắt cho căn nhà thuê giá rẻ này: cái giá là việc anh ta phải từ bỏ các suy nghĩ duy lý, nhận thức, và trách nhiệm, vì một đặc điểm thiết yếu của ý thức hệ này là sự phò thác suy lý và nhận thức cho quyền lực cao hơn. Nguyên tắc ở đây là trung tâm của quyền lực đồng nghĩa với trung tâm của chân lý. (Trong trường hợp của chúng ta, mối quan hệ với chính trị thần quyền kiểu La Mã phương Đông là trực tiếp: quyền lực trần tục cao nhất trùng với quyền lực tinh thần cao nhất). Nhưng hiển nhiên là, bên cạnh tất cả những điều này, ý thức hệ không còn có ảnh hưởng to lớn nào lên con người, ít nhất là trong khối chúng ta (có thể với một ngoại lệ là nước Nga, nơi mà tinh thần nô lệ, với sự mù quáng của nó, sự sùng bái chết người đối với những người thống trị và sự chấp nhận ngay lập tức mọi tuyên bố của họ, vẫn còn áp đảo, kết hợp với chủ nghĩa yêu nước siêu cường - vốn có truyền thống đặt lợi ích của đế chế cao hơn các lợi ích của con người). Nhưng điều này cũng không quan trọng, bởi vì ý thức hệ đóng vai diễn của nó trong hệ thống chúng ta một cách tuyệt hảo (một chủ đề mà tôi sẽ trở lại), chính vì nó là chính nó.

Bốn là, kĩ thuật thực thi quyền lực trong các nền độc tài cổ điển bao gồm một yếu tố cần thiết là sự ứng biến. Các cơ chế dùng quyền lực phần lớn không được thiết lập chặt chẽ, và có khoảng không đáng kể dành cho sự thực thi quyền lực một cách ngẫu nhiên, tùy tiện và không bị giới hạn. Về mặt xã hội, tâm lý và vật chất, những điều kiện cho sự thể hiện một dạng đối lập nào đó vẫn tồn tại. Một cách ngắn gọn, có nhiều vết nổi trên bề mặt có thể tách ra trước khi toàn bộ hệ thống đã tìm được cách ổn định hóa. Trái lại, hệ thống của chúng ta được phát triển trong hơn sáu mươi năm ở Liên bang Xô Viết, và trong khoảng ba mươi năm ở Đông Âu; hơn nữa, nhiều trong số các đặc điểm cấu trúc cổ nhất của nó đã bắt nguồn từ chế độ chuyên chế Nga hoàng. Trên khía cạnh vật chất của quyền lực, điều này đã dẫn tới việc hình thành các cơ chế được xây dựng khéo léo và tinh tế để phục vụ cho nhiệm vụ giạt dây toàn bộ công chúng một cách trực tiếp và gián tiếp, mà với tư cách là nền tảng quyền lực vật chất, nó đại diện cho một cái gì đó rất mới. Cùng lúc đó, không nên quên rằng hệ thống này lại được nâng cao hiệu quả một cách đáng kể bằng sở hữu nhà nước và điều khiển từ trung ương mọi tư liệu sản xuất. Điều này tạo cho cấu trúc quyền lực một tiềm lực chưa từng có và không thể kiểm soát nổi để đầu tư cho chính nó (ví như trong các lĩnh vực hành chính quan liêu và cảnh sát) và tạo thuận lợi cho cấu trúc này, trong vai người tuyển dụng duy nhất, điều khiển sự tồn tại hàng ngày của mọi công dân.

Cuối cùng, nếu như một bầu không khí ngập tràn nhiệt tình cách mạng, chủ nghĩa anh hùng và bạo lực thẳng tay trong mọi mặt đã từng là biểu trưng cho chế độ độc tài cổ điển, thì các vết tích cuối cùng của một bầu không khí như thế đã biến mất khỏi khối Xô viết. Từ lâu, khối này không còn là một ốc đảo bị cô lập khỏi thế giới phát triển và miễn nhiễm với mọi tiến trình diễn ra trong đó. Ngược lại, khối Xô viết đã là một phần hữu cơ của một thế giới rộng lớn hơn, chia sẻ và định hình số phận của thế giới. Cụ thể hơn, điều này có nghĩa là trật tự của các giá trị

tồn tại trong các nước phát triển phương Tây, theo một nghĩa nào đó, đã xuất hiện trong xã hội chúng ta (thời gian dài cùng tồn tại với phương Tây chỉ thúc đẩy nhanh tiến trình này mà thôi). Nói cách khác, cái mà chúng ta đang có đây chỉ là một dạng khác của xã hội tiêu thụ và công nghiệp, với tất cả những hậu quả tâm lý, tri thức và xã hội kèm theo. Sẽ không thể hiểu nổi bản chất của quyền lực trong hệ thống của chúng ta mà không tính đến điều này.

Sự khác biệt cơ bản giữa hệ thống của chúng ta - trên phương diện bản chất của quyền lực - với cái chúng ta vẫn thường hiểu là nền độc tài, sự khác biệt mà tôi hi vọng là đã rất rõ ràng dù chỉ từ các so sánh phiến diện vừa qua, đã khiến tôi phải tìm thuật ngữ thích hợp cho hệ thống của chúng ta, hoàn toàn chỉ để phục vụ cho tiểu luận này. Nếu sau đây tôi gọi nó là hệ thống hậu-toàn trị, thì tôi hoàn toàn hiểu rằng đây có thể không phải là thuật ngữ chuẩn xác nhất, nhưng tôi không thể tìm ra một từ nào khả dĩ hơn. Tôi không định ám chỉ tiền tố hậu (post-) có nghĩa rằng hệ thống không còn là toàn trị nữa. Ngược lại, tôi muốn nói rằng nó là toàn trị theo cách hoàn toàn khác với nền độc tài cổ điển, khác với chủ nghĩa toàn trị mà chúng ta vẫn thường hiểu.

Tuy nhiên, những bối cảnh mà tôi vừa đề cập chỉ tạo ra một tập hợp các yếu tố mang tính điều kiện, và một khung hiện tượng cho kết cấu quyền lực thực tế của hệ thống hậu toàn trị, mà bây giờ tôi sẽ cố gắng nhận diện một số mặt.

III.

Người quản lý một cửa hàng rau quả đặt trong cửa sổ, bên cạnh những lô hành và cà-rốt, khẩu hiệu: "Vô sản toàn thế giới, đoàn kết lại!". Anh ta đang gắng truyền đạt gì với thế giới vậy? Có đúng là anh ta thực lòng hào hứng với ý tưởng đoàn kết giữa những người vô sản trên thế giới? Có thực lòng nhiệt thành của anh ta lớn đến mức anh ta cảm thấy không cưỡng được nhu cầu khiến công chúng phải làm quen với lý tưởng ấy? Liệu anh ta đã thực sự dành một giây phút nào nghĩ về sự đoàn kết ấy có thể diễn ra như thế nào hay liệu nó có ý nghĩa gì không?

Tôi nghĩ, ta có thể yên tâm mà giả định rằng tuyệt đại bộ phận người quản lý cửa hàng không bao giờ nghĩ về khẩu hiệu họ đặt trong cửa sổ, hay dùng nó để thể hiện quan điểm thực sự của họ. Cái poster đó được cấp cho họ từ trụ sở doanh nghiệp, cùng với hành và cà-rốt. Anh ta đặt nó lên cửa sổ vì đã làm như vậy trong nhiều năm, vì mọi người đều làm thế, và vì đó là việc phải làm. Nếu anh ta từ chối, hẳn đã có rắc rối xảy ra. Anh ta có thể bị phiền hà vì không có "vật trang trí" thích hợp trong cửa sổ; ai đó thậm chí còn có thể tố cáo anh là không trung thành. Anh ta làm vậy bởi vì những điều ấy là cần phải làm nếu muốn yên thân. Đó là một trong hàng ngàn tiểu tiết đảm bảo cho anh ta một cuộc sống tương đối yên ổn, hay "hòa hợp với xã hội", như họ vẫn thường nói.

Tất nhiên, người bán rau bòn quan với nội dung chữ nghĩa của khẩu hiệu được trưng ra; anh ta chẳng đặt khẩu hiệu trong cửa sổ vì thôi thúc cá nhân muốn công chúng làm quen với lý

tưởng mà nó kêu gọi. Nhưng hiển nhiên, điều này không hề có nghĩa là hành động của anh ta không hề có động cơ, hoặc chẳng có ý nghĩa gì, hoặc khẩu hiệu đó không truyền đạt tới ai thông tin nào hết. Cái khẩu hiệu chính là một tín hiệu, và theo đó nó bao hàm một thông điệp tuy vi tế nhưng rất dứt khoát. Nói nôm na, nó là thế này: "Tôi, người bán rau quả XY, sống ở đây và tôi biết việc tôi phải làm. Tôi hành xử theo cách người ta trông đợi. Tôi đáng tin và tôi đứng ngoài mọi rắc rối. Tôi phục tùng và vì thế, tôi có quyền được yên thân". Thông điệp này, tất nhiên có người nhận: nó được gửi lên trên, tới những người cao hơn anh bán rau, và đồng thời nó là lá chắn bảo vệ anh khỏi những kẻ hót lẻo rình rập. Vì thế, ý nghĩa thực của khẩu hiệu bám rễ sâu vào sự tồn tại của anh hàng rau. Nó phản ánh lợi ích sống còn của anh ta. Vậy những lợi ích sinh tồn ấy là gì?

Hãy dừng lại để ghi chú là: nếu người bán rau được hướng dẫn bày khẩu hiệu: "Tôi sợ và vì thế phục tùng vô điều kiện", anh ta sẽ không bàng quan với nội dung của nó, cho dù tuyên bố ấy là đúng sự thật. Người bán rau sẽ cảm thấy xấu hổ và nhục nhã vì cái tuyên bố thẳng thừng về sự mất phẩm cách của anh ta trong cửa sổ cửa hàng, và cũng tự nhiên thôi, bởi anh là con người và vì thế mà có cảm nhận về phẩm giá của mình. Để vượt qua sự rắc rối này, sự thể hiện lòng trung thành của anh ta phải dưới dạng một dấu hiệu mà, ít nhất trên bề mặt từ ngữ, biểu hiện một mức độ tin tưởng không tư lợi. Nó phải cho phép người bán rau biện bạch: "Có gì sai với chuyện vô sản toàn thế giới đoàn kết đâu?" Vì thế mà dấu hiệu này giúp cho người bán rau che giấu lương tâm anh ta về cái cơ sở mong manh của sự phục tùng của mình, và cùng lúc, che giấu nền tảng yếu ớt của quyền lực. Nó giấu chúng dưới mặt tiền của một cái gì đó cao xa. Và cái gì đó ấy chính là ý thức hệ.

Ý thức hệ là một cách ngụy tạo để liên hệ với thế giới. Nó ban cho loài người ảo ảnh về một bản sắc, một phẩm giá, và một đạo đức trong khi tạo điều kiện cho họ từ giã chúng. Như là một kho chứa của một cái gì đó "siêu cá nhân" và khách quan, nó cho phép con người đánh lừa nhận thức của mình, che giấu vị trí thực và *modus vivendi* [tạm dịch là "cách sống"] không vinh quang của họ, cả với thế giới và với chính mình. Đó là một cách, vừa thực dụng nhưng đồng thời lại có vẻ thần thánh, để hợp lý hóa cái gì trên, cái gì dưới và cho mỗi bên. Nó hướng tới con người và hướng tới Thượng đế. Nó là bức màn mà đằng sau đó con người có thể che giấu sự tồn tại sa sút, sự tầm thường hóa và thích nghi của họ với nguyên trạng. Nó là sự biện minh ai cũng có thể dùng, từ người bán rau quả, người che giấu nỗi sợ hãi mất việc làm đằng sau cái có là sự quan tâm tới việc đoàn kết của vô sản toàn thế giới, cho đến những cơ cấu cao nhất, những người quan tâm đến việc ở lại ngôi cao có thể núp dưới những mệnh đề phục vụ giai cấp công nhân. Chức năng biện bạch cơ bản của ý thức hệ, do đó, là cho người ta, cả với tư cách là nạn nhân, và với tư cách là trụ cột của hệ thống hậu toàn trị, một ảo giác rằng hệ thống đang hòa hợp với trật tự con người và trật tự của vũ trụ.

Nền độc tài càng nhỏ và xã hội bên dưới nó càng ít phân tầng do hiện đại hóa thì ý chí của nhà độc tài càng được thực thi một cách trực tiếp. Nói cách khác, nhà độc tài có thể sử dụng các nguyên tắc hầu như trần trụi, tránh các quá trình phức tạp gắn với ý thức hệ nhằm liên hệ hần với thế giới và để tự biện minh. Nhưng nếu các cơ chế quyền lực ngày càng phức tạp, và xã hội mà chúng cai trị càng trở nên rộng rãi và bị phân hóa hơn, nếu bề dày lịch sử vận hành của

nền độc tài càng lớn, thì các cá nhân ngày càng bị buộc phải liên hệ với chúng từ bên ngoài, và các biện minh ý thức hệ ngày càng quan trọng hơn. Nó đóng vai trò như thể là cầu nối giữa chế độ và nhân dân, qua đó chế độ tiếp cận nhân dân và nhân dân tiếp cận chế độ. Điều này giải thích tại sao ý thức hệ đóng vai trò quan trọng đến thế trong hệ thống hậu toàn trị: thật không thể tưởng tượng nổi nếu cơ cấu phức tạp của các đơn vị, trật tự đẳng cấp, vô số van an toàn, và các công cụ gián tiếp đủ loại để giết dây - vốn đã đảm bảo cho sự hòa hợp của hệ thống bằng vô số cách khác nhau, không chừa chỗ cho ngẫu nhiên - lại có thể thiếu ý thức hệ trong vai trò như là biện minh chung cho hệ thống, đồng thời là biện minh của từng bộ phận.

IV.

Giữa các mục tiêu của hệ thống hậu toàn trị và các mục tiêu của cuộc sống có một vực thẳm luôn ngoác ra: trong khi cuộc sống, trong bản chất của nó, dịch chuyển tới đa cực, đa dạng, tự tổ chức và tự thiết chế, và tóm lại là tới sự thực hiện quyền tự do của nó, thì hệ thống hậu toàn trị đòi hỏi phục tùng, thống nhất và kỉ luật. Trong khi cuộc sống mãi mãi đòi hỏi tạo ra các cấu trúc mới và "khó đoán trước", hệ thống hậu toàn trị mưu toan trói buộc cuộc sống vào các trạng thái định trước. Các mục tiêu của hệ thống bộc lộ đặc điểm cơ bản nhất của nó là tính hướng nội, một chuyển dịch dần tới [việc phục vụ] hoàn toàn cho và không thể đảo ngược tới chính bản thân nó, cũng tức là bán kính ảnh hưởng của nó cũng phải không ngừng được mở rộng. Hệ thống này chỉ phục vụ con người trong chừng mực vừa đủ để con người phục vụ lại nó. Bất kì điều gì hơn thế, tức là bất kì điều gì dẫn con người tới việc vượt lên các vai trò định trước của họ, đều bị hệ thống coi là tấn công vào nó. Và trên phương diện này, nó đã đúng: bất kì ví dụ nào của sự lấn lướt như thế đều là sự phủ định hệ thống một cách thực sự. Vì thế, có thể nói rằng, mục tiêu nội tại của hệ thống hậu toàn trị không chỉ đơn thuần là sự bảo tồn quyền lực trong tay bè lũ thống trị, như mới nhìn thoáng qua thì có vẻ thế. Thay vào đó, hiện tượng xã hội của tự bảo tồn phải phục tùng cái gì đó cao hơn, phục tùng một kiểu tự vận hành máy móc mù quáng đang điều khiển hệ thống. Bất kể vị trí nào mà cá nhân nắm giữ trong trật tự đẳng cấp của hệ thống, họ không được hệ thống coi là có giá trị tự thân nào hết, mà chỉ là các vật nhằm bơm năng lượng và phục vụ sự tự vận hành máy móc này. Vì lý do đó, khát vọng quyền lực của một cá nhân chỉ có thể chấp nhận được nếu định hướng của nó trùng hợp với định hướng của cỗ máy tự động của hệ thống.

Ý thức hệ, khi đóng vai trò là cây cầu bào chữa nối giữa hệ thống và cá nhân, đã bắc dọc qua cái vực thẳm nối hai bờ mục tiêu của hệ thống và mục tiêu của cuộc sống. Nó giả như là các yêu cầu của hệ thống bắt nguồn từ các yêu cầu của cuộc sống. Nó là một thế giới hình thức đang tìm cách vượt qua hiện thực.

Hệ thống hậu toàn trị đụng chạm đến con người trong mỗi bước đi, nhưng nó làm thế với cái gắng tay ý thức hệ. Chính vì điều này mà cuộc sống trong hệ thống mới thấm đẫm đạo đức giả tạo và những điều dối trá như thế: nhà nước của quan liêu thì lại được gọi là chính quyền nhân dân; người lao động bị nô dịch dưới cái tên giai cấp lao động; sự thoái hóa hoàn toàn của

cá nhân thì được trình bày như là sự giải phóng tốt bậc; bùng bít thông tin được gọi là cung cấp thông tin cho quần chúng, sử dụng quyền lực để giật dây thì được gọi là kiểm soát công cộng về quyền lực; lạm dụng quyền lực tùy tiện thì được gọi là tôn trọng luật pháp, đè nén văn hóa thì được gọi là phát triển văn hóa; sự mở rộng ảnh hưởng đế chế thì được trình bày như thể là giúp đỡ người bị áp bức; mất tự do ngôn luận trở thành hình thức cao nhất của tự do; các kì bầu cử lộ bịch trở thành hình thức dân chủ cao nhất; cấm suy nghĩ độc lập thành thế giới quan khoa học nhất; chiếm đóng quân sự trở thành giúp đỡ anh em. Vì chế độ bị nhốt chặt trong những lời dối trá của nó, nó phải xuyên tạc tất cả. Nó xuyên tạc quá khứ. Nó bóp méo hiện thực và nó bịa đặt tương lai. Nó xuyên tạc thống kê. Nó giả đồ như không nắm giữ các cơ quan an ninh có quyền lực vô hạn và đồn mật. Nó vờ vĩnh tôn trọng các quyền con người. Nó giả đồ như không kết án ai. Nó làm như không sợ bất kì điều gì. Nó giả vờ như không giả vờ gì cả.

Các cá nhân không cần phải tin vào tất cả những điều thần bí hóa này, nhưng họ phải hành xử như thể là họ tin, hoặc ít nhất họ phải nhân nhượng chúng trong im lặng, hoặc phải tử tế với những ai làm việc cho chúng. Tuy thế, bởi lí do này mà họ phải sống trong dối trá. Họ không cần chấp nhận sự dối trá. Chỉ cần họ chấp nhận sống cùng với nó và sống trong nó là đủ. Cũng chính vì sự thật này, mà chính các cá nhân đã xác nhận hệ thống, thành toàn cho hệ thống, làm nên hệ thống, và là hệ thống.

V.

Chúng ta đã thấy rằng ý nghĩa thực của khẩu hiệu của anh hàng rau quả chẳng liên quan gì đến cái mà những từ ngữ trong khẩu hiệu nói đến. Dù vậy, cái ý nghĩa thực này thật rõ ràng và nói chung là dễ hiểu, bởi vì mật mã thật giống nhau: anh hàng rau tuyên bố sự trung thành của anh ta (và anh cũng chẳng thể làm cách nào khác nếu muốn tuyên bố của mình được chấp nhận) theo cách duy nhất mà chính quyền có khả năng nghe thấy; tức là, bằng cách chấp thuận các giáo điều (ritual) định trước, bằng cách chấp nhận rằng cái vỏ bề ngoài chính là hiện thực, bằng cách chấp nhận các luật đã định của trò chơi. Tuy nhiên, trong khi làm việc đó, chính anh ta đã trở thành người tham gia trò chơi, và vì thế làm cho trò chơi có khả năng tiếp tục, và trước hết là làm cho nó có thể tồn tại.

Nếu ý thức hệ vốn khởi đầu chỉ là chiếc cầu bắc giữa hệ thống và cá nhân với tư cách là cá nhân, thì vào khoảnh khắc mà anh ta bước lên cầu, nó đã trở thành cây cầu nối giữa hệ thống và cá nhân ấy - với tư cách là bộ phận của hệ thống. Tức là, nếu ý thức hệ, vốn chỉ có thể tạo điều kiện (bằng hoạt động hướng ngoại) cho sự hình thành quyền lực với tư cách là một biện minh về mặt tâm lý, thì từ thời điểm mà sự biện minh ấy được chấp nhận, ý thức hệ lại tạo ra quyền lực hướng nội, trở thành một bộ phận năng động của quyền lực ấy. Nó đã bắt đầu hoạt động như là công cụ chính của việc truyền đạt tín điều bên trong hệ thống của quyền lực.

Toàn bộ cấu trúc quyền lực (và chúng ta đã thảo luận về sự thể hiện vật chất của nó) không thể tồn tại nếu không có một trật tự "siêu hình học" ràng buộc các bộ phận với nhau, kết nối

chúng và quy phục chúng vào một phương pháp đồng nhất xác định tính khả tín, đặt ra các luật chơi cho sự vận hành hiệp đồng giữa tất cả những bộ phận này, tức là với các quy tắc, giới hạn và pháp lý nhất định. Trật tự siêu hình học này là căn bản và chuẩn mực của toàn bộ cấu trúc quyền lực; nó tích hợp hệ thống thông tin của nó và làm cho việc trao đổi và lưu chuyển các thông tin và mệnh lệnh trở nên khả thi. Nó cũng tương tự như một tập hợp các đèn hiệu giao thông và biển chỉ đường, tạo cho tiến trình một hình dạng và cấu trúc. Trật tự siêu hình học này đảm bảo sự cố kết bên trong của cấu trúc quyền lực toàn trị. Nó là chất keo gắn kết toàn bộ cấu trúc, là nguyên tắc bản lề, là phương tiện của kỉ luật hệ thống. Thiếu chất keo này, toàn bộ hệ thống với tư cách là cấu trúc toàn trị sẽ sụp đổ; nó sẽ tan vỡ thành các hạt nhân cá nhân va chạm hỗn loạn với nhau trong các quyền lợi và thiên hướng không được kiểm soát của họ. Toàn bộ kim tự tháp của quyền lực toàn trị nếu thiếu bộ phận gắn kết sẽ sụp đổ vào trong chính nó, như thể là một co rút vật chất [của các ngôi sao dưới trọng lực của chính nó -ND]

Là sự giải thích hiện thực mà cấu trúc quyền lực sở hữu, ý thức hệ luôn phục tùng những lợi ích của cấu trúc ấy trên hết. Vì thế, nó có xu hướng tự nhiên là li khai hiện thực, để tạo ra một thế giới của hình thức và trở thành giáo điều. Trong các xã hội có cạnh tranh quyền lực một cách công khai (và do đó có kiểm soát công khai về quyền lực), cũng tồn tại một cách khá tự nhiên [cơ chế] kiểm soát công khai- là cách mà quyền lực dùng để chính đáng hóa bản thân nó về mặt ý thức hệ. Hệ quả là, trong các điều kiện ấy, luôn tồn tại các cơ chế hiệu chỉnh nhất định ngăn chặn một cách hiệu quả việc ý thức hệ thoát ly hiện thực hoàn toàn. Nhưng dưới chế độ toàn trị, những cơ chế hiệu chỉnh này biến mất, và không có gì ngăn cản ý thức hệ ngày càng bị tách khỏi thực tiễn, dần tự biến mình thành cái như ngày nay trong hệ thống hậu toàn trị: một thế giới của vỏ hình thức, hoàn toàn giáo điều, một ngôn ngữ kinh viện đã bị tước đi những liên hệ nội dung với hiện thực và hoán cải mình thành một hệ thống biểu tượng giáo điều, hệ thống thay thế hiện thực bằng giả-hiện thực.

Tuy nhiên, như ta đã thấy, cùng lúc ấy, ý thức hệ lại biến thành thành tố ngày càng quan trọng của quyền lực, một trụ cột hững hờ cho nó cả tính chính đáng và sự nhất quán nội tại. Khi phương diện này trở nên quan trọng, khi mà nó ngày càng mất đi cảm nhận về hiện thực, thì nó lại thu được một sức mạnh tuy thế tục nhưng rất thực. Nó hóa thân thành hiện thực, thậm chí một hiện thực hoàn toàn độc lập. Một hiện thực mà thậm chí ở những tầng mức nhất định (chủ yếu là trong cấu trúc quyền lực) còn có trọng số cao hơn cả hiện thực ngoài đời. Cái tinh xảo của giáo điều ngày càng trở nên quan trọng hơn cả hiện thực ẩn đằng sau nó. Tầm quan trọng của hiện tượng không còn xuất phát từ bản thân hiện tượng nữa, mà từ vị trí của nó với tư cách là các khái niệm trong văn cảnh ý thức hệ. Hiện thực không quy định lý thuyết, mà ngược lại. Do đó, quyền lực dần dần xích lại với ý thức hệ hơn là với hiện thực; nó rút ra sức mạnh của mình từ lý thuyết và trở nên hoàn toàn lệ thuộc vào lý thuyết. Điều này không thể tránh khỏi dẫn tới một kết quả nghịch lý: thay vì lý thuyết hay ý thức hệ phục vụ quyền lực, quyền lực bắt đầu hầu hạ ý thức hệ. Như thể là ý thức hệ đã chiết tách quyền lực từ quyền lực, như thể là chính nó đã trở thành nhà độc tài rồi vậy. Vì thế, có vẻ như là chính lý thuyết, chính tín điều, chính ý thức hệ ra các quyết định tác động vào con người, chứ không phải ngược lại.

Nếu như ý thức hệ là đảm bảo chính cho sự nhất quán nội tại của quyền lực, thì cùng lúc ấy,

nó càng trở nên là đảm bảo quan trọng cho sự liên tục của quyền lực. Trong khi sự kế nhiệm quyền lực ở các nền độc tài cổ điển thường xuyên là một biến cố khá phức tạp (những kẻ tranh đoạt ngôi vị không có gì để khoát cho những tuyên bố của chúng một sự chính đáng nhất định, và vì thế buộc chúng phải dùng đến hình thức đưng độ quyền lực trần trụi), trong hệ thống hậu toàn trị, quyền lực được truyền từ người này sang người khác, từ nhóm này sang nhóm khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác theo những phương cách về cơ bản là ổn định hơn. Khi chọn lựa những người kế nhiệm, một [cơ chế] "tạo vua" khởi động: chính là tính chính đáng do giáo điều mang lại, khả năng dựa vào giáo điều, thực hiện giáo điều và sử dụng nó, sẽ quyết định ai sẽ được sinh ra ở ngôi cao. Đương nhiên, tranh giành quyền lực tồn tại trong cả hệ thống hậu toàn trị nữa, và phần lớn chúng đều tàn bạo hơn so với các xã hội mở, vì sự tranh giành không công khai, không bị các quy tắc dân chủ kiềm chế, mà đều diễn ra sau hậu trường. (Thật khó kể ra được một dẫn chứng về việc thay thế Bí thư thứ nhất của một Đảng Cộng sản đang cầm quyền mà không có sự triển khai hàng loạt các đơn vị an ninh và vũ trang, ít nhất là đặt dưới tình trạng báo động). Tuy nhiên, sự giành giật này không bao giờ có khả năng đe dọa nền tảng của hệ thống và tính liên tục của nó (như nó có thể làm trong các nền độc tài cổ điển). Cùng lắm, nó cũng chỉ khuấy đảo cấu trúc quyền lực trong chốc lát - cái rồi sẽ phục hồi rất nhanh, chính bởi lẽ cái chất kết dính là ý thức hệ đã hoàn toàn không bị khuấy động. Không kể ai thay thế ai, sự kế tục chỉ khả thi khi nó diễn ra trước phong hậu cảnh đã dàn sẵn, trong khuôn khổ của giáo điều chung. Nó không bao giờ diễn ra theo cách phủ nhận giáo điều ấy.

Tuy nhiên, chính vì nền độc tài của giáo điều mà quyền lực trở nên vô danh. Các cá nhân hầu như tan biến trong giáo điều. Họ cho phép mình bị cuốn đi trong đó, và thường thì sự thể có vẻ như chính tín điều đã đem con người từ u tối đến ánh sáng của quyền lực. Chẳng phải đó chính là đặc trưng của hệ thống hậu toàn trị, là trên mọi tầng nấc của trật tự quyền lực, cá nhân ngày càng bị đẩy sang bên lề bởi những con người không cá tính, những bù nhìn, những tên hầu mặt đồng phục của những tín điều và thông lệ của quyền lực đó sao?

Sự vận hành máy móc của cấu trúc quyền lực bị phi nhân hóa và vô danh hóa là một đặc điểm của tính tự động của hệ thống này. Dường như chính là các mệnh lệnh (diktats) của cỗ máy tự động này là cái đã chọn ra những người không có chí nguyện cá nhân cho cấu trúc quyền lực. Và cũng có vẻ như chính là các diktats của các sáo ngữ đã triệu tập đến cho quyền lực các cá nhân biết sử dụng sáo ngữ làm [công cụ] hữu hiệu nhất để bảo đảm sự tự vận hành của hệ thống hậu toàn trị vẫn tiếp tục.

Các nhà Xô viết học phương Tây thường phóng đại vai trò của các cá nhân trong hệ thống hậu toàn trị và bỏ qua sự thật là các nhân vật lãnh đạo, bất chấp quyền lực to lớn họ có từ cấu trúc tập trung quyền lực, thường không hơn là người thực thi mù quáng các quy luật nội tại của hệ thống - các quy luật mà chính họ không bao giờ có khả năng hiểu, mà cũng không bao giờ suy nghĩ đến. Trong bất cứ trường hợp nào, kinh nghiệm đã dạy đi dạy lại chúng ta rằng sự tự vận hành này mạnh mẽ hơn nhiều lần ý chí của bất cứ cá nhân nào, và nếu ai đó có chút suy nghĩ độc lập thì anh ta buộc phải che giấu nó sau cái mặt nạ vô danh về giáo điều mới hòng có cơ hội vào được hệ thống đẳng cấp quyền lực. Khi cá nhân ấy cuối cùng giành được một vị trí trong đó, và cố gắng thực hiện hoài bão của mình, thì cái cỗ máy tự vận hành ấy (với sức ỳ vĩ

đại) sớm muộn sẽ chiến thắng, và hoặc là cá nhân sẽ bị đào thải bởi cấu trúc quyền lực như là sinh vật lạ, hoặc là anh ta sẽ bị buộc phải dần dần từ bỏ cá tính của mình, để một lần nữa hòa trộn với cỗ máy, trở thành nô lệ của nó, hầu như không phân biệt nổi với những người đi trước và những người tiếp sau anh ta (cho phép chúng tôi nhắc lại, ví dụ, sự phát triển của Husák [4] hay Gomulka [5]). Sự cần thiết phải luôn nấu mình dưới giáo điều và liên hệ với nó có nghĩa là thậm chí các thành viên sáng giá của cấu trúc quyền lực cũng bị ám ảnh bởi ý thức hệ. Họ không bao giờ có khả năng lặn xuống đáy sâu của hiện thực trần trụi, và họ luôn nhằm lẫn nó, trong những kết luận cuối cùng, với các giả-hiện thực của ý thức hệ. (Theo quan điểm của tôi, một trong những lý do ban lãnh đạo của Dubcek mất kiểm soát tình hình năm 1968 chính là vì, trong những tình huống gay cấn và trong những vấn đề quyết định, thành viên của nó chưa bao giờ đủ sức giải phóng họ khỏi thế giới của các vỏ bọc hình thức.)

Do đó, có thể nói, trong hệ thống hậu toàn trị, ý thức hệ (với vai trò là công cụ truyền đạt nội bộ, bảo đảm sự nhất quán nội tại cho cấu trúc quyền lực) là cái gì đó vượt lên các khía cạnh vật chất của quyền lực, một cái gì đó thống trị quyền lực ở mức độ đáng kể, và do đó có xu hướng đảm bảo sự liên tục của quyền lực. Nó là một trong những trụ cột của sự ổn định bên ngoài của hệ thống. Trụ cột này, tuy thế, được xây dựng trên nền đất yếu. Nó được dựng trên những lời dối trá. Nó chỉ dùng được chừng nào mà con người còn sẵn sàng sống trong sự dối trá ấy.

VI.

Tại sao trên thực tế người bán rau quả của chúng ta lại phải trưng bày lòng trung thành của mình lên cửa sổ? Chẳng phải anh ta đã chứng tỏ lòng trung thành đủ lắm rồi qua bao thủ tục nội bộ và bán-công khai? Ở các cuộc họp công đoàn, cuối cùng thì anh ta vẫn luôn luôn bỏ phiếu như anh ta cần phải làm. Anh ta cũng luôn tham gia các phong trào thi đua. Anh ta bỏ phiếu trong các kì bầu cử như là một công dân tốt. Anh ta thậm chí còn kí "Phản-Hiến chương" [6] nữa ấy chứ. Tại sao, bất chấp mọi điều ấy, anh ta vẫn phải tuyên bố lòng trung thành một cách công khai? Cuối cùng, những người đi ngang qua cửa sổ anh ta cũng không dừng lại mà đọc nó, và theo quan niệm của người bán rau, vô sản toàn thế giới có thể đoàn kết lại cơ mà. Sự thật là, họ chẳng đọc khẩu hiệu này, và thậm chí cũng đúng nếu giả định là họ cũng chẳng nhìn thấy nó. Nếu anh hỏi một phụ nữ đứng trước cửa hàng anh ta liệu bà ta thấy gì trong cửa sổ, bà ấy chắc chắn sẽ nói cho anh liệu họ có khoai tây hôm nay hay không, nhưng rất ít hi vọng là bà ấy nhìn thấy khẩu hiệu, đừng nói gì đến chuyện khẩu hiệu ấy nói gì.

Có vẻ như vô nghĩa khi đòi hỏi một người bán rau công khai tuyên bố lòng trung thành của anh ta. Tuy thế, nó vẫn có ý nghĩa. Mọi người lờ khẩu hiệu của anh, nhưng họ làm thế vì những khẩu hiệu như thế cũng treo ở các cửa sổ cửa hàng khác, các bớt đèn, bảng tin, cửa căn hộ và trên các nhà cao tầng; trên thực tế, chúng ở khắp nơi. Chúng tạo thành một phần bức tranh toàn cảnh của cuộc sống hàng ngày. Đương nhiên, trong khi họ phớt lờ cái chi tiết, con người nhận thức rất rõ cái toàn cảnh trong tổng thể. Và cái khẩu hiệu của người bán rau kia còn gì

hơn là một chấm đen nhỏ điểm tô cho cái phong vĩ đại của cuộc sống đời thường?

Vì thế, người bán rau phải đặt khẩu hiệu trong cửa sổ của anh ta, không phải với hi vọng rằng ai đó sẽ đọc hoặc sẽ bị nó thuyết phục, mà để góp phần, với hàng ngàn khẩu hiệu khác, vào cái toàn cảnh mà tất cả đều nhận thức rõ. Toàn cảnh này, tất nhiên, cũng có một ý nghĩa vi tế: nó nhắc nhở mọi người rằng họ đang sống ở đâu và cái gì được chờ đợi từ họ. Nó nói với họ về những gì mọi người khác đang làm, và chỉ cho họ thấy rằng họ cũng phải làm nếu không muốn bị loại bỏ, bị rơi vào cô lập, bị xa lạ hóa khỏi xã hội, phá vỡ luật chơi, và phải chịu rủi ro của sự mất bình yên, thanh thản và an toàn.

Người đàn bà đã phớt lờ khẩu hiệu của người bán rau rất có thể đã treo một khẩu hiệu tương tự chỉ một giờ trước đây, trên hành lang cơ quan nơi bà ta làm việc. Bà ta làm thế không ít thì nhiều là chẳng suy nghĩ gì, cũng hệt như người bán rau của chúng ta, và bà ta làm được việc ấy chính bởi vì bà đang treo cái khẩu hiệu trên nền của một toàn cảnh, và với sự nhận thức nào đó về nó, tức là, trên cái nền của toàn cảnh mà trong đó cái cửa sổ của hàng anh bán rau là một phần. Khi người bán rau đến cơ quan của bà, anh ta cũng sẽ chẳng nhận ra khẩu hiệu của bà, cũng hệt như bà không nhận ra khẩu hiệu của anh ta. Tuy nhiên, các khẩu hiệu của họ phụ thuộc lẫn nhau, cả hai đều được bày ra với nhận thức nhất định về toàn cảnh chung, và ta có thể nói, dưới diktat của nó. Cả hai, tuy nhiên, đã góp phần tạo ra toàn cảnh ấy, và do đó cũng tạo thành diktat ấy. Anh bán rau và bà văn phòng đều phải thích nghi với những điều kiện mà họ đang sống, nhưng khi làm thế, họ góp phần tạo ra những điều kiện này. Họ làm cái gì đã từng được làm, cái gì cần phải làm, cái gì buộc phải làm, nhưng đồng thời, cũng chính là vì việc ấy, họ đã xác nhận cái gì phải làm trên thực tế. Họ tuân thủ một đòi hỏi cụ thể, và trong khi tuân thủ, chính họ duy trì quy định ấy. Nói một cách bóng bẩy, không có khẩu hiệu của người bán rau quả thì khẩu hiệu của bà văn phòng không tồn tại, và ngược lại. Mỗi người đề xuất với người kia rằng có cái gì cần phải lặp lại, và người này chấp nhận đề nghị của người kia. Sự bàng quan song phương của họ đối với khẩu hiệu của nhau chỉ là một ảo ảnh: trên thực tế, bằng cách trưng khẩu hiệu của họ, mỗi người buộc người kia phải tuân thủ luật chơi, và từ đây xác nhận chính quyền lực đã đòi hỏi khẩu hiệu từ lúc ban đầu. Thật đơn giản, mỗi người giúp người kia phục tùng. Cả hai là khách thể trong một hệ thống kiểm soát, nhưng đồng thời là chủ thể của nó. Họ vừa là nạn nhân của hệ thống, đồng thời là công cụ của nó.

Nếu toàn thị trấn được trát bởi toàn khẩu hiệu mà không ai đọc, thì một mặt đó là một thông điệp từ bí thư thị trấn gửi lên bí thư vùng, nhưng mặt khác còn là gì hơn thế: một ví dụ nhỏ của nguyên lý của toàn trị-tự động xã hội đang vận hành. Một phần của cái căn bản của xã hội hậu toàn trị là nó kéo mọi người tới lãnh địa quyền lực của nó, không để họ có thể nhận ra họ như những con người, mà để họ có thể rút cái bản sắc cá nhân để phục vụ cái bản sắc của tập thể, tức là để họ có thể trở thành những nhân viên của bộ máy tự động của hệ thống và đầy tớ cho các mục đích tự định của nó, để họ có thể tham gia trong một trách nhiệm chung cho nó, để họ có thể bị lôi kéo vào và mắc bẫy trong đó, như Faust với Mephistopheles [7]. Hơn thế nữa: để họ có thể thông qua sự tham gia của họ mà tạo ra những quy tắc ứng xử chung, và do đó mà gây sức ép lên các công dân anh em của họ. Và xa hơn: để họ có thể học cách cảm thấy thoải mái với sự dính líu của họ, để quen với nó như thể cái gì đó hoàn toàn tự nhiên và tất

yếu, và cuối cùng, để họ có thể-không với bất kì sự thúc ép bên ngoài nào - đi đến chỗ coi mọi sự không dính líu như là bất bình thường, là kiêu ngạo, là một sự tấn công vào họ, là một dạng từ bỏ xã hội. Bằng cách kéo mọi người vào cấu trúc quyền lực, hệ thống hậu toàn trị biến mọi người thành phương tiện của một chế độ toàn trị qua lại, sự toàn trị-tự động của xã hội.

Tuy nhiên, tất cả mọi người trên thực tế đều dính líu và bị nô dịch, không chỉ anh hàng rau quả mà cả các thủ tướng. Các vị trí khác nhau trong thang đẳng cấp chỉ đơn thuần nói lên sự mức độ dính líu khác nhau: anh hàng rau chỉ dính líu ở mức nhỏ, đồng thời anh ta cũng có rất ít quyền lực. Ngài thủ tướng, đương nhiên, có quyền lực lớn hơn, nhưng đối lại, ngài ấy phải dính líu sâu hơn nhiều. Tuy nhiên, cả hai đều không tự do, mỗi người mỗi cách. Tồng phạm thực sự trong sự dính líu này, không phải là ai khác nữa, mà chính là hệ thống. Vị trí trong thang quyền lực quyết định mức độ trách nhiệm và tội lỗi, nhưng nó không cho ai trách nhiệm và tội lỗi vô biên, mà cũng không miễn tội hoàn toàn cho ai cả. Vì thế, xung đột giữa các mục tiêu của cuộc sống với các mục tiêu của hệ thống không phải là xung đột giữa hai cộng đồng tách biệt được xác định về mặt xã hội; và chỉ có cách nhìn trù tượng hóa rất cao mới cho phép ta phân chia xã hội thành người thống trị và kẻ bị trị (và thậm chí như vậy thì sự cũng chỉ rất tương đối). Tuy nhiên, đây chính là một trong những điểm khác biệt quan trọng nhất giữa hệ thống hậu toàn trị với nền độc tài cổ điển - nơi mà ranh giới của xung đột còn có thể được vạch theo các nhóm xã hội. Trong hệ thống hậu toàn trị, lần ranh này chạy qua mỗi cá nhân, vì trong mỗi người, theo cách riêng của họ, vừa là nạn nhân, vừa là người ủng hộ hệ thống. Cái chúng ta hiểu về hệ thống, do đó, không phải là một trật tự xã hội áp đặt bởi một nhóm lên một nhóm khác, mà là cái gì xuyên suốt toàn xã hội và là một yếu tố định hình nó, cái gì đó có vẻ như không thể nắm bắt hay định nghĩa (bởi vì trong bản chất, nó thuần túy là một nguyên tắc), nhưng lại được thể hiện bởi toàn xã hội như một đặc điểm quan trọng của đời sống của nó.

Do đó, sự thật rằng loài người đã (và hàng ngày đang) tạo ra hệ thống tự định hướng này, và qua đó họ tự tước đoạt đi bản sắc sâu kín nhất của chính họ, không phải là kết quả của sự hiểu nhầm không thể tưởng tượng nổi của lịch sử, hay là vì sao đó lịch sử đã đi chệch đường ray. Nó cũng không phải là sản phẩm của một ý chí hắc ám tối cao nào đó đã quyết định, do một lý do nào không rõ, hành hạ một bộ phận của loài người theo cách này. Nó có thể xảy ra, và thực tế đã xảy ra chỉ vì rõ ràng là đã tồn tại trong nhân loại hiện đại một xu hướng nhất định hướng tới việc tạo ra, hoặc ít nhất là cúi đầu chấp nhận, một hệ thống như thế. Rõ ràng có gì đó ở nhân loại đã lên tiếng cùng với hệ thống này, cái gì đó họ phản ánh và dung dưỡng, cái gì đó bên trong họ đã làm tê liệt mọi cố gắng của phần cái Tôi nhân bản hơn trong họ nổi dậy. Nhân loại bị buộc phải sống trong một sự đối trá, nhưng họ chỉ có thể bị buộc sống như vậy nếu như họ có thể sống như vậy trên thực tế. Do đó, không chỉ hệ thống tha hóa con người, mà cùng lúc, nhân loại tha hóa cũng ủng hộ hệ thống này như thể đó là kế hoạch tự nguyện của họ, như là hình ảnh suy đồi của sự suy đồi của chính họ, như là bảng kê sự thất bại của chính con người với tư cách là các cá nhân.

Các mục tiêu cơ bản của cuộc sống hiển hiện tự nhiên trong mỗi con người. Trong mỗi con người có cái gì đó khát khao phẩm giá chân chính của bản chất người, khát khao sự hòa hợp đạo đức, tự do biểu hiện sự tồn tại, và những suy nghiệm vượt lên trên thế giới của những sinh

tồn hàng ngày. Nhưng đồng thời, mỗi con người lại có thể, dù ít dù nhiều, thỏa hiệp với cuộc sống trong dối trá. Mỗi con người theo cách nào đó quy phục tính nhân văn trong anh ta trước sự tầm thường hóa ô nhục và chủ nghĩa vị lợi. Trong mỗi con người luôn có chút sẵn lòng hòa mình với đám đông vô danh và vui vẻ trôi cùng với nó xuống dòng sông của cuộc sống giả tạo. Điều này không đơn giản như xung đột giữa hai bản sắc. Nó là cái gì đó tồi tệ hơn rất nhiều: nó là thách thức với chính khái niệm bản sắc.

Theo nghĩa đơn giản hóa cao độ, có thể nói rằng hệ thống hậu toàn trị được xây dựng trên những nền tảng được xếp đặt bởi cuộc đối đầu lịch sử giữa nền độc tài và xã hội tiêu thụ. Khả năng thích nghi nhanh chóng với cuộc sống lừa dối, sự mở rộng dễ dàng của nền toàn trị-tự động trong xã hội chẳng phải đã có mối liên hệ với sự miễn cưỡng chung của những người tôn thờ chủ nghĩa tiêu dùng khi anh ta phải vứt bỏ một vài giá trị vật chất để đổi lấy sự hòa hợp về đạo đức và tâm hồn? Với sự sẵn lòng từ bỏ các giá trị cao hơn khi đối mặt với các cám dỗ tầm thường hóa của văn minh hiện đại? Với bản chất dễ tổn thương của họ trước sức hút của tính bàng quan tập thể? Và cuối cùng, chẳng phải màu xám xám và trống rỗng của đời sống trong hệ thống hậu toàn trị chỉ là một bức tranh biếm họa được thổi phồng của đời sống hiện đại nói chung đó sao? Và chẳng lẽ chúng ta tên thực tế không phải là một thứ cảnh báo cho phương Tây, bộc lộ cho nó thấy những xu hướng tiềm tàng của nó sao? (mặc dù theo các tiêu chuẩn thế giới bên ngoài đang sử dụng để đo mức độ văn minh, chúng ta còn tụt lại xa phía sau).

VII.

Bây giờ, ta hãy tưởng tượng rằng một ngày kia, điều gì đó đứt gãy trong anh chàng bán rau nọ, và anh ngừng đặt các khẩu hiệu chỉ để cho lòng mình thanh thản. Anh ta thôi bỏ phiếu trong các kì bầu cử mà anh biết rõ là trò khôi hài. Anh bắt đầu nói những gì anh thực sự nghĩ trong các cuộc mit-tinh chính trị. Anh ta thậm chí còn tìm thấy sức mạnh nội tâm để bày tỏ sự đoàn kết với những người mà lý trí của anh ta đòi hỏi anh phải ủng hộ. Trong cuộc nổi dậy này, người bán rau quả bước ra khỏi cuộc sống vốn chìm trong dối trá. Anh ta phủ nhận tín điều và phá vỡ các luật chơi. Anh ta khám phá lại bản sắc và nhân phẩm bị đè nén của mình. Anh cho tự do của mình một tầm quan trọng cụ thể. Sự nổi dậy của anh là một cố gắng để sống trong sự thật.

Hóa đơn thanh toán đến không chậm trễ. Anh ta sẽ bị đưa khỏi vị trí quản lý cửa hàng và chuyển đến nhà kho. Lương sẽ hạ. Hi vọng về một kì nghỉ ở Bun-ga-ri bay hơi. Việc vào đại học của con cái bị đe dọa. Thượng cấp sẽ sỉ nhục anh và những người công nhân bạn bè sẽ nghi ngờ anh. Tuy nhiên, hầu hết những người sẽ áp dụng các đòn trừng phạt này làm thế không vì họ thực sự kết tội anh trong thâm tâm, mà vì các sức ép từ hoàn cảnh, cái hoàn cảnh đã từng gây sức ép với anh hàng rau quả khiến anh trưng các khẩu hiệu chính thức kia. Họ hành hạ anh hoặc là vì họ được kì vọng là phải làm thế, hoặc để chứng tỏ lòng trung thành, hoặc chỉ đơn giản là một phần của cái toàn cảnh chung, mà đi kèm với nó là nhận thức rằng: đây là cách xử trí với những tình huống kiểu này, tức là, trên thực tế, là cái mà cách mà người

ta luôn làm, đặc biệt là nếu một người không muốn đi đến chỗ chính mình trở thành kẻ bị nghi ngờ. Những người thi hành bản án, do vậy, cũng ứng xử như mọi người khác, ở mức độ thấp hay cao: với tư cách là các thành tố của hệ thống hậu toàn trị, với tư cách là nhân viên của cỗ máy tự vận hành của nó, như là các công cụ đáng thương của hệ toàn trị-tự động xã hội.

Như vậy, cấu trúc quyền lực, qua đại diện là những người thực thi những đòn trừng phạt, những thành tố vô danh của hệ thống, sẽ khạc người bán rau quả ra khỏi mồm nó. Hệ thống, qua sự hiện hữu tha hóa của nó trong con người, sẽ trừng phạt anh ta vì sự nổi loạn. Nó phải làm thế vì logic của sự tự vận hành và tự bảo vệ của nó quy định như thế. Người bán rau đã không thực hiện việc công kích cá nhân, đơn lẻ và cô lập trong sự độc nhất của nó, mà là cái gì nghiêm trọng hơn rất nhiều. Bằng việc phá vỡ các quy tắc của luật chơi, anh ta đã làm gián đoạn cuộc chơi. Anh ta đã lột trần rằng nó chỉ là một trò chơi. Anh ta đã đập tan thế giới hình thức, cái trụ cột căn bản của hệ thống. Anh ta lật đổ cấu trúc quyền lực bằng cách xé toạc cái đã cố kết các phần của nó với nhau. Anh ta đã chứng tỏ rằng sống trong sự dối trá chính là sống dối trá. Anh ta đã phá vỡ cái mặt tiền được thần thánh hóa của hệ thống và vạch trần cái nền móng thực của quyền lực. Anh ta đã nói rằng vị hoàng đế cởi truồng. Và bởi vì vị hoàng đế trên thực tế đang cởi truồng, một điều gì cực kì nguy hiểm đã xảy ra: bằng hành động của anh ta, người bán rau đã sửa đổi cả thế giới. Anh ta cho mọi người nhìn chăm chú vào đằng sau sân khấu. Anh ta đã cho tất cả mọi người thấy rằng có thể sống trong sự thật. Sống trong dối trá chỉ có thể tạo thành hệ thống nếu mọi người đều làm vậy. Nguyên lý của nó phải bao quát và xuyên thấu tất cả. Không có thỏa hiệp nào cho phép nó cùng tồn tại với sống trong sự thật, và do đó tất cả những ai bước qua vạch đều đã phủ định hệ thống về nguyên tắc và đe dọa nó trong tính toàn thể của nó.

Điều này dễ hiểu thôi: chừng nào mà hình thức còn chưa đụng đầu với hiện thực, chừng đó nó còn có vẻ không phải hình thức. Chừng nào mà sống dối trá còn chưa đối mặt với sống trung thực, góc nhìn cần thiết để vạch trần sự dối trá còn bị thiếu. Nhưng ngay khi mà cái thay thế xuất hiện, nó lập tức đe dọa chính sự tồn tại của thế giới hình thức và cuộc sống dối trá, nó cho biết chúng là gì, cả về bản chất và tính bao trùm của chúng. Và đồng thời, việc cái thay thế này chiếm bao nhiêu không gian không mấy may quan trọng: sức mạnh của nó không nằm ở các thuộc tính vật lý mà ở ánh sáng nó chiếu rọi vào những trụ cột này của hệ thống và vào nền móng bất ổn của nó. Sau cùng thì người bán rau quả là mối đe dọa với hệ thống không phải vì sức mạnh vật chất hay thực tế mà anh ta có, mà bởi vì hành động của anh vượt lên chính nó, bởi vì nó soi rọi xung quanh, và tất nhiên, là vì những hậu quả khôn lường của sự sáng rõ ấy. Trong hệ thống hậu toàn trị, do đó, sống trong sự thật vượt lên chiều kích hiện sinh thuần túy (trả cho con người bản chất cố hữu của nó), hay chiều trí tuệ (phản ánh thực tiễn như nó vốn có), hoặc chiều kích đạo đức (làm gương cho người khác). Nó còn có một chiều kích chính trị không thể chối cãi. Nếu trụ cột chính của hệ thống là sống giả dối thì không có gì đáng ngạc nhiên khi đe dọa cơ bản với nó là sống thật. Chính vì điều này mà nó phải bị đè nén mạnh mẽ hơn bất kì điều gì khác.

Trong hệ thống hậu toàn trị, sự thật theo nghĩa rộng nhất của từ này có tầm quan trọng đặc biệt, không hề được biết đến trong những hoàn cảnh khác. Trong hệ thống này, sự thật đóng

vai trò lớn hơn nhiều (và khác hẳn thông thường) vì nó trở thành một yếu tố quyền lực, hoặc một lực lượng chính trị triệt để. Sức mạnh của sự thật vận hành như thế nào? Sự thật với vai trò là một yếu tố của quyền lực hoạt động ra sao? Làm thế nào để quyền lực của nó - với tư cách là quyền lực - được hiện thực hóa?

VIII.

Các cá nhân có thể bị biến thành xa lạ với chính mình chỉ khi có cái gì đó trong họ để mà trở nên xa lạ. Đối tượng của sự vi phạm ấy chính là cuộc sống chân thật của họ. Vì vậy, sống thật luôn được đan cài trực tiếp vào tấm thảm sống dối trá. Chính vì cái mục tiêu [sống] chân chính, cái [cuộc sống] thay thế đang bị đè nén này mà [mới tồn tại] sống giả dối với tư cách là một sự phản ứng bất chính. Chỉ trên cái nền sống thật ấy mà sống dối trá mới có ý nghĩa: nó tồn tại vì cái nền ấy. Nó bám rễ vào trật tự sống của con người, không gì khác hơn chỉ vì nó là sự phản ứng lại với cái mong muốn sống thật có sẵn trong mỗi con người. [Trong xã hội] dưới bề mặt có vẻ trật tự của cuộc sống giả dối, do đó, luôn ẩn giấu một không gian cho đời sống thật, một cách giấu giếm, nó cởi mở và sẵn sàng đón nhận sự thật.

Quyền lực chính trị phi thường, mãnh liệt và khôn lường của sống thật khởi nguồn từ chân lý rằng sống công khai trong sự thật sẽ có một đồng minh, đương nhiên là vô hình nhưng mạnh mẽ vô song, đó chính là cái không gian bị che giấu. Chính là từ không gian này mà sống thật có thể phát triển; chính không gian này là cái lắng nghe sự lên tiếng của sống thật, và chính trong đó, nó tìm thấy sự cảm thông. Đây chính là nơi mà tiềm năng cho trao đổi còn tồn tại. Nhưng nơi này lại bị che giấu, và vì thế, từ quan điểm của quyền lực, là rất nguy hiểm. Sự sôi sục phức tạp diễn ra trong những miền mờ tối, mà với thời gian, khi nó lộ ra dưới ánh mặt trời như là một chuỗi bất ngờ chấn động toàn hệ thống thì thường là đã quá muộn để che đậy chúng bằng các lễ thói thường ngày. Do đó, nó làm cho chế độ bị lúng túng, hoảng loạn và đẩy mình tới chỗ có những phản ứng ngu xuẩn.

Có vẻ như mảnh đất nuôi dưỡng cái có thể được hiểu là đối lập, theo nghĩa rộng nhất của từ này, trong hệ thống hậu toàn trị là sống trong sự thật. Tất nhiên, sự đối đầu giữa những lực lượng đối kháng này và quyền lực thống trị, rõ ràng phải có hình thức rất khác với sự đối đầu trong các xã hội mở hoặc trong các nền độc tài cổ điển. Thoạt đầu, sự đối đầu này không diễn ra trên bình diện quyền lực thực, đo đếm được và đã được thể chế hóa (quyền lực dựa trên những công cụ truyền thống), mà ở trên bình diện khác hẳn: bình diện của nhận thức và lý trí con người, của hiện sinh. Phạm vi hiệu lực của quyền lực đặc biệt này không thể đo lường được theo tiêu chuẩn số lượng tông đồ, cử tri hay quân lính, bởi vì nó nằm trải ra trong đội quân tình báo của nhận thức xã hội, trong các mục đích ngầm của cuộc sống, trong khao khát bị đè nén của nhân loại về nhân phẩm và các quyền cơ bản, về hiện thực hóa những lợi ích xã hội và chính trị của họ. Sức mạnh của nó, do đó, không dựa trên sức mạnh của các nhóm chính trị và xã hội theo định nghĩa, mà chủ yếu là sức mạnh của tiềm năng, cái ẩn giấu trong toàn xã hội, kể cả trong cấu trúc quyền lực chính thức của xã hội ấy. Cho nên, sức mạnh ấy không dựa vào những người lính của mình, mà dựa vào những người lính của kẻ thù, bởi vì nó ở trong tất cả

mỗi con người đang sống trong giả dối, những người có thể bị hạ gục vào bất kì khoảnh khắc nào (ít nhất là trên lý thuyết) bởi sức mạnh của sự thật (hoặc những người, từ ham muốn bảo vệ địa vị mang tính bản năng mà có thể ngã theo sức mạnh ấy). Có thể nói, đó là thứ vũ khí vi trùng, được sử dụng khi các điều kiện đã chín muồi cho một dân thường loại khỏi vòng chiến cả một sư đoàn. Sức mạnh này không tham gia bất kì một cuộc đấu tranh trực tiếp giành quyền lực nào; thay vào đó, nó gây ảnh hưởng đơn giản chỉ bởi vì nó là chính nó. Tuy thế, chuyển động ngầm mà nó gây nên có thể hiện thân thành cái gì đó hiện hữu: một sự kiện hay hành động chính trị thực, một phong trào xã hội, sự bộc phát những bất ổn xã hội, các xung đột gay gắt trong trong lòng cấu trúc quyền lực tưởng chừng thống nhất một khối, hoặc chỉ đơn giản là sự biến đổi không cưỡng được trong bầu không khí xã hội và trí thức (khi nào, ở đâu, dưới những điều kiện nào, và ở quy mô nào thì thật khó dự đoán). Và vì tất cả những vấn đề và trực trặc thực sự thì đều bị che giấu bên dưới lớp vỏ cứng dày của sự dối trá, không bao giờ rõ ràng khi nào thì cọng rơm rơi xuống, như tục ngữ nói, hay cọng rơm ấy là gì. Điều này cũng là lí do tại sao chính quyền kết án, hầu như một phản xạ không điều kiện có tính ngăn chặn, những cố gắng dù khiêm tốn nhất nhằm sống trong sự thật.

Tại sao Solzhenitsyn [8] bị tống ra nước ngoài? Chắc chắn không phải vì ông đại diện cho một đơn vị quyền lực thực sự, tức là, không phải vì một đại diện nào đó của chính quyền cảm thấy ông có thể lật ghế họ và thay vị trí của họ trong chính quyền. Trục xuất Solzhenitsyn là một điều gì khác: một cố gắng tuyệt vọng để nút cái suối nguồn sự thật rất đáng sợ ấy, cái sự thật có thể gây ra những biến đổi không tính hết được trong nhận thức xã hội, cái mà đến lượt nó lại có thể, một ngày kia, gây ra tiêu vong chính trị với những hậu quả khôn lường. Và vì thế, chính quyền hậu toàn trị ứng xử theo cách điển hình: nó bảo vệ sự toàn vẹn của thế giới hình thức nhằm bảo vệ chính nó. Bởi vì cái lớp vỏ cứng tạo bởi đời sống dối trá được làm từ một thứ nguyên liệu kì quái. Chừng nào nó còn bịt kín mít toàn xã hội, chừng đó nó còn có vẻ như làm bằng đá. Nhưng vào thời điểm ai đó xuyên thủng nó ở một điểm, vào lúc ai đó kêu lên "Hoàng đế cởi truồng kìa" - khi một người phá vỡ luật chơi, và vì thế mà vạch rõ nó chỉ là một trò chơi - thì tất cả đột nhiên lộ ra dưới một ánh sáng khác và toàn khối thạch bì từ đây dường như được làm từ giấy mỏng, và sự tan rã là không thể kiểm soát nổi nữa.

Khi tôi nói về việc sống trong sự thật, tất nhiên tôi không có ý nghĩ chỉ có những sản phẩm của tư duy khái niệm, như một sự phản đối hay một kháng thư của một nhóm trí thức. Nó có thể là bất kì phương tiện nào mà nhờ đó cá nhân hay một nhóm nổi dậy chống lại sự giật dây: bất kì cái gì, từ một bức thư của một nhóm trí thức, đến bài công của công nhân, từ một đêm nhạc rock đến biểu tình của sinh viên, từ việc từ chối bỏ phiếu trong những màn bầu cử lộ bịch hay đọc diễn văn ở một đại hội chính thức nào đó, đến thậm chí là một cuộc tuyệt thực. Nếu đàn áp các mục tiêu của cuộc sống là một quá trình phức tạp, và nếu sự đàn áp này dựa trên việc phải đồng loạt giật dây mọi phương diện thể hiện của cuộc sống, thì cũng chính vì thế mà bất cứ sự thể hiện tự do nào cũng đều gián tiếp đe dọa hệ thống hậu toàn trị về mặt chính trị, bao gồm cả những hình thức thể hiện mà nếu ở trong các hệ thống xã hội khác thì không ai có thể nghĩ rằng nó có một ý nghĩa chính trị tiềm tàng nào đấy, chứ đừng nói gì đến chuyện nó có năng lượng có thể bùng nổ.

Mùa xuân Praha thường được hiểu như là sự đụng độ giữa hai nhóm trên bình diện sức mạnh thực chất: những người muốn duy trì hệ thống như nó vốn có, và những người muốn cải cách nó. Nhưng người ta thường xuyên quên rằng, sự đối đầu này chỉ là hành động sau chót và là kết quả tất yếu của của một vở kịch dài đầu tiên được công diễn chủ yếu trong các nhà hát của tinh thần và trong nhận thức của xã hội. Và rằng ở nơi nào đó vào lúc bắt đầu tấn kịch, có những cá nhân sẵn sàng sống trong sự thật, thậm chí kể cả khi mọi thứ ở vào lúc tồi tệ nhất. Những người này không có kênh tiếp cận nào với quyền lực thực, mà cũng không khơi dậy nó. Những lãnh địa mà họ đang sống thật thậm chí không nhất thiết là lãnh địa của tư tưởng chính trị. Họ có thể là nhà thơ, họa sỹ, nhạc sỹ, hoặc đơn giản chỉ là những công dân bình thường, những người có khả năng duy trì giá trị nhân văn của họ. Ngày nay, tất nhiên là khó để truy nguyên khi nào và qua những đường hầm rộng mở và lồng gió nào mà một hành động hay thái độ nào đó đã bắt đầu gây ảnh hưởng lên hệ thống này, mà cũng khó lần theo những siêu vi trùng của chân lý, bởi vì nó từ từ lan ra trong những mô tế bào của đời sống giả dối, dần dần khiến nó phải tan rã. Tuy nhiên, có một điều có vẻ rõ ràng: cố gắng cải cách chính trị không phải là nguyên nhân làm bùng tỉnh xã hội, mà là kết quả cuối cùng của sự bùng tỉnh ấy.

Tôi cho rằng có thể hiểu hiện tại rõ hơn dưới ánh sáng của kinh nghiệm này. Sự đối đầu giữa 1000 nhà Hiến chương [9] với hệ thống toàn trị dường như [là sự đối đầu] vô vọng về chính trị. Điều này đúng, đương nhiên, nếu chúng ta nhìn nó qua những lăng kính cổ điển của hệ thống chính trị mở, trong đó, khá tự nhiên là mọi lực lượng chính trị phải được đo bằng những vị trí của nó trong thang đo quyền lực thực tế. Với góc nhìn ấy, một tiểu-đảng như Hiến chương hoàn toàn không có cơ hội nào. Nhưng, nếu sự đối đầu ấy được quan sát trên cái nền những điều mà ta đã biết về quyền lực trong hệ thống hậu toàn trị, sự kiện này sẽ được soi rọi dưới ánh sáng hoàn toàn khác. Trong thời gian hiện tại, chưa thể nói đích xác ảnh hưởng của sự xuất hiện Hiến chương 77, sự tồn tại của nó, và những gì nó đã làm trong không gian ngầm, và liệu những cố gắng của Hiến chương nhằm nhóm lên sự tự ý thức và niềm tin dân sự nên được xem xét ở đây như thế nào. Liệu sự đầu tư này, rất cuộc, có tạo ra tiền lãi cổ phần theo nghĩa những thay đổi chính trị cụ thể hay không, vào lúc nào và theo cách nào, lại càng khó dự đoán hơn nữa. Nhưng điều đó, tất nhiên, là sống trong sự thật. Là một giải pháp hiện sinh, nó đưa con người trở lại với nền tảng vững chắc của bản chất của họ; về chính trị, nó ném họ vào một canh bạc được ăn cả, ngã về không. Chính vì lí do này, nó chỉ được chọn bởi những người sẵn sàng chịu mạo hiểm, hay bởi những người đã đi tới kết luận là không còn cách nào khác để thực thi nền chính trị thực chất ở Tiệp khắc ngày nay. Điều này, tuy thế, cũng chỉ là một: chỉ những ai không chịu hi sinh bản chất người của mình vì chính trị, hay những ai không tin vào một nền chính trị đòi hỏi sự hi sinh như thế, mới có thể đi tới kết luận này.

Hệ thống hậu toàn trị càng ngược đãi bất kì một đối thủ nào trên bình diện quyền lực thực tế bao nhiêu, càng đàn áp bất kì hình thức chính trị nào độc lập với các luật vận hành tự động của nó bao nhiêu, thì sức nặng của các mối đe dọa chính trị tiềm tàng sẽ càng chuyển tới khu vực hiện sinh và tiền chính trị bấy nhiêu: thường là không cần tới cố gắng có ý thức nào, sống trong sự thật trở thành điểm xuất phát tự nhiên của mọi hoạt động chống lại sự tự vận hành của hệ thống. Và thậm chí nếu những hoạt động như vậy cuối cùng vượt lên trên lãnh địa của việc sống trong sự thật (có nghĩa là chúng đã chuyển thành vô số các phong trào, tổ chức, thể

chế song song, nếu chúng bắt đầu được coi là hoạt động chính trị, mang đến sức ép thực tiễn lên cấu trúc chính thức, và trên thực tế đã bắt đầu có ảnh hưởng ở tầng mức quyền lực thực, thì chúng vẫn luôn mang trong mình những dấu vết đặc thù về cội nguồn của chúng. Do đó, đối với tôi, có vẻ như là ngay cả cái gọi là phong trào bất đồng chính kiến cũng không thể được hiểu đúng nếu không ngừng lưu ý về cái nền đặc biệt mà từ đó nó xuất hiện.

IX.

Sự khủng hoảng nghiêm trọng của con người xuất hiện do sống trong dối trá, một cuộc khủng hoảng mà đến lượt nó lại làm cho một cuộc sống như vậy trở nên khả thi, chắc chắn phải mang một chiều kích đạo đức nữa: nó bộc lộ, bên cạnh những đặc điểm khác, như là một cuộc khủng hoảng đạo đức sâu sắc trong xã hội. Một người đã từng bị hấp dẫn bởi hệ thống giá trị tiêu thụ, người mà bản sắc đã bị hòa tan trong những trang phục hỗn tạp của nền văn minh đại chúng, người không có gốc rễ trong trật tự của tồn tại, không có cảm nhận trách nhiệm về bất kì cái gì ngoài sự sinh tồn của bản thân, là một người bị vô đạo đức hóa. Hệ thống dựa vào sự vô đạo đức hóa này, khoét sâu nó, và trên thực tế hệ thống ấy chính là sự phóng chiếu sự vô đạo đức lên xã hội.

Ngược lại, sống trong sự thật, như là sự nổi dậy của con người chống lại sự sắp đặt cưỡng bức, là một cố gắng giành lại quyền kiểm soát cảm nhận của cá nhân về trách nhiệm. Nói cách khác, nó hiển nhiên là một hành vi đạo đức, không chỉ vì người ta phải trả giá đắt cho nó, mà cơ bản là vì nó vô tư lợi: rủi ro có thể được đền đáp dưới hình thức chữa lành bệnh cho hiện trạng, mà cũng có thể không. Về mặt này, như tôi đã trình bày trước đây, nó là một canh bạc được tất hoặc mất tất, và thật khó mà tưởng tượng được một con người duy lý lại bước lên con đường chông gai ấy chỉ vì anh ta tin rằng hi sinh hôm nay sẽ đem lại lợi ích ngày mai - dưới hình thức sự cảm kích của công chúng. (Nhân tiện, những người đại diện cho quyền lực luôn vu khống những người sống trong sự thật bằng cách không ngừng quy kết những động cơ vị lợi cho họ - sự thèm muốn quyền lực, danh vọng, hay tiền tài - và do đó chúng đã thử, ít nhất là tìm cách dính líu những người sống trong sự thật này vào thế giới của chúng, thế giới của sự phi đạo đức tổng thể).

Nếu cuộc sống chân thật trong hệ thống hậu toàn trị trở thành mảnh đất chính nuôi dưỡng các ý tưởng chính trị độc lập thay thế (alternative), thì mọi xem xét về bản chất và viễn cảnh tương lai của những ý tưởng này nhất thiết phải phản ánh chiều kích đạo đức này như là một hiện tượng chính trị. (Và nếu niềm tin Mác-xít rằng đạo đức là một sản phẩm của thượng tầng kiến trúc đã ngăn cản ai đó trong số bạn bè của chúng ta nhận thức ra ý nghĩa đầy đủ của chiều kích này, và bằng cách này hay cách khác đã gộp nó [đạo đức theo quan điểm của Mác-xít] vào trong thế giới quan của họ, thì người thiệt hại chính là bản thân họ: lòng trung thành khắc khoải với các nguyên lý của thế giới quan này không cho họ hiểu biết đầy đủ những cơ chế ảnh hưởng chính trị của họ, vì thế, nghịch lý thay, nó khiến họ, với tư cách là những người Mác-xít, lại trở nên chính xác là cái mà họ vốn luôn nghi kỵ ở những người khác, đó là trở thành các nạn nhân của “nhận thức sai lầm”) Tầm quan trọng chính trị đặc biệt của đạo đức trong hệ thống

hậu toàn trị là hiện tượng mà ít nhất là rất hiếm có trong lịch sử chính trị hiện đại, một hiện tượng rất có thể có những hậu quả sâu xa - như tôi sẽ sớm cố gắng chỉ ra.

X.

Không thể phủ nhận rằng, sự kiện chính trị quan trọng nhất ở Tiệp khắc sau sự kiện Husák lên cầm quyền năm 1969 là sự xuất hiện của Hiến chương 77. Bầu không khí trí thức và tinh thần bao quanh sự xuất hiện của nó, tuy nhiên, không phải là sản phẩm của bất kì sự kiện chính trị trực tiếp nào. Bầu không khí ấy được tạo ra bởi phiên tòa xét xử một số nhạc sĩ trẻ có quan hệ với một nhóm nhạc rock gọi là "Những người nhựa của vũ trụ". Phiên tòa của họ không phải là sự đối đầu của hai lực lượng hay quan niệm chính trị khác nhau, mà là hai quan niệm cuộc sống khác nhau. Một bên là giáo lý khổ hạnh khô cứng của thành tựu hậu toàn trị, và bên kia là một nhóm người không tên tuổi, không muốn gì hơn là sống trong sự thật, chơi nhạc mà họ thích, hát các bài hát thích hợp với cuộc sống của họ, và sống tự do trong danh dự và tình bạn. Những người này không hề có quá khứ hoạt động chính trị. Họ không phải là những thành viên rất tích cực với các tham vọng chính trị, hay là các cựu chính trị gia bị gạt khỏi cấu trúc quyền lực. Họ đã được cung cấp mọi cơ hội để thích nghi với nguyên trạng, sống trong đối trá, hưởng thụ cuộc đời không bị chính quyền quấy nhiễu. Tuy thế, họ vẫn quyết định đi con đường khác. Cho dù thế, hay đúng hơn, chính vì thế, mà trường hợp của họ có một tác động vô cùng đặc biệt tới những người còn chưa tắt hi vọng. Hơn nữa, khi phiên tòa diễn ra, một cảm xúc mới đã cuộn lên bề mặt sau những năm chờ đợi, vô cảm và nghi ngờ mọi hình thức phản kháng. Con người đã "mệt mỏi vì mệt mỏi", họ chán ghét trì trệ, bất động, chỉ trụ hờ vào một niềm tin rằng rồi mọi thứ cuối cùng sẽ phải khá lên. Theo nhiều lẽ, phiên tòa là giọt nước làm tràn bát nước. Nhiều nhóm thuộc nhiều khuynh hướng khác nhau, mà cho đến lúc đó vẫn biệt lập với nhau, vẫn ngại hợp tác, hay những nhóm đã bị ràng buộc vào các hình thức hành động khiến hợp tác trở nên khó khăn, bỗng nhiên bị giáng mạnh bởi một thực tế mạnh mẽ là tự do là không thể phân chia. Tất cả mọi người đều chợt nhận ra rằng tấn công vào tầng hầm âm nhạc Séc (Czech) là tấn công vào cái cơ bản và quan trọng nhất, cái trên thực tế đã kết nối mọi người với nhau: nó là sự tấn công vào chính khái niệm "sống trong sự thật", vào mục đích đích thực của cuộc sống. Tự do chơi nhạc rock đã được hiểu như là quyền tự do của con người, và do đó cũng giống như là quyền tự do tham gia vào nhận thức chính trị và triết học, tự do viết lách, tự do biểu đạt và bảo vệ các lợi ích chính trị và xã hội khác nhau trong xã hội. Con người đã được khơi gợi để cảm thấy ý nghĩa thực sự của việc đoàn kết với những nhạc sĩ trẻ, và họ hiểu ra rằng, không đứng dậy cho tự do của người khác, không kể các phương tiện sáng tạo của họ hay thái độ sống của họ cách xa mình đến đâu, đều là từ bỏ quyền tự do của chính mình. (Không có tự do nếu không có bình đẳng trước pháp luật, và không có bình đẳng trước pháp luật nếu không có tự do; Hiến chương 77 đã cho khái niệm cổ này một chiều mới và điển hình, cái có ý nghĩa vĩ đại với lịch sử Czech hiện đại. Cái mà Slábeck, tác giả cuốn Sáu mươi tám, trong một phân tích thiên tài đã gọi là "nguyên tắc loại bỏ", cái luôn nằm dưới gốc rễ của mọi khốn khổ về chính trị và đạo đức ngày nay. Nguyên tắc này ra đời vào cuối Thế chiến II trong một xung đột lạ lùng giữa những người cộng sản và những người dân chủ, và đã được phát triển xa hơn nữa

sau đó, thẳng tới "cái đích cay đắng". Lần đầu tiên trong bao thập kỉ, nguyên tắc này đã bị vượt qua, bởi Hiến chương 77: tất cả những người đoàn kết dưới Hiến chương 77 đều, lần đầu tiên, trở thành những đối tác ngang hàng. Hiến chương 77 không chỉ đơn thuần là một liên minh của những người cộng sản và không cộng sản - điều đó thì không có gì lạ về mặt lịch sử và, từ giác độ đạo đức và chính trị thì không có gì là cách mạng - mà là một cộng đồng mà a priori là mở cho tất cả mọi người, và không ai trong đó bị đặt vào vị trí thấp kém một cách tiên nghiệm). Đó chính là không khí mà trong đó Hiến chương 77 đã ra đời. Ai có thể tiên đoán được rằng việc buộc tội một hai nhóm rock lại có những hậu quả sâu xa như thế?

Tôi nghĩ rằng những nguồn gốc của Hiến chương 77 minh họa rất rõ cái tôi đã đề xuất ở trên: trong hệ thống hậu toàn trị, cái nền thực sự cho các phong trào đang dần dần giành được ý nghĩa chính trị thường không bao gồm những sự kiện chính trị nổi bật như các cuộc đối đầu giữa các lực lượng hay quan điểm chính trị công khai. Các phong trào này chủ yếu bắt nguồn từ đâu đó khác, từ lãnh địa rộng hơn rất nhiều của "tiền chính trị", nơi mà "sống trong giả dối" đối đầu với "sống trong sự thật", tức là, nơi mà các đòi hỏi của hệ thống hậu toàn trị mâu thuẫn với mục đích chân chính của cuộc sống. Một cách tự nhiên, những mục đích thực sự này có khả năng mang những hình thức vô cùng đa dạng. Đôi lúc nó xuất hiện dưới dạng các quan tâm vật chất và xã hội cơ bản của một nhóm hay một cá nhân; những lúc khác, chúng có thể xuất hiện dưới dạng các quan tâm trí tuệ hay tinh thần; vào những lúc khác nữa, chúng có thể là những đòi hỏi hiện sinh cơ bản nhất, thí dụ như thôi thúc tự nhiên của con người được sống cuộc đời trong danh dự. Vì vậy, xung đột này khoắc lên mình cái vẻ chính trị không phải vì bản chất chính trị sơ đẳng của các mục tiêu đòi hỏi được lắng nghe, mà đơn giản là: với một hệ thống giết dây phức tạp mà trên đó chế độ hậu toàn trị được xây dựng lên và chịu lệ thuộc vào, thì mọi hành vi hay biểu hiện tự do của con người, mọi cố gắng sống trong sự thật không cách nào khác hơn là mang dáng vẻ đe dọa đối với hệ thống, và, vì thế, trở thành những thứ đặc biệt chính trị. Mọi biểu đạt chính trị cuối cùng của các phong trào xuất thân từ nền móng "tiền chính trị" này đều chỉ là thứ yếu. Nó phát triển và chín muồi với tư cách là kết quả của chuỗi đối đầu tiếp theo với hệ thống, chứ không phải vì nó khởi đầu đã là một chương trình, dự án hay áp lực chính trị.

Một lần nữa, những sự kiện năm 1968 khẳng định điều này. Những nhà chính trị cộng sản muốn cải tổ hệ thống đã xây dựng nên chương trình cải tổ của mình không phải vì đột nhiên họ giác ngộ một cách thần bí, mà bởi vì họ bị ép buộc phải làm như vậy do những sức ép liên tục và ngày càng tăng từ nhiều lĩnh vực của đời sống không hề liên hệ gì với chính trị theo nghĩa truyền thống của từ này. Trên thực tế, họ đã cố gắng xử dụng các biện pháp chính trị để giải quyết các xung đột xã hội (mà trên thực tế là đối đầu giữa những mục tiêu của hệ thống và những mục tiêu của cuộc sống) đang hàng ngày diễn ra hầu như tại mọi tầng mức xã hội, và đã nghiền ngẫm về nó trong nhiều năm với những suy tư ngày càng cởi mở. Được hậu thuẫn bởi sự cộng hưởng sống động trên toàn xã hội, các học giả và nghệ sĩ đã nhìn nhận vấn đề theo vô vàn cách và sinh viên thì đòi hỏi câu trả lời.

Sự ra đời của Hiến chương 77 cũng minh họa tầm quan trọng chính trị đặc biệt của khía cạnh đạo đức của những điều mà tôi vừa đề cập. Thật khó tưởng tượng ra Hiến chương 77 nếu

thiếu cảm nhận về sự đoàn kết giữa các nhóm rất khác nhau, và mọi người không đột nhiên nhận ra rằng không thể tiếp tục chờ đợi nữa, và rằng sự thật phải được nói lớn lên và nói đồng loạt, bất kể cái chắc chắn hiển hiện về những đòn trừng phạt và những hậu quả sò mó được trong tương lai gần kề. "Có cái gì đó đáng để hi sinh", Jan Patocka đã viết trước khi chết [10]. Tôi nghĩ rằng những nhà Hiến chương hiểu điều này không chỉ là di sản của Patocka, mà còn là lời giải thích tốt nhất tại sao họ lại làm những việc họ đã làm.

Nếu quan sát từ bên ngoài, và chủ yếu góc nhìn của hệ thống và cấu trúc quyền lực của nó, Hiến chương 77 đến bất ngờ, như là sét giữa trời quang. Tất nhiên, nó không phải là sét giữa trời quang, nhưng ẩn tượng ấy cũng thông cảm được, bởi vì sự sục sôi dẫn tới Hiến chương đã diễn ra trong "không gian bí mật", trong vùng mờ tối nơi mà sự vật thật khó được vẽ lại hay phân tích. Những cơ hội để dự đoán sự xuất hiện của Hiến chương 77 cũng mỏng manh như cơ hội vào lúc này để đoán nó sẽ dẫn tới đâu. Một lần nữa, nó quả là chấn động, rất điển hình cho những thời khắc khi mà một điều gì từ không gian bí mật đột nhiên bùng lên xuyên thấu bề mặt bất động của "cuộc sống trong đối trá". Càng bị mắc bẫy trong thế giới của những vỏ hình thức, thì càng ngạc nhiên khi một cái gì như thế xảy ra.

XI.

Trong các xã hội dưới hệ thống hậu toàn trị, mọi đời sống chính trị theo nghĩa truyền thống đều đã bị xoá sổ. Con người không có chút cơ hội nào biểu đạt quan điểm chính trị của mình nơi công cộng chứ đừng nói đến hình thành tổ chức chính trị. Khoảng trống được tạo ra bị lấp đầy bởi giáo điều ý thức hệ. Trong hoàn cảnh như vậy, quan tâm của con người về các vấn đề chính trị tự nhiên teo lại và tư tưởng chính trị độc lập, nếu có chẳng nữa, cũng bị số đông coi là không hiện thực, viển vông, một trò lạc thú, xa cách thậm hại với quan tâm hàng ngày của họ; một cái gì đó đáng tôn trọng, có thể, nhưng khá vô bổ, bởi vì một mặt hoàn toàn không tương, mặt khác lại quá nguy hiểm, [nó tồn tại] trong quan điểm của những người nhiệt tình thái quá, và mọi hành động theo hướng này đều bị chế độ trừng phạt.

Dù vậy, thậm chí trong những xã hội như thế, vẫn tồn tại các cá nhân và nhóm, không từ bỏ chính trị với tư cách là nghiệp của họ, và những người, bằng cách này hay cách khác, vẫn cố gắng suy nghĩ độc lập, thể hiện [lập trường của] mình, và trong một số trường hợp thậm chí còn hình thành tổ chức chính trị, bởi vì đó là một phần trong nỗ lực sống trong sự thật của họ.

Chính tự thân việc những người này tồn tại và lao động đã vô cùng quan trọng và có giá trị. Thậm chí trong những thời điểm đen tối nhất, họ vẫn duy trì sự liên tục của tư tưởng chính trị. Nếu có một cuộc bùng phát chính trị thực sự nào đó xuất hiện từ những đụng chạm "tiền chính trị" này hay khác, và được làm rõ đủ sớm (vì thế làm tăng cơ hội thành công một cách tương đối), thì nó thường xuyên là do công lao của những "vị tướng không quân đội" đơn độc này. Bởi vì họ đã duy trì sự liên tục về tư tưởng chính trị trong những lúc khó khăn nhất, có thể ngay lập tức làm giàu [tính lý luận và kinh nghiệm] cho các cuộc bùng phát này với những thành quả của tư tưởng chính trị của họ. Một lần nữa, lại có những ví dụ phong phú cho tiến trình này

ở Tiệp khắc. Không thể khác hơn, hầu hết những người từng là tù chính trị trong đầu những năm 70 (những người tưởng như bị hành hạ vô ích vì những hoạt động chính trị Đông-kì-sốt của họ bên cạnh một xã hội đã hoàn toàn vô cảm và mất đạo đức) chính là những nhà Hiến chương năng nổ nhất. Trong Hiến chương 77, di sản đạo đức của những hi sinh trước đây của họ được đánh giá cao, và họ đã làm giàu cho phong trào với kinh nghiệm và tư tưởng chính trị của mình.

Dù vậy, tôi có cảm giác là tư tưởng và hoạt động của những người bạn này của chúng ta (những người không bao giờ từ bỏ sự nghiệp chính trị trực tiếp, và luôn sẵn sàng gánh vác trách nhiệm chính trị trực tiếp) rất hay mắc phải một sai lầm kinh niên: sự hiểu biết không đầy đủ về đặc thù lịch sử của hệ thống hậu toàn trị như là một thực thể chính trị và xã hội. Họ có ít hiểu biết về bản chất đặc thù của quyền lực, là cái tiêu biểu cho hệ thống này, và vì thế họ đánh giá quá cao tầm quan trọng của các công việc chính trị trực tiếp theo nghĩa truyền thống. Hơn nữa, họ không đánh giá được tầm quan trọng chính trị của các sự kiện và quá trình "tiền chính trị" đã cung cấp đất mìn mà từ đó các thay đổi chính trị thực sự sẽ bắt rễ. Với tư cách là những nhà hoạt động chính trị - hay, như những người có tham vọng chính trị - họ thường xuyên cố gắng bắt đầu ở điểm đời sống chính trị tự nhiên dừng lại. Họ duy trì các mô hình hành vi có thể đã từng phù hợp trong những môi trường chính trị bình thường hơn, và do đó, vô tình đã đem những lối suy nghĩ lạc hậu, thói quen, khái niệm, phân loại và quan niệm cũ áp đặt vào những môi trường khá mới và rất khác, mà không cân nhắc đủ mức về ý nghĩa và bản chất của những thứ như thế trong môi trường mới, về cái kiểu chính trị như thế giờ đây có nghĩa gì, về kiểu sự kiện nào sẽ có ảnh hưởng và tiềm năng chính trị, và [nếu có thì] theo cách nào. Vì những người như thế đã bị loại ra khỏi các cấu trúc của quyền lực và không còn khả năng ảnh hưởng cấu trúc ấy một cách trực tiếp (và vì họ vẫn trung thành với các quan niệm truyền thống về chính trị, được xác lập ở những xã hội ít nhiều dân chủ hay trong các nền độc tài truyền thống), họ thường xuyên, theo một nghĩa nào đó, mất liên hệ với hiện thực. Tại sao phải nhượng bộ với thực tiễn, họ nói, nếu đảng nào thì cũng chẳng có đề xuất nào của chúng tôi được chấp nhận? Do đó, họ thấy mình ở trong một thế giới của tư duy hoàn toàn không tương.

Tuy nhiên, như tôi đã cố gắng chỉ ra, những sự kiện chính trị có tầm ảnh hưởng thực sự rộng rãi trong hệ thống hậu toàn trị không nổi lên từ những nguồn gốc và theo những cách giống như ở nền dân chủ. Và nếu như một phần lớn dân chúng thờ ơ, thậm chí nghi ngờ các mô hình và chương trình chính trị thay thế, [thậm chí] họ nghi ngờ cả việc ra đời của các chính đảng đối lập, thì đó không đơn thuần vì người ta vô cảm với các vấn đề công cộng và đã đánh mất cảm giác về "trách nhiệm cao hơn"; nói cách khác, nó không chỉ là hậu quả của sự phi đạo đức hóa. Nó cũng là một chút bản năng xã hội lành mạnh đang thức dậy trong thái độ này. Nó như thể là quần chúng đã nhận thức được bằng cảm tính là "không có gì là cái mà nó trông có vẻ nữa", như người ta vẫn nói, và rằng từ nay, do đó, mọi thứ cần phải làm theo cách hoàn toàn khác.

Nếu một vài đợt bùng phát chính trị quan trọng nhất trong khối các nước Xô viết trong những năm gần đây đã đến trước hết (trước khi được cảm nhận trên bình diện sức mạnh vật chất) từ các nhà toán học, triết học, vật lý, nhà văn, nhà sử học, các công nhân bình thường và

vân vân; và nếu động lực đằng sau vô số những "phong trào bất đồng chính kiến" này đến từ rất nhiều người trong các nghề "phi chính trị", thì không phải vì những người này thông minh hơn những người tự coi mình là nhà chính trị. Đó là vì những người này, vì không phải là nhà chính trị, nên không bị trói buộc quá chặt vào những tư tưởng chính trị truyền thống và những thói quen chính trị, và vì thế, thật nghịch lý là, họ nhận thức được hiện thực chính trị đúng đắn, và nhạy cảm hơn về cái gì có thể làm và cần làm dưới những điều kiện như vậy.

Không có cách nào vòng qua nó: bất kể mô hình chính trị thay thế có đẹp đến đâu, nó không còn có thể nói chuyện được với "không gian bí mật", kích động dân chúng và xã hội, gọi lên sự sôi sục chính trị thực sự. Không gian thực sự của chính trị tiềm tàng trong hệ thống hậu toàn trị là ở chỗ khác: ở căng thẳng thường xuyên và nghiệt ngã giữa những đòi hỏi phức tạp của hệ thống và những mục tiêu của đời sống, tức là, những nhu cầu căn bản của nhân loại đòi được sống, ít nhất là ở mức độ nào đó, hòa hợp với chính họ, tức là, sống theo cách có thể chịu đựng được, không bị các quan chức và cấp trên xúc phạm nhân phẩm, không phải bị cảnh sát theo dõi thường xuyên, có thể tự do bộc lộ bản thân, có thể tìm một nơi cho sáng tạo của họ, để hưởng an ninh luật pháp và vân vân. Bất kì điều gì động chạm đến mảng này một cách cụ thể, bất kì điều gì liên quan đến căng thẳng cơ bản và phổ biến/tồn tại khắp nơi này, sẽ tất yếu đánh động con người. Những dự án trừu tượng về các trật tự kinh tế và chính trị chẳng khiến họ quan tâm như thế, và đúng vậy-không chỉ bởi vì tất cả đều biết rõ cơ hội thành công của chúng mỏng manh đến mức nào, mà còn vì ngày nay, con người cảm thấy rằng các chính sách chính trị mà càng ít bắt nguồn từ cái "ở đây và bây giờ" rất con người và rất cụ thể, và nếu chúng càng tập trung vào một "ngày nào đó" trừu tượng, thì họ càng dễ bị thoái hóa vào những dạng nô lệ mới. Những con người sống trong hệ thống hậu toàn trị hiểu quá rõ rằng câu hỏi liệu một hay nhiều chính đảng cầm quyền, và các đảng này sẽ định nghĩa và dán nhãn cho mình ra sao là ít quan trọng hơn nhiều câu hỏi: liệu có thể sống như một con người hay không.

Trút bỏ gánh nặng của các thói quen và cách phân loại chính trị truyền thống và mở hết mình ra thế giới sinh tồn của con người, và sau đó rút ra những kết luận chỉ sau khi đã phân tích nó: điều này không chỉ thực tiễn hơn về mặt chính trị mà cùng lúc, từ quan điểm của "trạng thái lí tưởng của vấn đề", cũng hứa hẹn hơn về mặt chính trị. Một sự thay đổi cơ bản, lâu dài và thực sự để tốt lên - như tôi sẽ cố gắng chứng minh ở một chỗ khác - không còn có thể bắt nguồn từ những chiến thắng (nếu những chiến thắng ấy là có thể) của bất kì quan niệm chính trị truyền thống cụ thể nào đó, cái mà rốt cuộc vẫn chỉ là ngoại sinh, tức là, một quan niệm có tính cấu trúc hay hệ thống. Hơn bao giờ hết, một thay đổi như vậy sẽ phải bắt nguồn từ sự tồn tại của con người, từ việc cấu trúc lại căn bản vị trí của con người trong thế giới, mối quan hệ của họ với bản thân và người khác, và với vũ trụ. Nếu một mô hình kinh tế và chính trị tốt đẹp hơn có được tạo ra, thì có lẽ hơn bao giờ hết nó phải xuất phát từ những thay đổi đạo đức và hiện sinh căn bản trong xã hội. Nó không phải là cái gì có thể thiết kế và giới thiệu như một cái ô tô mới. Nếu nó muốn hơn là một biến tướng từ sự xuống cấp cũ, nó phải trên hết là sự thể hiện của cuộc sống trong quá trình tự biến đổi. Một hệ thống tốt hơn không tự động đảm bảo một cuộc sống tốt hơn. Trên thực tế, ngược lại mới đúng: chỉ bằng cách tạo ra một cuộc sống tốt hơn, một hệ thống tốt hơn mới được phát triển.

Một lần nữa tôi lặp lại rằng tôi không đánh giá thấp tầm quan trọng của tư tưởng chính trị và các công trình chính trị mang tính khái niệm. Ngược lại, tôi nghĩ rằng những tư tưởng chính trị chân chính và những công trình thực sự chính trị phải chính là cái mà chúng ta vẫn luôn luôn không đạt được. Tuy nhiên, nếu tôi nói "chân chính", tôi đang nghĩ trong đầu về một dạng tư tưởng và khái niệm đã giải phóng nó khỏi mọi sơ đồ chính trị truyền thống đã được nhập khẩu vào hoàn cảnh của chúng ta từ một thế giới sẽ không bao giờ trở lại (và sự trở lại của nó, nếu có thể, cũng không cung cấp giải pháp lâu dài cho những vấn đề quan trọng nhất).

Đệ nhị và đệ tứ quốc tế, cũng như bao tổ chức và quyền lực chính trị khác, có thể cung cấp một cách tự nhiên những hỗ trợ đáng kể cho những cố gắng đa dạng của chúng ta, nhưng không cái nào có thể giải quyết vấn đề thay cho chúng ta. Chúng vận hành trong một thế giới khác, và là sản phẩm của những môi trường khác. Các khái niệm lí thuyết của chúng có thể thú vị và đem đến gợi ý cho ta, nhưng có một điều chắc chắn là: chúng ta không thể giải quyết các vấn đề của mình chỉ bằng cách nhận/gắn mình vào những tổ chức này. Và cố gắng trong nước ta đặt cái ta đang làm vào bối cảnh các thảo luận đang thống trị các xã hội dân chủ thường có vẻ vô cùng ngu ngốc. Ví dụ, liệu có thể nói chuyện một cách nghiêm túc về việc chúng ta nên thay đổi hệ thống hay chỉ cải cách nó? Trong những hoàn cảnh mà ta đang sống, đây là một giả-vấn đề, bởi vì trong thời gian hiện tại, đơn giản là chúng ta chẳng thể thực hiện được bất kì mục tiêu nào trong đó. Chúng ta thậm chí còn chưa rõ cải cách sẽ dừng ở đâu và thay đổi sẽ bắt đầu từ chỗ nào. Chúng ta biết rõ từ những kinh nghiệm cay đắng rằng cải cách hay thay đổi, tự thân nó đều chẳng phải là bảo đảm cho bất kì điều gì. Chúng ta biết rằng cuối cùng thì đối với chúng ta, việc liệu hệ thống mà chúng ta đang sống, dưới ánh sáng của một học thuyết nào đó, có vẻ được "cải cách" hay bị "thay đổi" cũng chẳng khác gì nhau. Quan tâm của chúng ta là liệu ta có thể sống trong danh dự trong một hệ thống như vậy không, liệu nó có phục vụ con người thay vì buộc con người phải phục vụ nó không. Chúng ta đang đấu tranh để đạt được điều này với những phương tiện sẵn có, và những phương tiện đáng được sử dụng. Các nhà báo phương Tây, ngập chìm trong những tầm thường chính trị mà họ đang sống cùng, có thể dán nhãn cho cách tiếp cận của ta là quá hợp hiến, hay quá mạo hiểm, cải lương, phản cách mạng, tư sản, cộng sản hay quá cánh tả hoặc cánh hữu. Nhưng đó là điều cuối cùng hấp dẫn chúng ta.

XII.

Một khái niệm vẫn luôn luôn là nguồn hiểu nhầm, cơ bản là vì nó được nhập khẩu vào hoàn cảnh của chúng ta từ những hoàn cảnh hoàn toàn khác, là khái niệm về đối lập. Đối lập thực sự là gì trong một hệ thống hậu toàn trị?

Trong các xã hội dân chủ với hệ thống nghị viện truyền thống, đối lập chính trị được hiểu như là một lực lượng chính trị trên bình diện quyền lực thực (thường thấy nhất là một chính đảng hoặc một liên minh các đảng phái) mà không phải là một phần của nhà nước. Nó cung cấp một cương lĩnh chính trị khác, nó có các tham vọng lãnh đạo, và nó được nhà nước nắm quyền thừa nhận và tôn trọng như là một thành tố tự nhiên của đời sống chính trị nước đó. Nó tìm cách mở rộng ảnh hưởng bằng các biện pháp chính trị, và cạnh tranh giành quyền lực trên

cơ sở các quy định pháp luật đã được thừa nhận.

Cùng với hình thức đối lập này, còn tồn tại hiện tượng "đối lập ngoài nghị viện", cái mà cũng lại bao gồm các lực lượng ít nhiều được tổ chức trên bình diện quyền lực thực, nhưng vận hành ngoài những quy tắc được tạo ra bởi hệ thống, và thực thi các biện pháp khác với thông thường trong khung đó.

Trong các nền độc tài cổ điển, khái niệm đối lập chính trị được hiểu là các lực lượng chính trị cũng có cương lĩnh chính trị riêng. Họ hoạt động hoặc hợp pháp hoặc bên ngoài các giới hạn của tính hợp pháp, nhưng trong bất kì trường hợp nào họ cũng không thể cạnh tranh giành quyền lực trong những khuôn khổ các quy định được thỏa thuận trước. Hoặc khái niệm đối lập có thể được áp dụng với những lực lượng chuẩn bị cho một cuộc đối đầu bằng bạo lực với quyền lực thống trị, hoặc những người tự cảm thấy đã ở trong trạng thái đối đầu này, như là các nhóm du kích hoặc các phong trào giải phóng.

Đối lập trong hệ thống hậu toàn trị không tồn tại trong bất kì hình thái kể nào trên. Vậy, thuật ngữ này có thể được dùng theo nghĩa nào?

Đôi khi, thuật ngữ "đối lập" được áp dụng, chủ yếu bởi các nhà báo phương Tây, cho những người hoặc nhóm trong cấu trúc quyền lực, những người thấy mình đang trong trạng thái mâu thuẫn ngầm ngầm với quyền lực cao nhất. Những lí do cho mâu thuẫn này có thể khác nhau đôi chút về mặt khái niệm (nhưng tất nhiên cũng không quá khác biệt), nhưng thường thì chỉ là sự thôi thúc về quyền lực hoặc sự thù ghét cá nhân với người đang đại diện cho quyền lực ấy.

Đối lập cũng có thể được hiểu là bất kì thứ gì có thể có tác động chính trị gián tiếp theo nghĩa đã kể trên, tức là bất kì cái gì mà hệ thống hậu toàn trị cảm thấy là mối đe dọa, và trên thực tế cũng chính là cái đang đe dọa hệ thống. Theo nghĩa này, đối lập là mọi cố gắng sống trong sự thật, từ việc người bán rau quả từ chối đặt khẩu hiệu trong cửa sổ, cho đến một bài thơ viết tự do; nói cách khác, bất kì điều gì trong đó các mục tiêu của cuộc sống vượt lên trên các giới hạn do các mục tiêu của hệ thống áp đặt lên chúng.

Tuy nhiên, thông thường hơn, đối lập thường được hiểu (một lần nữa, chủ yếu là các nhà báo phương Tây) như là các nhóm người công khai thái độ bất phục tùng và có quan điểm phê phán, những người không hề giấu diếm những suy nghĩ độc lập của mình, và là những người, ở mức độ ít hay nhiều, coi họ như là một lực lượng chính trị. Theo nghĩa này, khái niệm "đối lập" ít nhiều trùng lặp với khái niệm "bất đồng chính kiến", mặc dù hiển nhiên là, có nhiều sự khác nhau to lớn về mức độ mà cái nhãn này được chấp nhận hay bác bỏ. Nó phụ thuộc không chỉ vào phạm vi mà những người này hiểu quyền lực của họ như là một lực lượng chính trị độc lập, và liệu họ có tham vọng tham dự vào quyền lực thực hay không, mà còn vào cách mỗi người trong số họ hiểu về khái niệm một lực lượng "đối lập".

Một lần nữa, đây lại là ví dụ: trong tuyên bố gốc của nó, Hiến chương 77 nhấn mạnh rằng nó không phải là đối lập vì nó không có ý định trình bày một cương lĩnh chính trị thay thế. Nó coi

nhiệm vụ của nó là một cái gì đó tương đối khác, vì nó đã không trình bày những cương lĩnh như thế. Trên thực tế, nếu việc trình bày một cương lĩnh thay thế được coi là bản chất của đối lập trong các nhà nước hậu toàn trị, thì [phong trào] Hiến chương không thể được coi là đối lập.

Chính phủ Czechlovak, tuy thế, đã coi Hiến chương 77 như là một tổ chức đối lập công nhiên ngay từ đầu, và đã đối xử với nó theo cách ấy. Điều này có nghĩa là nhà nước - và điều này là tất nhiên thôi - hiểu từ "đối lập" ít nhiều giống với cách tôi đã định nghĩa ở điểm 2, tức là, như là bất kì cái gì cố gắng tránh khỏi sự giật dây hoàn toàn và vì thế đã phủ nhận nguyên lí rằng hệ thống có quyền sở hữu tuyệt đối các cá nhân.

Nếu ta chấp nhận khái niệm đối lập này, thì tất nhiên chúng ta phải, cùng với nhà nước, coi Hiến chương là đối lập thực sự, bởi vì nó đại diện cho một thách thức nghiêm trọng sự toàn vẹn của quyền lực hậu toàn trị, được xây lên như nó vốn thế trong thế giới của "sống trong đối trá".

Tuy nhiên, sẽ là một vấn đề khác, nếu chúng ta nhìn vào mức độ mà những người kí tên trong Hiến chương 77 nghĩ về họ như là đối lập. Ấn tượng của tôi là cách hiểu của phần lớn trong số họ dựa vào nghĩa truyền thống của từ này, bởi vì cái nghĩa ấy đã được thừa nhận trong các xã hội dân chủ (hay trong các nền độc tài cổ điển). Vì thế, họ hiểu "đối lập", thậm chí ở Tiệp khắc, như là lực lượng được định danh về chính trị mà, mặc dù nó không vận hành ở tầng mức quyền lực thực, và thậm chí còn ít hơn trong khuôn khổ của các quy tắc nhất định được nhà nước tôn trọng, vẫn sẽ không phủ nhận cơ hội tham gia quyền lực thực, bởi vì theo một nghĩa nào đó nó có một cương lĩnh chính trị mà những người đề đạt cương lĩnh này đã được chuẩn bị để gánh vác trách nhiệm chính trị trực tiếp cho nó. Với khái niệm về đối lập này, thì một số - [thực ra là] tuyệt đại đa số - nhà Hiến chương không nhìn nhận họ theo cách này. Những người khác -thiểu số - thì có, mặc dù họ hoàn toàn tôn trọng thực tế là không có chỗ trong Hiến chương 77 cho các hoạt động "đối lập" theo nghĩa này. Nhưng cùng lúc, có thể là tất cả mọi nhà Hiến chương đều khá quen thuộc với bản chất cụ thể của các điều kiện của hệ thống hậu toàn trị để nhận ra rằng không chỉ sự đấu tranh cho quyền con người mới có sức mạnh chính trị, mà còn cả những hoạt động "vô tư" hơn rất nhiều, và do đó chúng có thể được hiểu như là một mặt của đối lập. Không một nhà Hiến chương nào có thể thực sự phủ nhận là sẽ bị coi là "đối lập" theo nghĩa này.

Tuy nhiên, còn một hoàn cảnh khác nữa làm phức tạp hóa vấn đề một cách tương đối. Trong nhiều thập kỉ, lực lượng cầm quyền trong các xã hội thuộc khối Xô viết đã coi cái mác "đối lập" như là lời buộc tội ghê gớm nhất, đồng nghĩa với từ "kẻ thù". Dán nhãn ai đó là "phần tử thuộc phe đối lập" cũng tương đương với việc nói rằng anh ta đang cố gắng lật đổ chính quyền và đặt dấu chấm hết cho chủ nghĩa xã hội (tất nhiên là vì mua chuộc của bọn tư bản). Đã có những lúc mà cái mác này đưa thẳng tới giá treo cổ, và tất nhiên điều này không khuyến khích mọi người áp dụng một cái nhãn như thế lên họ. Hơn nữa, đó chỉ là một từ, và chuyện thực sự làm được gì bao giờ cũng quan trọng hơn là nhãn mác.

Lí do cuối cùng tại sao nhiều người phủ nhận một khái niệm như vậy là vì có một cái gì đó tiêu cực về khái niệm "đối lập". Nhưng người tự định nghĩa như vậy về mình làm như thế trong quan hệ với "lập"[11] nào đó có trước. Nói cách khác, họ đặt mình trong mối quan hệ với quyền lực đang thống trị xã hội, và qua đó mà định nghĩa mình, rút ra "lập" của họ từ vị trí của chính quyền. Với những người chỉ đơn giản là quyết định sống trong sự thật, nói lên những điều họ nghĩ, biểu thị sự đoàn kết với những công dân anh em của họ, sáng tạo như họ muốn, và chỉ đơn giản là sống hòa hợp với cái Tôi tốt đẹp của mình, thì thật tự nhiên là mâu thuẫn với cảm giác phải định nghĩa cái "lập" chân chính và tích cực của mình bằng một cách tiêu cực, thông qua một cái gì khác, và nghĩ về mình như là đang chống lại cái gì đó, mà không phải đơn giản là con người đúng với cái thực sự là họ.

Rõ ràng, cách duy nhất để tránh hiểu nhầm là nói rõ - trước khi người ta dùng chúng - là theo nghĩa nào các từ "đối lập" và "thành viên thuộc phe đối lập" đang được dùng và chúng phải được hiểu như thế nào trong hoàn cảnh của ta.

XIII.

Nếu thuật ngữ "đối lập" đã được du nhập từ các xã hội dân chủ vào hệ thống hậu toàn trị mà thiếu sự thống nhất về việc từ này có nghĩa gì trong từng hoàn cảnh vốn rất khác nhau, thì thuật ngữ "bất đồng chính kiến" lại ngược lại, được các nhà báo phương Tây chọn và bây giờ được chấp nhận rộng rãi như là nhãn cho một hiện tượng thông thường của hệ thống hậu toàn trị và không bao giờ xảy ra-ít nhất là không dưới hình thức ấy - trong các xã hội dân chủ.

Những "nhà bất đồng chính kiến" này là ai?

Có vẻ như là thuật ngữ này được áp dụng với các công dân thuộc khối Xô viết, những người đã quyết định sống trong sự thật, và những người mà thêm vào đó, thỏa mãn các tiêu chí sau:

Họ thể hiện quan điểm bất phục tùng và quan điểm phê phán một cách công khai và có hệ thống, trong những giới hạn rất hẹp sẵn có đối với họ, và vì thế, họ được biết tới ở phương Tây.

Bất chấp việc không thể xuất bản ở trong nước và bất chấp mọi hình thức hành hạ của chính quyền, họ, bằng thái độ của mình, đã giành được sự kính trọng nhất định, cả từ công chúng và từ chính quyền, và do đó họ có thể hưởng một mức độ quyền lực thực gián tiếp, hết sức hạn chế và lạ lùng trong môi trường của họ. Điều này hoặc là bảo vệ họ khỏi các hình thức hành hạ tồi tệ nhất, hoặc ít nhất đảm bảo rằng nếu họ bị áp bức, thì điều đó sẽ gây ra những rắc rối chính trị nhất định cho chính quyền.

Phạm vi tập trung phê phán và những cam kết của họ phải vượt qua khung cảnh chật hẹp của môi trường sát cạnh họ hay các lợi ích đặc biệt để hướng tới các hoài bão lớn hơn; và do đó, công việc của họ trở nên có tính chính trị ngay trong bản chất, mặc dù có sự khác biệt đáng kể trong mức độ họ tự nghĩ về bản thân như là một lực lượng chính trị.

Họ là những người nghiêng về các đích tri thức, có nghĩa là, họ là những người “viết”. Đối với họ, những từ ngữ được viết ra là phương tiện trực tiếp - và thường là duy nhất- mà họ nắm giữ, và điều này có thể đem lại cho họ sự chú ý, đặc biệt là từ nước ngoài. Các cách khác mà theo đuổi nhằm sống trong sự thật thì, hoặc là các nhà quan sát nước ngoài không nhìn thấy được [vì chúng ở] trong môi trường địa phương khó nắm bắt, hoặc nếu chúng vượt được qua cái khung địa phương này thì cũng chỉ xuất hiện như là những phụ gia mờ hơn bổ sung cho những cái mà họ đã viết.

Bất kể nghề nghiệp của họ là gì, những người này được nói đến ở phương Tây vì những hoạt động của họ với tư cách những công dân tận tụy, hoặc theo các mặt chính trị hay phê phán của các tác phẩm của họ hơn là các công việc thực tế họ đã thực hiện trong lĩnh vực của mình. Từ kinh nghiệm các nhân, tôi biết rằng có một lần ranh vô hình mà nếu bạn vượt qua - mà thậm chí dù không muốn hay không nhận ra - thì họ sẽ không còn coi bạn như là một nhà văn và tình cờ lại là một công dân quan tâm [đến thời cuộc]; họ sẽ bắt đầu nói về bạn như là một "nhà bất đồng chính kiến" tình cờ cũng thích viết kịch (có thể, trong thời gian nhàn rỗi?) .

Hẳn nhiên, có nhiều người đạt được tất cả những tiêu chí này. Cái có thể gây tranh cãi là liệu chúng ta có nên dùng một thuật ngữ riêng cho một nhóm được định nghĩa theo cách hầu như ngẫu nhiên như vậy không, và đặc biệt là họ có nên bị gọi là "nhà bất đồng chính kiến" hay không. Tuy nhiên, rõ ràng là ta chẳng thể làm gì khác được. Thi thoảng, để khởi động đối thoại, chúng ta thậm chí còn dùng cái nhãn này, mặc dù, điều đó được làm với ác cảm, hơi hài hước và luôn trong ngoặc kép.

Có lẽ đây là thời điểm thích hợp để liệt kê một vài lí do tại sao chính các "nhà bất đồng chính kiến" lại không thích bị gọi như vậy. Một là, cách gọi này có vấn đề về gốc từ học (etymology). Những "người bất đồng chính kiến", như báo chí chúng ta vẫn giảng giải, là cái gì đó tựa tựa "kẻ phản bội" hay "tái phạm". Nhưng những người bất đồng chính kiến không coi họ là phản bội, vì một lẽ đơn giản là họ chẳng phủ định hay từ chối điều gì. Ngược lại, họ đang cố gắng khẳng định bản chất nhân văn của chính họ, và nếu họ có phủ nhận điều gì đó chẳng nữa, thì đó chỉ là những thứ sai lầm và xa lạ trong cuộc đời họ, cái khía cạnh của "sống trong dối trá"[12].

Nhưng đó không phải là điều quan trọng nhất. Cái từ "nhà bất đồng chính kiến" thường ám chỉ một nghề đặc biệt nào đó, như thế, cùng với những nghề tầm thường hơn, có một nghề đặc biệt nữa là găm gù với các hiện trạng của đời sống. Thực tế là, một "nhà bất đồng chính kiến" chỉ đơn giản là một nhà vật lí, nhà xã hội học, nhà thơ, các cá nhân chỉ đơn thuần làm cái việc mà họ cho là phải làm, và vì thế, họ nhận ra họ trong một cuộc mâu thuẫn công khai với chính thể. Mâu thuẫn này không xuất hiện từ bất kì nhận thức duy lí nào về phần họ, mà chỉ đơn giản từ logic nội tại trong tư tưởng, hành vi hay công việc của họ (mà thường sự đối đầu với ngoại cảnh này ít nhiều vượt quá sự kiểm soát của họ). Nói cách khác, họ không quyết định một cách duy lí như là một kẻ phản động chuyên nghiệp, như cách người ta vẫn quyết định trở thành một cô thợ may hay anh thợ khóa.

Tất nhiên, trên thực tế họ thường không phát hiện ra là mình là những "nhà bất đồng chính kiến" cho đến khi họ thực sự trở thành người ấy. "Bất đồng chính kiến" khởi nguồn từ những động cơ hoàn toàn khác với lòng hám danh vọng và địa vị tên tuổi. Tóm lại, họ không quyết trở thành "nhà bất đồng chính kiến", và thậm chí nếu họ có dành hai bốn giờ một ngày cho nó, nó vẫn không phải là một nghề, mà cơ bản là một thái độ nhân sinh. Hơn nữa, thái độ đó hoàn toàn không phải là độc quyền của những người nhận cái danh hiệu "nhà bất đồng chính kiến" chỉ vì họ ngẫu nhiên đáp ứng được các điều kiện chấp vá và mang tính hình thức kể trên. Có muôn ngàn người không tên tuổi khác đang cố gắng sống trong sự thật, và hàng triệu người muốn mà chưa thể, đơn giản vì có lẽ làm như thế trong điều kiện của họ cần can đảm lớn gấp mười lần cái can đảm của những người đã bước trước một bước kia. Nếu vài chục người ngẫu nhiên được nhắc ra trong số ấy và đặt vào một hạng đặc biệt, thì điều này sẽ hoàn toàn bóp méo bức tranh chung. Nó bóp méo theo nhiều cách. Hoặc là nó gợi ý rằng những "nhà bất đồng chính kiến" ấy là những người lỗi lạc, như là các "loài thú được bảo vệ", người được phép làm những điều mà người khác không được làm, là những người mà chính quyền thậm chí còn nuôi dưỡng để thể hiện sự khoan dung nhân từ của nó; hay nó che chắn cho một ảo ảnh rằng: vì số những kẻ phản động vốn chưa làm được gì nhiều này không đếm đủ đầu ngón tay, thì chắc là số còn lại là người phục tùng, bởi vì nếu họ không phục tùng thì chắc là đã bị liệt là "nhà bất đồng chính kiến" rồi.

Nhưng đó không phải là tất cả. Cách phân loại này vô tình đã tô đậm ấn tượng rằng quan tâm cơ bản của những "nhà bất đồng chính kiến" này là lợi ích thiết thân (vested interest) nào đó mà họ cùng chia sẻ với tư cách là một nhóm, như thể toàn bộ cuộc cãi lộn của họ với nhà nước chẳng có gì hơn là xung đột khó hiểu giữa hai nhóm đối lập, một cuộc xung đột chẳng liên quan tí gì đến xã hội. Nhưng ấn tượng ấy mâu thuẫn về cơ bản với tầm quan trọng thực sự của thái độ "bất đồng chính kiến", thái độ mà dù vùng lên hay ngã xuống đều vì quyền lợi của người khác, vì cái đang gây ra nỗi đau cho toàn xã hội, hay nói cách khác, vì sự quan tâm tới những người còn chưa dám nói. Nếu các "nhà bất đồng chính kiến" có một thứ uy quyền nào đó, và nếu họ còn chưa bị tiêu diệt từ lâu như những con côn trùng kì cục xuất hiện không đúng chỗ, thì không phải vì nhà nước muốn giữ lại một nhóm đặc biệt này và tư tưởng đặc biệt của họ trong một niềm phấn khích, mà vì nó hoàn toàn hiểu rõ quyền lực chính trị tiềm tàng của "sống trong sự thật" bắt rễ từ "không gian bí mật", và cũng nhận thức rõ cái loại thế giới mà "bất đồng chính kiến" được sản sinh ra và cái thế giới mà nó tác động: thế giới của đời sống thường ngày, thế giới của mâu thuẫn hàng ngày giữa những mục tiêu của cuộc đời với mục tiêu của hệ thống. (Còn gì minh chứng tốt cho điều này hơn là hành động của chính quyền sau khi Hiến chương 77 xuất hiện, khi nó khai hỏa một chiến dịch buộc toàn dân tộc phải tuyên bố rằng Hiến chương 77 là sai? Hàng triệu chữ kí đã chứng tỏ, bên cạnh những điều khác, rằng điều ngược lại mới đúng). Các bộ máy chính trị và cảnh sát không phung phí một sự quan tâm to lớn đến những "nhà bất đồng chính kiến" (cái có thể gây ấn tượng là chính quyền sợ họ như thể sợ một tập đoàn quyền lực khác vậy) bởi vì họ chính là một tập đoàn quyền lực khác; mà bởi vì họ là những người bình thường, với những mối quan tâm thường nhật, và chỉ khác với số đông ở chỗ họ nói lớn điều mà những người khác không thể hoặc vì sợ mà không dám nói. Tôi đã từng đề cập đến ảnh hưởng chính trị của Slzhenitsyn: nó không nằm trong một quyền lực chính trị riêng biệt mà ông có với tư cách là một cá nhân, mà ở trải nghiệm của hàng triệu nạn nhân Gulag mà ông chỉ đơn giản là tăng âm và truyền đạt tới hàng triệu người có lương tri khác.

Chọn ra một nhóm các "nhà bất đồng chính kiến" lỗi lạc cũng có nghĩa là phủ nhận khía cạnh đạo đức cốt lõi nhất trong hoạt động của họ. Như ta đã thấy, "phong trào bất đồng chính kiến" phát triển từ nguyên tắc bình đẳng, đặt trên quan niệm rằng quyền con người và tự do là không chia tách được. Cuối cùng, chẳng phải những "nhà bất đồng chính kiến nổi tiếng" trong KOR[13] đã bảo vệ những người lao động không tên tuổi hay sao? Và chẳng phải chính vì lí do này mà họ trở thành "những nhà bất đồng chính kiến nổi tiếng"? Và chẳng phải "những nhà bất đồng chính kiến nổi tiếng" trong Hiến chương 77 đoàn kết lại dưới Hiến chương 77 sau khi họ đã đến cùng nhau để bảo vệ những nhạc sĩ vô danh, và họ trở nên "các nhà bất đồng chính kiến nổi tiếng" chính vì lẽ đó? Thật là một nghịch lí tàn nhẫn là càng nhiều công dân đứng lên bảo vệ các công dân khác, thì họ lại càng bị dán bởi một từ ngăn cách họ với "các công dân khác".

Cách giải thích này, tôi hi vọng, sẽ làm rõ tầm quan trọng của các dấu ngoặc kép mà tôi đặt ngoài từ nhà bất đồng chính kiến trong suốt tiểu luận này.

Vào thời gian các vùng đất Czech cùng với Slovackia là một phần của Đế chế Áo-Hung, và khi mà không tồn tại cả những điều kiện xã hội, tâm lí, chính trị lẫn lịch sử cho phép những người Czech và Slovack tìm kiếm bản sắc của mình bên ngoài cái khung đế chế này, thì T. G. Masaryk đã xác lập một cương lĩnh dân tộc Czechoslovak dựa vào khái niệm "công việc quy mô nhỏ" (drobná práce). Theo đó, ông hàm ý rằng các công việc có trách nhiệm và trung thực trong những mặt vô cùng khác nhau của đời sống nhưng nằm trong trật tự xã hội hiện thời sẽ kích thích sự sáng tạo và tự tin quốc gia. Đương nhiên, ông đặt trọng tâm vào sự khai sáng và giáo dục, và vào các mặt đạo đức và nhân văn của cuộc sống. Masaryk tin rằng điểm bắt đầu khả thi duy nhất cho một tương lai quốc gia sáng lạn hơn là ở chính con người. Nhiệm vụ đầu tiên của con người là tạo ra các điều kiện cho một cuộc sống nhân văn hơn: và theo Masaryk, nhiệm vụ chuyển biến tâm vóc của quốc gia bắt đầu từ chuyển biến con người.

Khái niệm "làm việc vì lợi ích dân tộc" bám rễ trong lòng xã hội Czechoslovak và theo nhiều khía cạnh, nó đã thành công và còn sống đến ngày nay. Cùng với những người khai thác khái niệm này như là biện minh tinh tế cho việc hợp tác với chính quyền, vẫn còn nhiều người khác, ngay cả ngày nay, vẫn ấp ủ lý tưởng và, ít nhất trong một số lĩnh vực, có thể dẫn tới những thành quả không chối cãi được. Rất khó nói sự thể sẽ còn tồn tại đến đâu nếu không có những người làm việc cật lực, những người chỉ đơn giản là không chịu từ bỏ và cố gắng không ngừng làm mọi việc có thể, trả một cái giá tối thiểu cho "sống trong dối trá" để họ có thể cống hiến tới mức cao nhất cho những nhu cầu chân chính của xã hội. Nhưng người này coi, một cách đúng đắn, rằng mọi việc tốt đều là một sự phê phán gián tiếp nền chính trị tồi tệ, và rằng có những điều kiện khiến cho con đường này đáng để đi theo, cho dù nó có thể có nghĩa rằng họ phải từ bỏ quyền tự nhiên được phê phán trực tiếp.

Tuy nhiên, ngày nay, có những giới hạn rất rõ ràng cho thái độ này, thậm chí khi so sánh với tình huống những năm 60. Ngày càng thường xuyên có những người đang cố gắng thực hiện phương châm "làm những việc nhỏ" cuối cùng đã phải đối mặt với hệ thống hậu toàn trị và thấy mình đứng trước một thế lưỡng nan: hoặc họ phải rút bỏ vị thế ấy, từ bỏ sự ngay thẳng, trách nhiệm và nhất quán mà vị thế ấy dựa vào và thích nghi với hoàn cảnh (cách mà đa số đã lựa chọn), hoặc là phải đi tiếp con đường đã đi và không thể tránh khỏi rơi vào xung đột với chế độ (có một thiểu số đã chọn cách này).

Nếu ý tưởng về "công việc quy mô nhỏ" không bao giờ có chủ đích - như là mệnh lệnh phải tồn tại bên trong cấu trúc chính trị và xã hội hiện có, bằng bất kì giá nào (trong trường hợp đó, những người tự cho phép mình bị cách li khỏi hệ thống tất yếu sẽ phải thôi "làm việc cho dân tộc") - thì ngày nay nó thậm chí càng ít quan trọng. Không có mô hình chung nào cho phép ứng xử, tức là, không có cách tổng quát và ngắn gọn nào quyết định cái điểm mà các "công trình quy mô nhỏ" không còn là "vì lợi ích dân tộc" và trở thành "gây hại cho dân tộc". Tuy nhiên, hiển nhiên là cái mối nguy của sự đảo ngược chiều ngày càng sâu sắc, và các công việc quy mô nhỏ ấy (với tần suất ngày càng thường xuyên hơn) trở nên chống lại cái giới hạn mà nếu vượt

qua đó, tránh xung đột có nghĩa là tự gây tổn thương tới chính bản chất của nó.

Trong năm 1974, khi tôi được nhận vào nhà máy bia, cấp trên trực tiếp của tôi là ông S, người rất sành sỏi trong nghệ thuật làm bia. Ông tự hào về nghề và ông muốn nhà máy làm bia ngon. Ông dành phần lớn thời gian cho công việc, không ngừng cải tiến, và ông thường xuyên làm chúng tôi khó chịu vì ông nghĩ chúng tôi cũng yêu nấu bia như ông. Kẹt giữa sự thờ ơ với công việc mà chủ nghĩa xã hội tạo ra, thật khó tưởng tượng một người lao động có tinh thần xây dựng hơn ông.

Nhà máy bia được quản lý bởi những người làm việc ít hơn và cũng không yêu thích nó lắm, nhưng lại có ảnh hưởng lớn hơn về chính trị. Họ khiến nhà máy bia sụp đổ và không chỉ không đáp lại bất kỳ đề xuất nào của S, mà họ còn ngày càng thù địch với ông và bằng mọi cách cản trở những nỗ lực làm việc tốt của ông. Cuối cùng, tình huống trở nên quá tồi tệ đến nỗi S cảm thấy buộc phải viết một lá thư dài cho cấp trên của ban giám đốc, trong đó ông cố gắng phân tích những khó khăn của nhà máy. Ông giải thích tại sao nó kém nhất trong quận và chỉ ra những người phải chịu trách nhiệm.

Tiếng nói của ông không bao giờ được lắng nghe. Giám đốc, người có quyền lực chính trị nhưng mù tịt về bia, một người thù công nhân và đầy mưu mô, giả thử có thể bị thay thế và những điều kiện trong nhà máy bia giả thử có thể được cải thiện - từ những đề nghị của S. Nếu điều đó xảy ra, nó đã có thể là ví dụ hoàn hảo cho "công việc quy mô nhỏ" trên thực tiễn. Không may, điều ngược lại đã xảy đến: giám đốc nhà máy, một ủy viên Quận ủy, có bạn bè ở các vị trí cao hơn và ông ta đã thấy sự việc kết thúc có lợi cho mình. Phân tích của S được coi là "tài liệu vu khống" và S bị chụp mũ là "gián điệp chính trị". Ông bị đuổi khỏi nhà máy bia và chuyển sang làm một nghề chẳng đòi hỏi kỹ năng gì. Ở đây, khái niệm "công việc quy mô nhỏ" đã đụng phải bức tường của hệ thống hậu toàn trị. Vì nói lên sự thật, S đã bước qua lằn ranh, phá vỡ luật lệ, loại mình ra, và ông kết cục thành công dân hạng hai, bị bêu rếu như kẻ thù. Giờ đây, ông có thể nói bất kỳ điều gì ông muốn, nhưng ông sẽ không bao giờ kì vọng là sẽ được lắng nghe - như là vấn đề nguyên tắc. Ông đã trở thành một "nhà bất đồng chính kiến" của Nhà máy bia Đông Bohemia.

Tôi cho rằng đây là trường hợp điển hình mà, từ một góc nhìn khác, minh họa cái tôi vừa nói ở phần trên: anh không trở thành một "nhà bất đồng chính kiến" chỉ vì trong một ngày đẹp trời, anh chọn sự nghiệp bất bình thường nhất này. Anh bị ném vào trong đó vì cảm nhận cá nhân về trách nhiệm của anh, cộng với một phức hợp ngoại cảnh. Anh bị loại khỏi cấu trúc hiện thời và bị đặt vào vị trí đối lập với nó. Nó bắt đầu bằng cố gắng làm việc tốt của anh, và kết thúc bằng việc bị dán nhãn là kẻ thù của xã hội. Đây là lí do tại sao hoàn cảnh của chúng ta không thể đem so được với Đế chế Áo-Hung, khi mà dân tộc Czech, trong giai đoạn tồi tệ nhất của nền chuyên chế Bach, chỉ có mỗi một "nhà bất đồng chính kiến" thực sự, Karel Havlíček, người bị bỏ tù ở Brixen. Ngày nay, nếu không hợm hĩnh [việc chúng ta là những nhà bất đồng chính kiến], chúng ta buộc phải thừa nhận rằng các "nhà bất đồng chính kiến" có thể tìm thấy ở mọi góc phố.

Phê phán các "nhà bất đồng chính kiến" vì họ từ bỏ "công việc quy mô nhỏ" thì thật là kì quặc. "Bất đồng chính kiến" không phải là một sự thay thế cho ý tưởng của Masaryk, mà nó thường xuyên là kết quả tất yếu [của ý tưởng ấy]. Tôi nói "thường xuyên" để nhấn mạnh rằng không phải lúc nào cũng vậy. Tôi còn lâu mới tin rằng những người có trách nhiệm và tử tế không ai khác ngoài những ai đã nhận ra mình lạc lõng trong cấu trúc chính trị và xã hội hiện thời. Cuối cùng thì, nghệ nhân bia S có thể đã chiến thắng trận đánh của ông. Nguyên rủa những người vẫn giữ vị trí của họ chỉ vì họ đang giữ vị trí ấy, hay nói cách khác, vì họ không phải là "nhà bất đồng chính kiến" thì cũng kì cục như là dựng họ lên như những "nhà bất đồng chính kiến". Trong bất kì tình huống nào, sẽ là mâu thuẫn với toàn bộ thái độ "bất đồng chính kiến" - được xem như một cố gắng sống trong sự thật - nếu người ta đánh giá hành vi con người không như nó vốn có và liệu nó tốt hay không, mà lại theo những tình cảnh cá nhân mà những cố gắng như thế đã đưa họ đến chỗ đó.

XV.

Cố gắng sống trong sự thật của người bán rau quả có thể được giới hạn trong việc không làm một số điều nhất định. Anh quyết định không đặt cò trong cửa sổ khi động cơ duy nhất cho việc đặt cò lên cửa sổ chỉ là để tránh bị gã công an khu phố sách nhiễu; anh không bỏ phiếu trong những kì bầu cử mà anh cho là giả tạo; anh không giấu ý kiến của mình với cấp trên. Nói cách khác, anh có thể không làm gì hơn là từ chối phục tùng những đòi hỏi nhất định của hệ thống đối với anh (vốn đương nhiên không phải là một bước tiến nhỏ). Điều này, tuy thế, có thể thành cái gì đó lớn hơn. Người bán rau quả có thể bắt đầu làm cái gì đó cụ thể, cái gì đó vượt lên hành động tự vệ cá nhân cấp thời chống lại sự giật dây, cái gì đó có thể thể hiện cảm nhận mới tìm ra của anh về trách nhiệm cao hơn. Ví dụ, anh có thể tổ chức những người đồng nghiệp bán rau quả hành động chung để bảo vệ lợi ích của mình. Anh có thể viết thư cho các cơ quan, kêu gọi sự chú ý của họ về các ví vụ mất trật tự và bất công xung quanh anh. Anh có thể tìm sách báo chui, copy chúng và cho bạn bè mượn.

Nếu cái tôi gọi là sống trong sự thật là điểm khởi đầu về mặt sinh tồn (và đương nhiên là tiềm ẩn cả mặt chính trị) căn bản cho mọi hiện tượng như "sáng kiến của các công dân độc lập" và "bất đồng chính kiến" hay "đối lập" sẽ được làm rõ trong tiểu luận này, thì điều này không có nghĩa là mọi cố gắng sống trong sự thật đều ngay lập tức thuộc về những phong trào này. Ngược lại, trong ý nghĩa rộng nhất và nguyên bản nhất của nó, sống trong sự thật bao trùm một lãnh địa rất rộng mà ranh giới rất mờ nhạt và khó vạch rõ, một lãnh địa gồm đầy những biểu hiện khiêm tốn của ý hướng nhân văn, thì tuyệt đại đa số những biểu hiện ấy vẫn vô danh và những ảnh hưởng chính trị của chúng có lẽ sẽ không bao giờ được cảm nhận hay mô tả rõ ràng hơn là một phần của không khí hay cảm xúc xã hội. Hầu hết những biểu hiện này vẫn chỉ là những sự nổi dậy sơ đẳng chống lại sự giật dây: bạn chỉ đơn giản là đứng thẳng và sống trong nhân phẩm hơn, như một cá nhân.

Ở đâu đó, nhờ tự nhiên, các giả định và nghề nghiệp của một số người, cũng nhờ những biến

số ngẫu nhiên, thí dụ các đặc thù của một bối cảnh cục bộ, các bạn bè và v.v..., mà một sáng kiến hữu hình và thống nhất hơn có thể xuất hiện từ những vùng đất xa xôi vô danh và bao la này, một sáng kiến cao hơn hẳn những "cuộc nổi loạn" cá nhân và chuyển thành những công việc tự giác, có tổ chức và hướng đích hơn. Cái điểm mà ở đó sống trong sự thật không còn là một sự phủ định đơn thuần cuộc sống đối trá và được cụ thể hóa theo một cách nhất định, là điểm mà có cái gì đó được sinh ra, có thể gọi là "đời sống chính trị, xã hội và tinh thần độc lập của xã hội". Đời sống độc lập này không tách rời phần còn lại của cuộc sống ("cuộc sống phụ thuộc") bằng một ranh giới được phân định rõ ràng. Cả hai thường xuyên cùng tồn tại trong một con người. Tuy thế, tiêu điểm quan trọng nhất của nó được đánh dấu bởi mức độ tương đối cao của giải phóng nội tâm. Nó bơi trên đại dương mê mông của đời sống bị giạt dây như những chiếc thuyền con, bị sóng dập vùi nhưng luôn nhấp nhô như là sứ giả hiện hữu của sống trong sự thật, nói lên những mục tiêu đang bị đàn áp của cuộc sống.

Đời sống độc lập này của xã hội là gì? Dải tần của các biểu hiện và hoạt động của nó dĩ nhiên là phải rất rộng. Nó bao gồm mọi thứ, từ tự giáo dục và nghĩ về thế giới, từ các hoạt động sáng tác tự do và truyền tải nó tới người khác, đến cách phong phú tự do bày tỏ thái độ công dân, bao gồm cả những tổ chức xã hội độc lập hình thành tự phát. Tóm lại, nó là một khu vực mà trong đó sống trong sự thật được chi tiết hóa và vật chất hóa theo cách nhìn thấy được.

Vì thế, cái sau này sẽ được nhắc đến như là "sáng kiến công dân", "phong trào bất đồng chính kiến", thậm chí đối lập, nổi lên như là một phần mười hiển hiện nhô khỏi mặt nước của tảng băng, từ khu vực đó - từ đời sống độc lập của xã hội. Nói cách khác, cũng hết như đời sống độc lập của xã hội bắt rễ từ sống trong sự thật theo nghĩa rộng nhất của từ này, như là cách biểu hiện chi tiết và tách biệt của đời sống đó, "bất đồng chính kiến" cũng dần trỗi dậy từ "đời sống độc lập của xã hội". Tuy vậy, vẫn có một khác biệt đáng kể: nếu "đời sống độc lập của xã hội", ít nhất là bề ngoài có thể được hiểu như là một dạng cao hơn của sống trong sự thật, thì sẽ kém rõ ràng hơn nhiều rằng "các phong trào bất đồng chính kiến" lại nhất thiết là dạng cao hơn của "đời sống độc lập của xã hội". Chúng chỉ đơn giản là một biểu hiện của nó, và mặc dù có thể chúng dễ nhận ra nhất nhất, và mới nhìn thoáng qua, là biểu hiện chính trị nhất (và được chi tiết hóa rõ nhất) của nó, chúng còn lâu mới là trưởng thành nhất, thậm chí quan trọng nhất, không về mặt xã hội nói chung, mà thậm chí về mặt ảnh hưởng chính trị trực tiếp. Sau rốt, "bất đồng chính kiến" đã bị bứt khỏi ngọn nguồn của nó một cách giả tạo, bằng việc đặt cho nó một cái tên đặc biệt. Tuy nhiên, trên thực tế, khó có thể nghĩ về nó biệt lập khỏi toàn bộ cái nền chung mà từ đó nó phát triển lên, cái mà nó là một phần hữu cơ và là cái cung cấp nguồn sức mạnh cho nó. Dù gì đi nữa, từ những gì trình bày ở trên về những dị biệt của hệ thống hậu toàn trị, rõ ràng là cái tưởng chừng như là có tính chính trị nhất trong các lực lượng tại một thời điểm cho trước, cái vẫn tự nghĩ về mình theo lối ấy, trên thực tế lại không nhất thiết là một lực lượng như vậy. Phạm vi mà nó trở thành một lực lượng chính trị thực sự hoàn toàn phụ thuộc vào bối cảnh tiền-chính trị của nó.

Cái gì sẽ tiếp sau mô tả trên? Không nhiều hơn và không ít hơn điều này: không thể nói về cái mà các "nhà bất đồng chính kiến" đang làm trên thực tế, và ảnh hưởng của những việc họ làm mà lại không trước hết nói về những việc của tất cả những người, bằng cách này hay cách

khác, tham gia vào cuộc sống độc lập của xã hội, những người hoàn toàn không nhất thiết phải là "nhà bất đồng chính kiến". Họ có thể là các nhà văn viết theo ý thích mà không thèm để ý đến kiểm duyệt hay những mệnh lệnh chính thức, những người truyền bá tác phẩm của họ - trong trường hợp các nhà xuất bản chính thức từ chối in chúng - với tư cách là samizdat (văn chương bí mật, văn chương "không chính thống"). Họ cũng có thể là các nhà triết học, sử học, xã hội học, hay tất cả những nhà nghiên cứu độc lập, mà nếu như không thể qua các kênh chính thức hoặc bán chính thức, lưu truyền tác phẩm của mình trong samizdat, hay những người tổ chức các cuộc đàm luận, thuyết giảng và hội thảo tư nhân. Họ có thể là các giáo viên, những người kín đáo dạy thanh niên những điều vốn bị "cấm kị" trong các trường công, những linh mục đang tại vị, hoặc đã bị [chính quyền] phế truất, vẫn cố gắng thực hành đời sống tôn giáo tự do; các họa sĩ, nhạc sĩ và ca sĩ, những người đang lao động nghệ thuật mặc cho nhà cầm quyền nhòm ngó thế nào; những người, bằng mọi phương tiện sẵn có, cố gắng thể hiện và bảo vệ các lợi ích xã hội thực sự của người lao động, trả lại ý nghĩa đích thực cho các công đoàn, hay sáng lập các công đoàn độc lập; những người không sợ thu hút sự chú ý của các quan chức tới những trường hợp bất công, những người đấu tranh để được thấy luật lệ đang được bảo vệ; và những nhóm thanh niên khác nhau đang gỡ bỏ những sự giắt dây và sống theo chính cách của mình, theo tinh thần của hệ giá trị của mình. Bảng liệt kê vẫn còn mãi.

Rất ít người nghĩ đến chuyện gọi tất cả những người này là "nhà bất đồng chính kiến". Và dù thế, chẳng phải những "nhà bất đồng chính kiến" nổi tiếng cũng chỉ là người bình thường như họ hay sao? Chẳng phải tất cả những hành động ấy chính là cái mà những "nhà bất đồng chính kiến" đang thực hiện hay sao? Chẳng phải những người mà ta vừa kể không tạo ra các công trình học thuật và đăng chúng trong samizdat? Chẳng phải họ không viết kịch, viết tiểu thuyết và thơ? Chẳng phải họ cũng đang vật lộn chống lại đủ loại bất công và cố gắng tìm hiểu và thể hiện những quan tâm xã hội thực sự của vô số bộ phận dân chúng?

Sau khi đã cố gắng chỉ ra các nguồn mạch, cấu trúc bên trong và một số mặt của thái độ "bất đồng chính kiến" như trên, rõ ràng tôi đã chuyển góc nhìn từ bên ngoài sang một cuộc điều tra về những gì mà các "nhà bất đồng chính kiến" đang thực sự làm, và làm thế nào mà các đề xướng của họ được thực hiện, và chúng sẽ dẫn tới đâu.

Vì thế, kết luận thứ nhất được rút ra là, cái không gian hoạt động căn bản và quan trọng nhất, cái quyết định mọi không gian khác, chỉ đơn giản là một cố gắng tạo ra và hỗ trợ "đời sống độc lập của xã hội" với tư cách là một sự thể hiện cụ thể của "sống trong sự thật". Nói cách khác, là hành động tôn vinh sự thật một cách kiên định, có mục đích và cần trọng, và tổ chức việc tôn vinh này. Điều này, rất cuộc, là tự nhiên thôi: nếu sống trong sự thật là xuất phát điểm cơ bản cho mọi nỗ lực của con người chống lại sức ép tha hóa của hệ thống, nếu nó là cơ sở duy nhất có ý nghĩa cho bất kì hành động có ý nghĩa chính trị nào, và nếu, cuối cùng, nó cũng là nguồn hiện sinh sâu sắc nhất của thái độ "bất đồng chính kiến", thì thật khó tưởng tượng được rằng thậm chí một sự "bất đồng chính kiến" công khai còn có cơ sở nào khác ngoài tôn vinh sự thật, tôn vinh một cuộc sống chân thành và cố gắng mở đường cho những mục tiêu đích thực của cuộc sống.

XVI.

Hệ thống hậu toàn trị đồng nghĩa với cuộc tấn công tổng lực vào con người, và con người đứng lên chống lại nó một cách cô độc, bị bỏ quên và cô lập. Cho nên, rất tự nhiên là mọi "phong trào bất đồng chính kiến" đều là các phong trào tự vệ rõ rệt: chúng tồn tại để bảo vệ con người và những mục tiêu chân chính của cuộc sống chống lại các mục tiêu của hệ thống.

Ngày nay, nhóm KOR Ba Lan được gọi là "Ủy ban vì Tự vệ Xã hội". Từ "tự vệ" xuất hiện trong những cái tên của các tổ chức khác ở Ba Lan, nhưng thậm chí Nhóm quan sát Helsinki ở USSR (Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết) và chính Hiến chương 77 của chúng ta cũng có tính tự vệ trong bản chất.

Theo chính trị học truyền thống, cương lĩnh tự vệ này là dễ hiểu, mặc dù nó có vẻ nhỏ bé, tạm thời và về bản chất là tiêu cực. Nó không đưa ra bất kì một khái niệm, mô hình hay ý thức hệ mới nào, và vì thế, không phải là chính trị theo nghĩa thích hợp của từ này, bởi chính trị học luôn giả định một cương lĩnh "tích cực" và hiếm khi có thể tự giới hạn mình vào việc bảo vệ ai đó khỏi cái gì đó.

Cái quan điểm như thế, tôi nghĩ, bộc lộ những nhược điểm trong cách quan sát chính trị truyền thống về sự vật. Hệ thống hậu toàn trị, rốt cuộc, không phải sự biểu hiện một đường lối chính trị nào đó được thực thi bởi một chính quyền nào đó. Nó là một cái gì đó rất khác: nó là sự xâm phạm lâu dài, nghiêm trọng và phức tạp vào xã hội, hơn là sự tự xâm phạm của xã hội. Nếu chống lại nó bằng cách đơn giản là vạch ra một đường lối chính trị khác, và đấu tranh cho một sự thay đổi trong chính quyền không những chỉ là không thực tế, mà nó còn hoàn toàn không phù hợp, bởi vì nó không bao giờ chạm tới được gốc rễ của vấn đề. Đã từ lâu, nó không còn nằm gọn trong các đường lối chính trị hay cương lĩnh nữa: nó là vấn đề của chính cuộc sống.

Do đó, bảo vệ các mục tiêu của cuộc sống, bảo vệ nhân bản không chỉ là cách tiếp cận thực tế hơn - do chỗ nó có thể bắt đầu ngay lúc này và có tiềm năng trở nên đại chúng hơn vì nó quan tâm đến đời sống thường nhật của con người, mà đồng thời (và có lẽ đúng hơn là vì chính vì điều này), nó còn là cách tiếp cận triệt để hơn nhiều lần, bởi vì nó nhắm đúng vào bản chất của sự vật.

Có những lúc ta phải lặn xuống đáy sâu của sự thống khổ của ta để hiểu sự thật, cũng như chúng ta phải trồi lên từ đáy giếng để nhìn những ngôi sao trong ánh sáng ban ngày quang đãng. Tôi cảm thấy rằng, ngày nay, chính cái cương lĩnh "nhỏ bé", "tạm thời" và "tiêu cực" này, chính sự bảo vệ con người "đơn thuần" này, theo một nghĩa nhất định (và không chỉ trong môi trường mà chúng ta đang sống), là một chương trình tối ưu và tích cực nhất, bởi vì nó buộc chính trị phải trở về cái xuất phát điểm duy nhất phù hợp - nếu như ta muốn tránh tất cả những sai lầm cũ - đó là con người cá nhân. Trong xã hội dân chủ, nơi mà bạo lực với loài

người không rõ ràng và tàn khốc bằng [trong xã hội của chúng ta], cuộc cách mạng cơ bản trong chính trị học này vẫn còn chưa xảy ra, và sự việc có lẽ phải trở nên tồi tệ trước khi nhu cầu cấp thiết cho cuộc cách mạng ấy được chính trị học nhận thức ra. Trong thế giới của chúng ta, chính bởi sự tồi tệ mà chúng ta đang sống, có vẻ là chính trị đã trải qua sự hóa thân ấy rồi: quan tâm chính của tư tưởng chính trị không còn là những tầm nhìn trù tượng của một mô hình "positive" và self-redeeming (và tất nhiên cả những hành vi chính trị cơ hội vốn là mặt trái của tấm huy chương), mà là con người - những người mà cho đến nay vẫn chỉ bị nô dịch bởi những mô hình ấy và cuộc thực thi chúng.

Đương nhiên, mọi xã hội đòi hỏi một mức độ tổ chức nào đó. Tuy thế, nếu sự tổ chức ấy là để phục vụ con người, chứ không phải ngược lại, thì con người phải được giải phóng, và không gian phải được tạo ra để họ có thể tự tổ chức theo những cách có ý nghĩa. Sự suy đồi của cách tiếp cận đối ngược, trong đó con người phải được tổ chức theo cách này hay cách khác (bởi ai đó, người luôn hiểu hơn ai hết "cái nhân dân cần") để sau đó được báo cáo là đã được giải phóng, là cái chúng ta đã quá thấm thía.

Để tóm lại: hầu hết những người quá lệ thuộc vào phương pháp tư duy chính trị truyền thống đều thấy sự yếu ớt của "phong trào bất đồng chính kiến" trong đặc điểm tự vệ thuần túy của chúng. Ngược lại, tôi coi đó là sức mạnh to lớn nhất của chúng. Tôi tin rằng đây chính là chỗ mà các phong trào này đã thay thế kiểu chính trị cũ của những người vẫn ôm những cương lĩnh lạc hậu.

XVII.

Trong các "phong trào bất đồng chính kiến" của khối Xô viết, sự tự vệ của con người thường dưới hình thức bảo vệ các quyền dân sự và quyền con người như chúng đã được khắc sâu trong Tuyên ngôn Toàn cầu về các Quyền Con người, các Công ước Quốc tế về Quyền con người, Luật cuối cùng của Hội nghị Helsinki và các hiến pháp của các quốc gia. Các phong trào này được dựng nên để bảo vệ bất kì ai đang bị kết án vì đã hành động theo tinh thần của những quyền này, và đến lượt chúng lại hành động theo đúng tin thần ấy, bằng cách nhất quyết đòi chính quyền ghi nhận và tôn trọng các quyền dân sự và con người, và bằng cách thu hút sự chú ý tới những lĩnh vực của đời sống nơi mà các quyền này vẫn chưa được ghi nhận.

Công việc của chúng, do vậy, dựa trên nguyên tắc về tính hợp pháp: chúng vận hành công khai, khẳng định không những rằng các hoạt động của chúng là phù hợp với pháp luật, mà còn rằng đòi hỏi tôn trọng pháp luật là một trong những mục đích chính của các phong trào ấy. Nguyên tắc về tính hợp pháp này, cái đã cung cấp cả xuất phát điểm và khung cho các hoạt động của chúng, là điểm chung cho mọi nhóm "bất đồng chính kiến" trong khối Xô viết, mặc dù các nhóm riêng rẽ không bao giờ viết ra một thỏa thuận chính thức về điểm này. Hoàn cảnh này gợi ra một câu hỏi quan trọng: Tại sao, trong những điều kiện mà sự lạm dụng quyền lực tràn lan và tùy tiện là luật chơi, lại tồn tại sự chấp nhận chung và ngay lập tức nguyên tắc về tính hợp pháp?

Ở tầm mức sơ đẳng, sự nhấn mạnh vào tính hợp pháp này là một biểu hiện tự nhiên của các điều kiện đặc thù tồn tại trong các hệ thống hậu toàn trị, và là kết quả của một sự nhận thức sơ đẳng về tính đặc thù này. Nếu về cơ bản chỉ có hai cách đấu tranh cho một xã hội tự do - tức là, qua những phương tiện hợp pháp, và qua cách mạng (có vũ trang hay không có vũ trang) - thì ngay lập tức sẽ rõ là cách thứ hai là không thích hợp chút nào trong hệ thống hậu toàn trị. Cách mạng chỉ thích hợp khi các điều kiện đã có những chuyển động rõ ràng và công khai, chẳng hạn, trong một cuộc chiến tranh, hay trong các tình huống mà xung đột xã hội hay chính trị đã lên tới đỉnh điểm. Trong các nền độc tài cổ điển thì tình huống thích hợp chính là lúc một nền độc tài vừa mới thành hình, hoặc đang trong tình trạng sụp đổ. Nói cách khác, nó phù hợp ở nơi mà các lực lượng xã hội có sức mạnh tương đương (ví dụ như một chính quyền chiếm đóng với một dân tộc đấu tranh cho độc lập) đang đối đầu nhau trên bình diện sức mạnh thực tế, hay nơi tồn tại sự phân định rạch ròi những kẻ bóp nặn quyền lực và dân chúng lầm than, hay khi mà xã hội thấy mình đang trong tình trạng của một cuộc khủng hoảng công khai. Đương nhiên, các điều kiện trong hệ thống hậu toàn trị - trừ những tình huống quá bùng nổ như ở Hungary năm 1956 - lại trái ngược hẳn. Chúng tĩnh và ổn định, và các cuộc khủng hoảng xã hội, hầu hết, đều tồn tại ngầm ngầm (mặc dù chúng chạy xuống sâu hơn). Xã hội không bị phân cực hóa quá mức trên bình diện sức mạnh thực tế, nhưng, như ta đã thấy, lẫn ranh cơ bản của xung đột chạy xuyên qua mỗi con người. Trong tình huống này, không một nỗ lực cách mạng nào có hi vọng tạo nên dù chỉ một sự cộng hưởng tối thiểu trong phần còn lại của xã hội, bởi vì xã hội này bị "ru ngủ", chìm sâu trong một cuộc ganh đua tiêu thụ và hoàn toàn dính líu vào hệ thống hậu toàn trị (tức là, tham gia vào đó và hành xử như là các nhân viên của "sự vận hành tự động" của nó), và nó sẽ nhận ra rằng những gì đại loại như cách mạng đều không chấp nhận được. Xã hội ấy sẽ giải thích cách mạng như là sự tấn công vào nó, và thay vì ủng hộ cách mạng, rất có thể nó sẽ phản ứng bằng việc làm tăng cường độ thiên vị về phía chính quyền, bởi vì, trong mắt nó, ít nhất thì hệ thống cũng có thể cho nó một sự nửa-hợp pháp nào đó. Nếu cộng thêm thực tế là hệ thống hậu toàn trị có trong tầm tay một cơ chế theo dõi trực tiếp và gián tiếp rất phức tạp, có một không hai trong lịch sử, thì hiển nhiên là không những bất kì cố gắng cách mạng nào đều sẽ dẫn tới ngõ cụt về mặt chính trị, mà còn bất khả thi về mặt kĩ thuật. Hầu như chắc chắn là nó sẽ bị phong tỏa ngay trước khi nó có cơ hội chuyển các dự định thành hàng động. Thậm chí nếu cách mạng là có thể, thì nó cũng chỉ là cái khoát tay lẻ loi của vài cá nhân riêng lẻ, và họ sẽ bị đàn áp không chỉ bởi bộ máy khổng lồ của quyền lực quốc gia (và siêu quốc gia), và còn bởi chính cái xã hội mà dưới cái tên của nó, họ đã thúc đẩy cuộc cách mạng của mình từ ban đầu. (Tuy nhiên, điều này cũng là một lí do khác giải thích tại sao chính quyền và bộ máy tuyên truyền của nó vẫn thường gán các mục tiêu khủng bố cho các "phong trào bất đồng chính kiến" và buộc tội chúng dùng các thủ đoạn đen tối và phi pháp).

Tuy nhiên, tất cả những điều này đều không phải là lí do chính tại sao các "phong trào bất đồng chính kiến" ủng hộ nguyên tắc về tính hợp pháp. Lí do chính ẩn sâu hơn, ở cấu trúc sâu xa nhất của thái độ "bất đồng chính kiến". Thái độ này chính là và phải là thù địch với quan niệm thay đổi bằng bạo lực như thế đối với hệ thống - trong khi mọi cuộc cách mạng, về cơ bản, đều hướng tới sự thay đổi thông qua bạo lực - đơn giản vì chúng đặt niềm tin vào bạo lực. (Nói chung, thái độ "bất đồng chính kiến" chỉ có thể chấp nhận bạo lực như là cái xấu cần thiết trong

những tình huống cực đoan, khi mà bạo lực trực tiếp chỉ có thể được đáp lại bằng bạo lực và nơi mà thụ động đồng nghĩa với ủng hộ bạo lực: cho phép chúng tôi nhắc lại sự mù quáng của chủ nghĩa hòa bình châu Âu như là một trong những yếu tố chuẩn bị chiến trường cho Thế chiến II. Như tôi đã đề cập, "nhà bất đồng chính kiến" có khuynh hướng nghi ngờ về tư tưởng chính trị dựa trên niềm tin rằng các thay đổi xã hội cơ bản chỉ có thể đạt được thông qua sự thay đổi (bất kể bằng cách nào) trong hệ thống hay trong chính quyền, và niềm tin rằng những thay đổi như thế - vì chúng được coi là "căn bản" - có thể biện minh cho sự hi sinh những thứ "không cơ bản bằng", hay nói cách khác, sinh mạng con người. Ở đây, sự tôn trọng các khái niệm lý thuyết nặng hơn sự tôn trọng cuộc sống con người. Và đây chính là điều đe dọa sẽ biến nhân loại thành nô lệ một lần nữa.

"Các phong trào bất đồng chính kiến", như tôi đã cố gắng chỉ ra, chia sẻ quan điểm hoàn toàn ngược chiều. Họ hiểu các thay đổi hệ thống như là cái hời hợt, thứ yếu, cái gì đó mà tự thân nó thì chẳng đảm bảo cho cái gì hết. Do đó, thái độ ngoảnh mặt với các tầm nhìn chính trị trừu tượng của tương lai để nhìn về những con người cụ thể, và những cách bảo vệ họ một cách hiệu quả, ở đây và ngay lúc này, là đồng hành tự nhiên với một sự thù ghét mọi hình thức bạo lực được thực hiện dưới cái tên "một tương lai tốt đẹp hơn", và bởi một niềm tin sâu sắc rằng một tương lai nếu được đảm bảo bằng bạo lực có thể sẽ còn tồi tệ hơn cái hiện tại; nói cách khác, tương lai có thể bị nguyên rửa đến chết bởi chính các phương tiện vốn để bảo vệ nó. Đồng thời, không nên nhầm lẫn thái độ này với chủ nghĩa bảo thủ chính trị hay ôn hòa chính trị. Các "phong trào bất đồng chính kiến" không lẫn lộn ý tưởng lật đổ chính trị thông qua bạo lực bởi vì ý tưởng này quá cấp tiến, mà ngược lại, chính vì nó không đủ cấp tiến. Với họ, vấn đề nằm quá sâu để có thể giải quyết qua sự thay đổi hệ thống đơn thuần, về chính quyền hay về công nghệ. Một số người, trung thành với các học thuyết Marxist cổ điển của thế kỷ 19, hiểu hệ thống của chúng ta như là sự thống trị của giai cấp bóc lột trên đầu giai cấp bị bóc lột, và từ phỏng đoán rằng, bọn bóc lột sẽ không bao giờ tự nguyện từ bỏ quyền lực của mình, họ tìm thấy giải pháp duy nhất ở cách mạng để đánh đổ bọn bóc lột. Tự nhiên là, họ coi việc đấu tranh cho các quyền con người như thế là cái gì đó hợp pháp tới mức tuyệt vọng, lòn bịp, cơ hội và rốt cuộc là sai lầm bởi vì nó dựa trên một giả định đáng ngờ rằng có thể đối thoại chân thành với những người bóc lột anh trên cơ sở một tính hợp pháp giả tạo. Vấn đề là họ đã không thể tìm ra ai đủ quyết tâm thực hiện cuộc cách mạng này, và kết quả là họ trở nên yếm thế, hoài nghi, thụ động và cuối cùng là vô cảm - nói cách khác, họ kết thúc đúng vào nơi mà hệ thống muốn đặt họ vào. Đây là một ví dụ của việc con người có thể lầm lạc đến mức nào nếu cứ áp dụng máy móc, trong các điều kiện hậu toàn trị, những mô hình ý thức hệ đến từ thế giới khác và từ thời đại khác.

Đương nhiên, người ta không cần phải là người biện hộ cho cách mạng bạo lực thì mới có thể chất vấn rằng liệu đòi hỏi về tính hợp pháp có chút ý nghĩa nào không trong khi luật pháp - đặc biệt là các luật chung liên quan đến quyền con người - không hơn là mặt tiền, một khía cạnh của thế giới vỏ hình thức, một trò chơi đơn thuần mà đằng sau nó chỉ chứa đựng sự giết chóc thuần túy. "Họ có thể phê chuẩn mọi thứ bởi vì đảng nào họ cũng sẽ tiếp tục làm bất kì cái gì họ thích" - đây là một ý kiến mà ta thường phải đối mặt. Chẳng phải là mãi "tin những gì họ nói", kháng nghị cái luật pháp mà mọi đứa trẻ đều biết là chỉ có hiệu lực chừng nào chính

quyền còn thích, rốt cuộc cũng chỉ là một thứ đạo đức giả, một kiểu chủ nghĩa cản trở Svejcia và, cuối cùng, chỉ là một cách khác chơi trò chơi, một kiểu tự dối mình khác mà thôi? Nói cách khác, liệu cách tiếp cận hợp pháp có tương thích với nguyên tắc "sống trong sự thật" không?

Câu hỏi này chỉ có thể được trả lời bằng việc đầu tiên là xem xét các ẩn dụ rộng hơn về cách mà các đạo luật vận hành trong hệ thống hậu toàn trị.

Trong nền độc tài cổ điển, ý chí của nhà thống trị được thực hiện trực tiếp, theo một phương cách không được kiểm soát, với một mức độ lớn hơn nhiều so với hệ thống hậu toàn trị. Nền độc tài không có lí do gì để che giấu nền tảng của nó, hay che giấu sự vận hành thực sự của quyền lực, và do vậy chẳng cần khuôn mình một cách quá đáng vào các đạo luật. Mặt khác, hệ thống hậu toàn trị, hoàn toàn bị ám ảnh với nhu cầu kết nối mọi thứ trong một trật tự duy nhất: cuộc sống trong một trạng thái như vậy bị xuyên thấu bởi một mạng lưới dày đặc các quy định, tuyên bố, chỉ thị, quy tắc ứng xử, trật tự và quy tắc (nó đã chẳng bị gọi là hệ thống quan liêu nếu không có một lí do tốt cho cái tên ấy). Một phần lớn của những quy tắc ứng xử ấy hoạt động như là các công cụ trực tiếp để thao túng đời sống - vốn là một phần hữu cơ của hệ thống hậu toàn trị. Các cá nhân bị rút xuống không hơn các bánh răng nhỏ xíu trong một cơ chế khổng lồ, và tầm quan trọng của họ bị giới hạn ở chức năng của họ trong cơ chế này. Nghề nghiệp, nhà cửa, các hoạt động, sự thể hiện về văn hóa xã hội, nói tóm lại, là mọi thứ của họ đều phải được đặt cùng với nhau chặt tới mức có thể, được định sẵn, được quản lí và kiểm soát. Mọi sự khác thường với lối sống được quy định trước đều được coi là lỗi lầm, phóng dăng và vô chính phủ. Từ người nấu bếp trong cửa hàng ăn, người mà nếu không có giấy phép vốn ngặt nghèo của của bộ máy quan liêu, thì không thể nấu cái gì đó đặc biệt cho khách hàng, đến người ca sĩ vốn không thể diễn bài hát mới của anh ở một buổi hòa nhạc nếu không có sự chấp thuận quan liêu. Mọi người, trong mọi mặt của đời sống của họ, bị trói chặt trong mớ quy tắc của quan liêu, sản phẩm tất yếu của hệ thống hậu toàn trị. Với sự nhất quán ngày càng tăng, nó trói tất cả mọi biểu hiện và mục tiêu của cuộc sống vào tinh thần của những mục tiêu của nó: lợi ích thiết thân của sự vận hành trơn tru và tự động của nó.

Theo nghĩa hẹp hơn, một bộ luật cũng phục vụ cho hệ thống hậu toàn trị theo cách trực tiếp này, tức là, nó cũng tạo nên một phần của thể giới các quy phạm và cấm đoán. Tuy nhiên, cùng lúc, nó cũng thực hiện nghĩa vụ ấy theo một cách khác gián tiếp, cách mà tùy theo tầng mức mà bộ luật đó dính líu vào sẽ làm cho nó gần gũi hơn với ý thức hệ, và trong một số trường hợp, làm cho nó trở thành một bộ phận trực tiếp của ý thức hệ.

Giống như ý thức hệ, bộ luật vận hành như là lời biện minh. Nó gói ghém sự thực thi quyền lực trong trang phục sang trọng của ngôn từ luật pháp; nó tạo ra ảo tưởng dễ chịu rằng công lí đã được thực hiện, xã hội được bảo vệ và việc thực thi quyền lực được kiểm soát khách quan. Những điều này được làm để che giấu bản chất thật của thực tiễn pháp lí hậu toàn trị: sự giật dây hoàn toàn cả xã hội. Nếu một người quan sát bên ngoài, người không hiểu gì về đời sống ở Czechoslovakia mà chỉ nghiên cứu luật của nó thôi, anh ta sẽ hoàn toàn không thể hiểu được chúng ta đang than phiền về cái gì. Sự giật dây chính trị ngầm của tòa án và các công tố viên, các giới hạn áp đặt lên khả năng của luật sư bảo vệ cho thân chủ của mình, bản chất kín de

facto (trên thực tế) của các phiên tòa, và các hành vi tùy tiện của lực lượng an ninh, vị trí của quyền lực bên trên pháp quyền, và cách áp dụng rộng đến mức kì quặc của vô số phần mù mờ có chủ ý của bộ luật, và tất nhiên là sự lờ tịt các phần tích cực của bộ luật ấy (các quyền của các công dân): tất cả những điều này còn bị che giấu với nhà quan sát bên ngoài của chúng ta. Điều duy nhất mà anh ta có thể mang đi là ấn tượng rằng pháp luật ta cũng không tệ lắm so với các nước văn minh khác, và cũng không khác lắm, trừ một vài thắc mắc nhỏ, như là sự xác nhận trong hiến pháp về sự thống trị mãi mãi của một chính đảng, và tình yêu của quốc gia đối với siêu cường lân bang. Nhưng đó vẫn chưa phải là tất cả: nếu nhà quan sát của chúng ta có cơ hội nghiên cứu mặt chính thức của các quá trình và sự thực hành cảnh sát và tố tụng, và nó "trông" như thế nào trên giấy tờ, anh ta sẽ phát hiện ra rằng hầu hết các nguyên tắc chung của tố tụng hình sự đều có: bản án được tuyên trong thời hạn được định trước kể từ khi bị bắt, và các lệnh tạm giữ cũng vậy. Cáo trạng được tổng đạt hợp lệ, bị cáo có luật sư và vân vân. Nói cách khác, ai cũng có biện minh: bọn họ đều tuân thủ luật pháp. Tuy nhiên, trên thực tế, chúng tước đoạt vô cớ và không thương xót tuổi thanh xuân của một người chỉ vì anh ta làm các bản copy samizdat của một tiểu thuyết của một nhà văn bị cấm, hoặc cảnh sát đã xuyên tạc lời khai của anh (và mọi người đều biết thế, kể từ ông quan tòa cho đến bị cáo). Dù thế, những điều này vẫn nằm ở phần nền. Lời khai bị xuyên tạc không nhất thiết là hiển nhiên trong các tài liệu phiên tòa, và điều khoản trong bộ luật hình sự quy định về tội khích động không loại trừ việc áp dụng tội này với hành vi sao lại một tiểu thuyết bị cấm. Nói cách khác, các bộ luật - ít nhất trong nhiều lĩnh vực, không hơn là một mặt tiền, một khía cạnh của thế giới giả hình. Nhưng tại sao nó lại ở đó kia chứ? Là vì chính cái lí do đã khiến ý thức hệ phải có mặt: nó cung cấp một cây cầu biện minh giữa hệ thống và các cá nhân, tạo thuận lợi cho họ đi vào cấu trúc quyền lực và phục vụ những đòi hỏi ngẫu nhiên của quyền lực. Lời biện minh cho phép các cá nhân tự lừa mình bằng ý nghĩ là họ chỉ giữ gìn luật pháp và bảo vệ xã hội khỏi bọn tội phạm. (Không có lời biện minh này, để tuyển một thể hệ quan tòa, công tố và thẩm vấn viên sẽ khó hơn biết bao nhiêu!) Như là một khía cạnh của thế giới giả hình, các bộ luật đánh lừa không chỉ nhận thức của những người đi buộc tội, mà còn lừa dối công chúng, bịt mắt các nhà quan sát quốc tế, và đánh lừa cả lịch sử.

Cũng như ý thức hệ, luật lệ là một công cụ cơ bản để truyền đạt giáo điều ra ngoài cấu trúc quyền lực. Chính luật lệ đem đến cho việc thực hành quyền lực một hình thù, một khung khổ và một tập hợp các nguyên tắc. Chính là luật lệ đã cho phép các thành tố của hệ thống liên lạc được với nhau, đặt mình dưới một ánh sáng, và thiết lập tính chính đáng của chính bản thân chúng. Nó cung cấp "luật chơi" cho toàn bộ trò chơi của các thành tố ấy, và vận hành trò chơi với công nghệ của chúng. Liệu có thể tưởng tượng ra được việc thực thi quyền lực hậu toàn trị sẽ như thế nào không nếu thiếu cái tín điều phổ quát biến mọi thứ trở thành có thể này?, cái phụng sự như là một ngôn ngữ chung để kết nối các phần thích hợp trong cấu trúc quyền lực lại với nhau? Bộ phận đàn áp mà càng chiếm vị trí quan trọng trong cấu trúc quyền lực, thì việc nó vận hành theo một đạo luật nào đó lại càng quan trọng. Không như thế, thì làm sao [bộ máy] có thể khóa chặt người ta khỏi việc sao chép các sách bị cấm, nếu không có quan tòa, công tố, điều tra viên, luật sư, người tốc kí cho tòa án và những hồ sơ dày cộm, và nếu tất cả những món này không được xâu chuỗi với nhau bằng một trật tự vững chắc? Và hơn hết, nếu không có điều khoản có vẻ lương thiện, Phần 100 về tội khích động? Tất nhiên, những việc này

có thể được làm mà không cần tới một bộ luật và những phụ kiện đi kèm của nó, nhưng chỉ trong các nền độc tài tạm thời của các băng nhóm Uganda, chứ không thể trong một hệ thống bao gồm một phần to lớn đến chừng ấy của nhân loại văn minh, và là một phần thống nhất, ổn định và đáng trọng nề của thế giới hiện đại. Điều đó không chỉ là không tưởng tượng nổi, mà còn là không khả thi về mặt kĩ thuật. Thiếu các luật lệ vận hành như là lực cổ kết về tín điều, hệ thống hậu toàn trị không thể tồn tại.

Tất nhiên, toàn bộ vai trò của tín điều, mặt tiền, và biện minh xuất hiện một cách hùng biện nhất, không phải ở những phần cấm đoán của chúng - cái vạch ra cái gì công dân không được làm, và nền tảng nào mà sự buộc tội dựa vào, mà ở phần tuyên bố cái gì anh có thể làm, và cái gì là quyền của anh. Ở đây, hoàn toàn không có gì khác ngoài "tù, tù và tù". Dù thế, phần này của bộ luật cũng rất quan trọng với hệ thống, bởi vì chính ở đây hệ thống xác lập tính chính đáng của nó như là một chỉnh thể, trước các công dân của nó, trước những đứa trẻ đang trên ghế nhà trường, trước cộng đồng quốc tế và trước lịch sử. Cái hệ thống không thể coi thường điều này vì nó không thể cho phép nó gây nghi ngờ về những định đề cơ bản của ý thức hệ của nó, cái vốn thiết yếu với sự sống còn của nó. (Ta đã thấy cấu trúc quyền lực đã bị nô dịch bởi chính ý thức hệ và danh tiếng về ý thức hệ của nó như thế nào). Làm việc này có nghĩa là chối bỏ mọi thứ mà nó đang cố chứng tỏ mình là, và do vậy, một trụ cột chính mà hệ thống đang dựa vào sẽ sụp đổ: sự tích hợp của thế giới giả hình.

Nếu sự thực thi quyền lực luân chuyển trong toàn cấu trúc quyền lực như là máu tuần hoàn trong mạch, thì các bộ luật có thể được coi như là cái củng cố thành mạch. Thiếu nó, máu của quyền lực không thể tuần hoàn theo cách được tổ chức và cơ thể xã hội sẽ bị chảy máu lung tung. Trật tự sẽ sụp đổ.

Kêu gọi pháp luật kiên định và liên diễn - không chỉ các luật liên quan đến quyền con người, mà tất cả các luật - không hề có nghĩa là những người đang làm việc ấy đã quỳ gối trước ảo tưởng rằng trong hệ thống của chúng ta luật pháp là cái gì có giá hơn thế. Họ thừa biết vai trò mà nó đang đóng. Nhưng chính là vì họ hiểu hệ thống phụ thuộc một cách tuyệt vọng đến mức nào vào nó - vào phiên bản "cao quý" của pháp luật, tức là - họ cũng biết ý nghĩa của những đòi hỏi như thế to lớn đến nhường nào. Vì hệ thống không thể vận hành nếu thiếu luật pháp, bởi vì nó bị trói chặt đến mức tuyệt vọng bởi sự cần thiết phải giả bộ là luật pháp vẫn đang được tuân thủ, nó bị buộc phải phản ứng với những đòi hỏi ấy theo một cách nào đó. Do đó, đòi hỏi rằng pháp luật phải được tôn trọng chính là một hành động của sống trong sự thật, cái đe dọa toàn bộ cấu trúc dối trá ở chính cái cực điểm giả dối của nó. Cứ lặp đi lặp lại, những đòi hỏi như vậy vạch trần bản chất giáo điều thuần túy của luật pháp cho toàn xã hội, và cho những người sống trong các cấu trúc quyền lực của nó. Họ thu hút sự chú ý tới cái căn bản vật chất thực sự của nó, và vì thế, một cách gián tiếp đã buộc những người lẫn tránh sau luật pháp phải xác nhận và làm cho cái công cụ biện minh này, cái phương tiện giao tiếp này, cái củng cố động mạch xã hội này (thiếu nó, ý nguyện của họ sẽ không thể lưu chuyển trong xã hội) trở nên khả tín, Họ buộc phải làm thế vì lợi ích trong chính lương tâm họ, vì cái ẩn tượng mà họ muốn tạo ra trong con mắt của người quan sát ngoài cuộc, để duy trì quyền lực của chính họ (với tư cách là một phần của bộ máy tự bảo tồn của hệ thống và các nguyên tắc kết dính của nó), hoặc đơn giản vì

họ sợ bị kết tội là “vụng về” trong việc vận dụng tín điều. Họ chẳng có lựa chọn nào khác: vì họ không thể vứt bỏ luật chơi của chính trò chơi của mình, họ chỉ có thể cẩn thận hơn với những luật này mà thôi. Không phản ứng với những thách thức có nghĩa là làm xói mòn chính biện minh của họ và đánh mất quyền kiểm soát hệ thống thông tin hai chiều của họ. Giả sử rằng luật pháp chỉ là cái hình thức, rằng nó chẳng có tí hiệu lực nào (và rằng vì thế chẳng có lý do gì phải kháng nghị tới nó) sẽ có nghĩa là tiếp tục củng cố những mặt này của luật (những mặt hình thức và mang tính nghi thức). Nó cũng có nghĩa là xác nhận luật pháp là một mặt của thể giới hình thức và cho phép những kẻ khai thác nó thản nhiên dựa vào những hình thức biện minh rề rúng nhất (và vì thế, giả dối nhất).

Tôi thường xuyên thấy những người cảnh sát, công tố viên hay quan tòa - nếu họ đang phải đương đầu với một nhà Hiến chương dày dạn hay một luật sư dũng cảm, và nếu họ bị phơi ra trước công luận (như là các cá nhân với tên tuổi rõ ràng, không còn được bao che bởi tính vô danh của bộ máy) - bỗng chốc trở nên rất cẩn thận và rất lo lắng để khỏi lộ ra những vết nứt của giáo điều. Điều này không thể thay đổi được sự thật là một quyền lực chuyên chế đang ẩn đằng sau giáo điều ấy, nhưng chính sự lúng túng của các viên chức đã cản trở, làm chậm lại sự vận hành của nền chuyên chế ấy.

Tất nhiên, điều này là chưa đủ. Nhưng một phần cơ bản của thái độ "bất đồng chính kiến" là nó xuất phát từ hiện thực của "bây giờ và ở đây" của con người. Nó nhấn mạnh vào những hành động cụ thể, kiên quyết và lặp đi lặp lại - mặc dù nó có thể không thích hợp và dù cho nó có thể chỉ giảm bớt chút ít nỗi đau của một công dân bình thường nào đó - hơn là vào các "giải pháp căn bản" trừu tượng trong tương lai mù mịt. Dù sao đi nữa, chẳng phải là, trên thực tế điều này không chỉ là một hình thức của "những việc nhỏ" theo kiểu Masarykia, cái mà với nó thái độ "bất đồng chính kiến" lúc đầu có vẻ đối ngược rõ ràng?

Phần này sẽ không đầy đủ nếu không nhấn mạnh một số hạn chế bên trong của chính sách "buộc họ phải giữ lời". Vấn đề là: thậm chí trong trường hợp lí tưởng nhất, luật pháp cũng chỉ là một trong nhiều phương cách đầy khiếm khuyết, và ít nhiều ngoại sinh (external) để bảo vệ cái tốt hơn trong cuộc sống khỏi cái xấu hơn. Tự nó, luật pháp không bao giờ có thể tạo nên cái gì tốt hơn. Mục đích của nó là cung cấp một dịch vụ, và ý nghĩa của nó không nằm trong bản thân luật pháp. Xác lập sự tôn trọng luật pháp không lập tức bảo đảm một đời sống, bởi vì rất cuộc, đó là công việc dành cho con người, chứ không phải dành cho luật pháp hay các thể chế. Thật khó tưởng tượng ra một xã hội với những luật lệ tốt và được hoàn toàn tôn trọng mà vẫn không thể sống được trong đó. Ngược lại, người ta có thể tưởng tượng cuộc sống vẫn chịu đựng được thậm chí ở những nơi mà luật pháp không hoàn thiện và không được thực thi thật nghiêm chỉnh. Điều quan trọng nhất vẫn luôn là chất lượng cuộc sống, và liệu pháp luật hỗ trợ hay đè nén nó, chứ không chỉ đơn thuần nó được tôn trọng hay không. (Thường thì sự phục tùng luật pháp nghiêm ngặt có thể gây ra các tác động bi thảm tới nhân phẩm con người). Chìa khóa của một cuộc sống phong phú, hạnh phúc, nhân bản và được trân trọng hơn không nằm ở thể chế hay luật hình sự. Những thứ ấy chỉ quy định về cái gì được làm và cái gì không được làm, và vì thế, chúng chỉ có thể làm cuộc sống dễ dàng đi hay khó khăn hơn mà thôi. Chúng ngăn cấm hay cho phép, chúng trừng phạt, khoan thứ hay bảo vệ, nhưng chúng không bao giờ

có thể cho cuộc sống một bản chất hay một ý nghĩa. Cuộc đấu tranh cho cái gọi là "tính hợp pháp" phải luôn đặt tính hợp pháp này trên cái nền cuộc sống như nó vốn có. Nếu không giữ cho mắt mình rộng mở với những kích thích của sự tươi đẹp cũng như tẻ tẻ của cuộc sống, và nếu không có mối liên hệ đạo đức với cuộc đời, cuộc đấu tranh ấy sớm muộn cũng sẽ dẫn tới sự than khóc trên những bia mộ của của một hệ thống các nhà kinh viện tự biện. Thiếu ước muốn thực sự, người ta sẽ dần trở nên giống như người quan sát, đi đến kết luận về hệ thống của chúng ta chỉ dựa trên các văn bản phiên tòa và lấy làm thỏa mãn nếu đã đếm đủ các quy định phù hợp.

XVIII.

Nếu như sự nghiệp chính của các "phong trào bất đồng chính kiến" là phụng sự sự thật, tức là, phục vụ những mục tiêu chân chính của sự sống, và nếu nó nhất thiết phải phát triển thành sự bảo vệ cá nhân và quyền sống tự do và chân thực của anh ta (có nghĩa là, một sự bảo vệ các quyền con người và đấu tranh để thấy pháp luật được tôn trọng) thì một giai đoạn khác của cách tiếp cận này, có thể là giai đoạn trưởng thành nhất cho đến nay, là cái mà Václav Benda gọi là sự phát triển của các cấu trúc song song.

Khi những người quyết sống trong sự thật đã từ chối mọi tác động trực tiếp lên các cấu trúc xã hội hiện tại, không kể đến các cơ hội tham gia vào chúng, và khi những người này bắt đầu tạo ra cái tôi từng gọi là cuộc sống độc lập của xã hội, thì cuộc sống độc lập này bắt đầu tự kiến trúc theo phương thức nhất định. Có lúc, chỉ có vài biểu hiện trớ trêu của quá trình kiến tạo; những lúc khác, các cấu trúc đã định hình khá rõ nét. Sự ra đời và tiến hóa của chúng không thể tách rời khỏi hiện tượng "bất đồng chính kiến", mặc dù chúng vượt xa hơn rất nhiều cái lĩnh vực vốn được phân định một cách mơ hồ của các hoạt động thường được ám chỉ bằng từ này.

Những cấu trúc này là gì? Ivan Jirous là người đầu tiên ở Czechoslovak xây dựng và áp dụng trên thực tế khái niệm về "nền văn hóa thứ hai". Mặc dù lúc đầu ông quan tâm chủ yếu đến nhạc rock bất phục tùng và một số hãn hữu các sự kiện văn học, nghệ thuật hay trình diễn ít nhiều gần gũi với cảm nhận của những nhóm nhạc bất phục tùng này, thuật ngữ "văn hóa thứ hai" rất nhanh chóng được sử dụng cho toàn bộ mảng văn hóa độc lập và bị đè nén, tức là, không chỉ cho nghệ thuật và những trào lưu đa dạng của nó, mà còn cho các ngành khoa học xã hội, nhân văn và triết học. "Văn hóa thứ hai" này, rất tự nhiên, đã tạo ra những hình thức tổ chức giản đơn: các bản samizdat của sách và tạp chí, các buổi trình diễn, hội thảo, hòa nhạc, triển lãm tư nhân và v.v. (ở Ba Lan tất cả những thứ này đều phát triển hơn nhiều lần: có các nhà xuất bản độc lập và có rất nhiều các tạp chí độc lập, thậm chí tạp chí chính trị; họ có các phương tiện phổ biến khác hơn là các bản các-bon và còn nhiều nữa. Ở Liên Xô, samizdat có truyền thống lâu đời hơn và rõ ràng là các hình thức của nó cũng khác). Văn hóa, do đó, là một bầu khí quyển mà ở đó, ta có thể quan sát được các "cấu trúc song song" trong hình thức phát triển cao của chúng. Tất nhiên, Benda cũng nghĩ đến các hình thức tiềm tàng hay trớ trêu

của các cấu trúc này trong các không gian khác nữa: từ hệ thống thông tin song song, cho đến các hình thức giáo dục song song (các trường đại học tư), công đoàn song song, quan hệ quốc tế song song, đến một giả định về nền kinh tế song song. Trên cơ sở các cấu trúc song song này, ông phát triển ý tưởng về "polis song song" hay nhà nước song song, hay, như ông thấy những mầm mống của một polis như thế trong những cấu trúc này.

Đến một giai đoạn phát triển nhất định, cuộc sống độc lập của xã hội và các phong trào bất đồng chính kiến sẽ không thể không được tổ chức và thể chế hóa ở một mức độ nhất định. Đó là sự phát triển tự nhiên và trừ phi cuộc sống độc lập của xã hội này bị đàn áp tàn bạo và bị xóa bỏ tận gốc rễ, xu hướng này luôn mạnh dần lên. Cùng với nó, không thể khác được là một đời sống polis song song cũng hình thành, và ở mức độ nào đó, nó đã tồn tại ở Czechoslovakia rồi. Nhiều nhóm có bản chất chính trị ít hay nhiều sẽ tiếp tục lên tiếng xác định lập trường chính trị của họ, hành động và đương đầu với nhau.

Có thể nói rằng, những cấu trúc song song này là biểu hiện cụ thể nhất của "sống trong sự thật" kể từ trước đến nay. Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất mà các "phong trào bất đồng chính kiến" tự đặt cho mình là ủng hộ và phát triển chúng. Một lần nữa, nó khẳng định sự thật là mọi cố gắng của xã hội nhằm chống lại sức ép từ hệ thống phải có nguồn gốc căn bản từ khu vực tiền-chính trị. Bởi vì các cấu trúc song song còn là gì khác ngoài một không gian mà người ta có thể sống một đời sống khác, một đời sống hòa hợp với những mục tiêu của nó, và chính nó, đến lượt mình lại tự kiến trúc để hài hòa với các mục tiêu ấy. Các nỗ lực ban đầu hướng tới tự tổ chức xã hội ấy là gì khác ngoài các cố gắng của một phần xã hội để sống - với tư cách là xã hội - trong sự thật, để gỡ bỏ cho mình các yếu tố tự bảo tồn của chủ nghĩa toàn trị, và vì thế, giải thoát triệt để bản thân nó khỏi sự dấn lú trong hệ thống hậu toàn trị? Nó còn là cái gì khác ngoài một nỗ lực bất bạo động của nhân dân để phủ nhận hệ thống trong chính bản thân mình và thiết lập cuộc sống của họ trên một nền tảng mới, nền tảng của bản sắc của chính họ? Và chẳng phải xu hướng này khẳng định một lần nữa nguyên tắc trả lại sự quan tâm tới từng cá nhân cụ thể? Rốt cuộc, cấu trúc song song không lớn dậy a priori (một cách tiên nghiệm) từ một tầm nhìn lí thuyết về thay đổi hệ thống (không có những giáo phái chính trị nào ở đây), mà từ những mục tiêu của cuộc sống và từ nhu cầu chân chính của con người hiện thực. Trên thực tế, mọi thay đổi cuối cùng trong hệ thống, những thay đổi mà ta có thể quan sát thấy ở đây trong những hình thức thô sơ của chúng, đã de facto (trên thực tế) đến từ "bên dưới", bởi vì cuộc sống buộc chúng phải thế, không phải bởi chúng đến trước cuộc sống, bằng cách nào đó mà điều khiển nó hay thúc bách một sự thay đổi nào đó trong nó.

Kinh nghiệm lịch sử dạy ta rằng bất kì điểm xuất phát thực sự có ý nghĩa nào trong đời một con người thường chứa đựng yếu tố phổ quát trong đó. Nói cách khác, đó không phải là cái gì bộ phận, chỉ có thể tiếp cận được bởi một cộng đồng hạn hẹp nào đó, và không thể chuyển giao tới người khác. Ngược lại, nó phải có khả năng đến với tất cả mọi người; nó phải báo hiệu một giải pháp chung, và do vậy, nó không phải chỉ là sự thể hiện của một trách nhiệm của các cá nhân, hướng nội, buộc phải làm và làm chỉ cho riêng mình, mà còn có trách nhiệm tới và với thế giới. Do đó, thật sai lầm nếu hiểu cấu trúc song song và polis song song như là sự rút lui vào ghetto (khu Do Thái cách li - ND) và là hành động tự cô lập, chỉ đại diện cho phúc lợi của

những người đã chọn cách đi ấy, và là những người hoàn toàn thờ ơ với số phận những kẻ còn lại bên ngoài. Nói ngắn gọn, sẽ sai lầm nếu coi đó về cơ bản chỉ là một giải pháp nhóm, hoàn toàn không liên quan gì tới tình cảnh chung. Một quan niệm như thế, ngay từ đầu, xa lạ hóa ý tưởng về sống trong sự thật, biến nó cuối cùng thành một phiên bản tệ hơn của "sống trong dối trá". Tất nhiên, nếu vậy, nó không còn là một điểm xuất phát chân chính cho các cá nhân và các nhóm nữa, và ta có thể nhắc lại quan niệm sai lầm về "nhà bất đồng chính kiến" như là một nhóm tách biệt với những lợi ích riêng biệt, thực hiện những cuộc đối thoại riêng biệt với các quyền lực tối cao. Dù gì đi nữa, thậm chí những hình thức phát triển nhất của đời sống trong cấu trúc song song, thậm chí những hình thức già dặn nhất của polis song song chỉ có thể tồn tại - ít nhất là trong các hoàn cảnh hậu toàn trị - khi mà cá nhân cùng lúc sống trong cấu trúc chính thức "thứ nhất" bằng hàng ngàn quan hệ khác nhau, thậm chí nó có thể chỉ đơn giản là người ta mua cái người ta cần trong những cửa hàng của nó (cấu trúc thứ nhất), dùng tiền của nó và tuân theo luật pháp của nó. Tất nhiên, người ta có thể tưởng tượng cuộc sống với những mặt "cơ bản hơn" bùng nổ trong chính trị song song; nhưng một cuộc sống như thế, được sống chỉn chu theo cách ấy, như là một chương trình máy tính, chẳng phải là một phiên bản khác của cuộc sống tâm thần phân liệt "trong giả dối" mà mọi người khác đều phải sống, bằng cách này hay cách khác hay sao? Chẳng phải nó chỉ là một bằng chứng nữa cho thấy rằng nếu một điểm xuất phát không phải là một giải pháp "mẫu mực", không áp dụng được cho những người khác, thì cũng không thể có ý nghĩa với người khác? Patocka từng nói rằng điểm thú vị nhất về trách nhiệm là chúng ta mang nó theo mình ở khắp mọi nơi. Điều này có nghĩa rằng trách nhiệm là của chúng ta, rằng chúng ta phải chấp nhận nó và giật lấy nó ở đây, bây giờ, tại nơi này trong thời gian và không gian mà Thượng đế đã đặt chúng ta vào, và chúng ta không thể tìm cách quanh co trốn tránh bằng cách chuyển tới chỗ khác, bất kể nó là thánh địa Ấn độ hay là một không gian polis song song. Nếu những người trẻ tuổi phương Tây rất hay khám phá ra rằng cách rút lui vào một thánh đường Ấn độ hóa ra không phải là một giải pháp cá nhân hay giải pháp nhóm, thì điều này thật là hiển nhiên, vì, và cũng chỉ vì nó thiếu yếu tố phổ quát, bởi vì không phải ai cũng có thể rút lui vào một thánh đường. Thiên chúa giáo là một ví dụ về một lối thoát ngược lại: nó là điểm xuất phát cho tôi tại đây và lúc này - nhưng chỉ vì bất kì ai, bất kì đâu, bất kì lúc nào cũng có thể có nó.

XIX.

Tôi đã nói về tiềm năng chính trị của việc sống trong sự thật và của những hạn chế khi phỏng đoán rằng một biểu hiện của sống trong sự thật ấy có thể dẫn tới những thay đổi thật sự không, [và nếu có thì] như thế nào và bao giờ? Tôi cũng đã trình bày rằng việc tính toán rủi ro cho các hoạt động này là khắp khiêng vì một đặc điểm cơ bản của những đề xướng độc lập là chúng luôn luôn mà một canh bạc được ăn cả ngã về không, ít nhất là lúc đầu.

Tuy thế, sự phác họa về một số công việc mà các "phong trào bất đồng chính kiến" đã thực hiện sẽ thiếu sót nếu không xem xét, ít nhất là khái lược, về một số cách thức những việc này có thể tác động tới xã hội trên thực tế; nói cách khác, về những con đường mà tinh thần trách

nhiệm đối với và vì tất cả [toàn xã hội] có thể được hiện thực hóa trong thực tế (không có cái ý nghĩa cần thiết rằng nó buộc phải thế).

Ngay từ đầu, phải nhấn mạnh rằng toàn bộ không gian bao gồm đời sống độc lập của xã hội và cả "phong trào bất đồng chính kiến", tất nhiên còn lâu mới là yếu tố tiềm tàng duy nhất có thể ghi dấu ấn lên lịch sử của các nước đang sống trong hệ thống hậu toàn trị. Khủng hoảng xã hội ngầm trong những xã hội như vậy có thể bất chợt, độc lập với những phong trào này, khởi phát hàng loạt những thay đổi chính trị rộng khắp. Nó có thể làm rối loạn cấu trúc quyền lực và châm ngòi hay tăng cường độ vô số các hành vi đối đầu ngầm ngầm, gây ra những thay đổi về nhân sự, quan niệm, hoặc ít nhất là "bầu không khí". Nó có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến bầu không khí chung của cuộc sống, thổi bùng các bất ổn xã hội bất ngờ và không lường trước được và sự bùng nổ những bất bình trong dân. Chuyển giao quyền lực ở trung tâm của khối (Liên Xô) có thể ảnh hưởng đến điều kiện ở nhiều nước khác nhau theo rất nhiều cách. Các yếu tố kinh tế hiển nhiên có ảnh hưởng quan trọng, cũng như những khuynh hướng rộng lớn hơn của văn minh hóa toàn cầu. Một lĩnh vực vô cùng quan trọng, cái có thể là nguồn của những thay đổi tận gốc và các biến động chính trị, chính là các diễn biến chính trị quốc tế, các chính sách của siêu cường kia (Mỹ) và tất cả các quốc gia khác, cấu trúc đang thay đổi của lợi ích quốc tế và các vị trí mà khối chúng ta đang chiếm giữ. Thậm chí những người lên đến địa vị cao nhất cũng không phải là hoàn toàn chẳng có ý nghĩa gì, mặc dù như tôi đã nói, không nên phóng đại tầm quan trọng các lãnh đạo [đối với những thay đổi chính trị] trong hệ thống hậu toàn trị. Có nhiều ảnh hưởng và cộng hưởng, và tác động chính trị sau rốt của "phong trào đối lập" chỉ có thể được xem xét trên cái nền chung này và trong bối cảnh mà cái nền ấy quy định. Tác động này chỉ là một trong nhiều yếu tố (và còn xa mới là yếu tố quan trọng nhất) đang ảnh hưởng đến sự phát triển chính trị, và nó khác các yếu tố khác có thể chỉ trong cái tiêu điểm cơ bản của nó là việc nhìn nhận sự phát triển chính trị đó từ góc độ bảo vệ con người và tìm kiếm một ứng dụng trực tiếp của việc nhìn nhận ấy.

Như ta đã thấy, mục đích cơ bản của khuynh hướng hướng ngoại của những phong trào này là gây tác động lên xã hội, chứ không nhằm ảnh hưởng lên cấu trúc quyền lực, chí ít là không ảnh hưởng trực tiếp và ngay lập tức. Những đề xướng độc lập hướng tới không gian bí mật; chúng chứng tỏ rằng sống trong sự thật là một lựa chọn khác của xã hội và con người; và chúng đấu tranh để mở rộng không gian cho cuộc sống ấy; chúng giúp - mặc dù tất nhiên chỉ là gián tiếp - nâng cao lòng tự tin của các công dân; đập nát thể giới giả hình và lột mặt nạ để lộ ra bản chất thực của quyền lực. Chúng không chiếm lấy vai trò cứu thế; chúng không phải là "người tiên phong" hay "tinh hoa" một mình thông tỏ mọi chuyện, chẳng phải những người mà nhiệm vụ của họ là "thức tỉnh lí trí" của những đám đông "vô tri" (cái hình ảnh tự phóng chiếu ngạo mạn này, một lần nữa, lại thiết thân với một lối suy nghĩ hoàn toàn khác, cái kiểu tưởng rằng mình có một bản quyền về "dự án lí tưởng" nào đó, và do thế mà có quyền áp đặt nó lên xã hội). Chúng cũng không muốn dẫn dắt ai. Chúng để cho các cá nhân tự định đoạt sẽ tiếp nhận gì và không tiếp nhận gì từ kinh nghiệm và công trình của chúng. (Nếu như tuyên truyền chính thức của Czechoslovak mô tả những nhà Hiến chương như là "những kẻ tự phong", thì không phải là để tô đậm những tham vọng "tiên phong" về phần họ, mà chỉ là sự thể hiện khá tự nhiên những gì mà chính quyền nghĩ, xu hướng của nó phán xét người khác theo thước đo của riêng

nó, bởi vì đằng sau bất kì một biểu hiện phê phán nào, nó ngay lập tức nhìn thấy sự thèm khát được đóng vai quảng đại từ cái ghế của họ, và thống trị trên ngai của họ "nhân danh nhân dân", vẫn cái có cũ mà chế độ đã dùng trong bao năm).

Những phong trào này, do đó, luôn tác động cấu trúc quyền lực theo cách gián tiếp như thế, như thế là một phần thống nhất của xã hội, chúng chủ yếu hướng tới không gian bí mật của xã hội, vì vấn đề không phải là đối đầu với chế độ trên bình diện quyền lực thực.

Tôi đã chỉ ra một phương thức mà nó có thể tác động: nó đã củng cố sự nhận thức về pháp luật và cảm giác trách nhiệm phải chứng kiến luật pháp được tôn trọng. Đương nhiên, điều này chỉ là một ví dụ cụ thể của một ảnh hưởng rộng lớn hơn nhiều: những sức ép gián tiếp từ sống trong sự thật: sức ép tạo thành bởi tư tưởng tự do, các giá trị thay thế, và các "hành vi thay thế", và bởi sự tự hiện thực hóa một cách độc lập của xã hội. Cấu trúc quyền lực, bất kể muốn hay không, luôn phải đáp lại với sức ép này tới một mức độ nào đó. Tuy thế, phản ứng của nó luôn bị giới hạn vào hai chiều: đàn áp và thích nghi. Có lúc cái này thắng thế, có lúc cái kia thắng thế. Ví dụ, "Trường Đại học bay" của Ba Lan chịu sự khủng bố ngày càng tăng, còn các "giáo viên bay" thì bị cảnh sát cầm tù. Tuy thế, cùng lúc ấy, các giáo sư trong các trường đại học công lại cố gắng làm giàu giáo án với hàng loạt chủ đề mà cho đến lúc đó vẫn còn là cấm kị, và điều này là kết quả của sức ép gián tiếp do "Trường Đại học bay" gây ra. Những động cơ của sự thích nghi này trải từ "lí tưởng" (không gian bí mật đã nhận được thông điệp, và lương tâm cùng với tinh thần sẵn sàng sống theo sự thật đã được thức tỉnh) đến thuần túy vị lợi: bản năng sinh tồn của chế độ buộc nó phải nhận ra các ý tưởng đang thay đổi và bầu không khí xã hội và tinh thần đang biến chuyển, và phải phản ứng linh hoạt với chúng. Động cơ nào trong số ấy thắng thế tại một thời điểm nào đó không quan trọng lắm đối với tác động cuối cùng.

Thích nghi là chiều hướng tích cực trong sự phản ứng của chính quyền, và nó có thể, và thường là, bao gồm một một dải quang phổ rộng với nhiều hình thức các giai đoạn khác nhau. Một số nhóm có thể cố gắng tích hợp các giá trị hay con người từ "thế giới song song" vào các cấu trúc chính thức để tận dụng và để trở thành giống như họ, và do đó để điều chỉnh sự mất cân bằng hiển nhiên và không bao biện được. Trong những năm 60, những người cộng sản tiến bộ bắt đầu "khám phá" các giá trị và hiện tượng văn hóa chưa được nhận diện. Đây là một bước tiến tích cực, mặt dù không phải không nguy hiểm, vì các giá trị khi bị "tích hợp" hay "phù hợp hóa" sẽ mất đi phần nào sự độc lập và tính nguyên bản của nó, và khi được phủ lên một lớp áo choàng về tính hợp pháp và phục tùng, thì độ tin cậy của nó cũng suy yếu đi ít nhiều. Trong giai đoạn tiếp theo, sự thích nghi này có thể dẫn tới vô số nỗ lực về phía cấu trúc chính thức nhằm thực hiện các cải cách, trong cả tính mục đích và cấu trúc của nó. Những cải cách như vậy thường là nửa vời; chúng là những cố gắng tích hợp và phối hợp một cách thực tế giữa phục vụ cuộc sống và phục vụ sự tự vận hành hậu toàn trị. Nhưng chúng không thể khác hơn được. Chúng đánh lộn sòng cái trước đây vốn là ranh giới rõ ràng giữa sống trong sự thật và sống trong dối trá. Chúng phủ lên một màn sương khói lên hoàn cảnh, thần bí hóa xã hội và gây khó khăn cho con người trong việc duy trì phương hướng cá nhân của họ. Tất nhiên, điều này không thay đổi được sự thật rằng sự thích nghi này về cơ bản là tích cực vì nó mở đường vào những không gian mới. Nhưng nó cũng làm cho việc phân biệt giữa những nhượng bộ

"chấp nhận được" và "không chấp nhận được" trở nên khó khăn hơn.

Một giai đoạn khác, cao hơn của thích nghi là một quá trình phân biệt hóa nội tại xảy ra trong các cấu trúc chính thức. Những cấu trúc này tự mở ra cho những hình thức đa nguyên ít nhiều được thể chế hóa, bởi vì các mục tiêu đích thực của cuộc sống đòi hỏi như vậy. (Một ví dụ: nếu thiếu sự thay đổi cái nền tảng vốn bị tập trung hóa và thể chế hóa của đời sống văn hóa, các nhà xuất bản, tập san nội bộ, các nhóm nghệ sỹ, các viện nghiên cứu song song, và v.v., có thể xuất hiện dưới sức ép từ "bên dưới". Hay một ví dụ khác: một đoàn thanh niên duy nhất và đồng nhất vốn do chính quyền điều khiển như là một "dây chuyền chuyển động" điển hình của nhà nước hậu toàn trị, dưới sức ép của các nhu cầu đích thực, đã bị phân rã thành một loạt các tổ chức ít nhiều độc lập như Hội Sinh viên, Hội Học sinh Trung học, Hội Công nhân Trẻ v.v.). Có một mối liên hệ trực tiếp giữa sự đa dạng hóa, cái cho phép những đề xướng từ bên dưới được cảm nhận, và sự xuất hiện và thể chế hóa các cấu trúc mới vốn đã tồn tại song song, hay ít nhất là được các thiết chế chính thức tôn trọng hoặc ít ra là khoan nhượng ở các mức độ khác nhau. Những thiết chế mới này không chỉ gồm các cấu trúc chính thức đã được tự do hóa để thích ứng với những đòi hỏi chân chính của cuộc sống; chúng là sự thể hiện trực tiếp của các nhu cầu ấy, đòi hỏi một vị trí trong bối cảnh những gì hiện đã tồn tại. Nói cách khác, chúng là những biểu hiện chân chính của xu hướng tự tổ chức của xã hội. (Ở Czechoslovak, năm 1968, các tổ chức nổi tiếng nhất theo kiểu này là KAN, Câu lạc bộ những người không cộng sản nhiệt tâm, và K123, một tổ chức của các cựu tù chính trị).

Giai đoạn tốt cùng của quá trình này là tình huống trong đó các cấu trúc chính thức - như là các đại diện của hệ thống, tồn tại chỉ để phục vụ sự tự vận hành của nó, và được kiến trúc trên tinh thần ấy - đơn giản là bắt đầu suy tàn và chết dần, để bị thay thế bởi những cấu trúc mới đã tiến hóa từ "bên dưới" và được sắp đặt với nhau theo cách hoàn toàn khác.

Tất nhiên, có thể hình dung ra nhiều con đường khác trong đó những mục tiêu của cuộc sống có thể đem lại những chuyển biến về chính trị trong cách tổ chức chung của sự vật và làm suy yếu trên mọi tầng mức sức ảnh hưởng của các kĩ xảo giật dây [của nhà nước hậu toàn trị] lên xã hội. Ở đây, tôi mới chỉ nói đến con đường mà cách tổ chức chung của sự vật đã thay đổi trên thực tế, như chính chúng ta đã trải nghiệm ở Czechoslovak vào khoảng 1968. Phải nói thêm là tất cả những ví dụ cụ thể trên là một phần của một quá trình lịch sử đặc thù, và không nên coi đó là con đường duy nhất, hay nhất thiết phải lặp lại (đặc biệt là không ở nước ta), một thực tế mà, tất nhiên, không làm giảm sút tầm quan trọng của những bài học chung, cái vẫn đang được tìm kiếm và rút ra từ quá trình ấy cho đến tận ngày nay.

Trong khi bàn về chủ đề 1968 ở Czechoslovak, có thể sẽ thích hợp nếu chỉ ra một số các lĩnh vực phát triển điển hình trong giai đoạn này. Mọi sự chuyển dạng, trước hết là ở "tâm trạng" chung, sau đó là nhận thức, và cuối cùng là cấu trúc, không xảy ra dưới sức ép từ các kiểu cấu trúc song song vốn đang định hình ngày nay. Những cấu trúc ấy - vốn xác lập một phản đề sắc nét cho các cấu trúc chính thức - đơn giản là không tồn tại trong thời gian ấy, mà cũng chẳng có "nhà bất đồng chính kiến" nào tồn tại theo nghĩa hiện nay của từ này. Những thay đổi diễn ra chỉ đơn giản là hậu quả của các sức ép đủ loại, cái triệt để, cái nửa vời. Đã có những cố gắng

nhất thời hướng vào các hình thức tư duy, sáng tạo độc lập và biểu đạt chính trị dự do hơn. Đã có những nỗ lực ngay lập tức, dài hạn và kín đáo nhằm làm cho đời sống xã hội độc lập thấm thấu được vào các cấu trúc đang tồn tại, thường bắt đầu bằng sự thể chế hóa âm thầm của đời sống này trong và xung quanh ngoại vi của các cấu trúc cấu trúc. Nói cách khác, nó là một quá trình tiệm tiến của sự thức tỉnh xã hội, một kiểu quá trình "xâm thực", theo đó các không gian bí mật dần dần hé lộ ra. (Có một phần sự thật trong tuyên truyền chính thức về một cuộc "phản cách mạng xâm thực" ở Czechoslovakia, là khái niệm được họ dùng để nói về cách mà các mục tiêu của cuộc sống đã tiến lên). Động lực đằng sau sự thức tỉnh này không phải đến trực tiếp từ đời sống độc lập của xã hội, cái được coi như là một môi trường xã hội được định rõ (mặc dù đương nhiên nó cũng xuất phát từ đây - một thực tế vẫn còn chưa được coi trọng đúng mức). Nó cũng có thể đơn giản đã xuất phát từ thực tế rằng con người làm việc trong những cấu trúc chính thức, vốn ít nhiều đồng hóa họ với ý thức hệ chính thống, [bồng thức tỉnh] và nhận ra hiện thực như nó vốn có, và sự thức tỉnh ấy dần dần trở nên rõ ràng với họ, qua những cuộc khủng hoảng xã hội ngấm ngầm và những kinh nghiệm cay đắng của chính bản thân họ về bản chất thực sự và sự vận hành của hệ thống. (Tôi đang nghĩ đến chủ yếu là những người cộng sản cải cách "chống giáo điều", những người, qua năm tháng, đã trở thành một lực lượng bên trong các cấu trúc chính thức). Các điều kiện thích hợp và *raison d'être* [lí do tồn tại] cho những đề xướng độc lập "tự cấu trúc" vốn quen thuộc với chúng ta trong thời đại của các "phong trào bất đồng chính kiến" - những phong trào hoàn toàn biệt lập với các cấu trúc chính thức và bị các cấu trúc ấy phủ nhận *en bloc* [hoàn toàn]. Vào thời gian đó, hệ thống hậu toàn trị ở Czechoslovakia chưa bị xơ cứng hóa đến mức thành các dạng thức cố định, cần cỗi và trì động như ngày nay, các dạng thức đã buộc con người phải quay lại tìm về khả năng tổ chức của chính họ. Vì nhiều lí do xã hội và lịch sử, chính quyền 1968 cởi mở hơn. Cấu trúc quyền lực, bị kiệt quệ bởi chủ nghĩa chuyên chế Stalin và sự tìm kiếm tuyệt vọng một cuộc cải cách không đau đớn, đã không thể tránh khỏi thối rữa từ bên trong, hầu như bất lực trong việc đưa ra một sự chống đối thông minh nào để phản lại sự thay đổi trong tâm trạng, phản lại cách mà những thành viên trẻ tuổi nhìn sự vật, và để chống lại hàng nghìn biểu hiện chân chính của cuộc sống trên bình diện "tiền chính trị" bùng nổ trong vùng đất chính trị bao la nằm giữa chính thức và không chính thức.

Từ góc nhìn tổng quát hơn, một tình huống điển hình nữa lại tỏ ra quan trọng: sự sôi sục trong xã hội đã lên tới đỉnh điểm vào năm 1968 chưa bao giờ - theo nghĩa những thay đổi cấu trúc thực sự - đi xa hơn là cải cách, hoặc đa dạng hóa hay thay thế các cấu trúc, vốn chỉ đóng vai trò thứ yếu. Nó không động đến cái cơ bản của cấu trúc quyền lực trong hệ thống hậu toàn trị, những nguyên tắc nền tảng về tổ chức xã hội, thậm chí không chạm đến cái mô hình kinh tế mà trong đó mọi quyền lực kinh tế đều phục tùng quyền lực chính trị. Cũng không có sự thay đổi cấu trúc cơ bản nào trong những công cụ trực tiếp của quyền lực (quân đội, cảnh sát, tư pháp, v.v.). Ở tầng mức này, vấn đề chưa bao giờ vượt quá một sự thay đổi trong tâm trạng, nhân sự, đường lối chính trị và hơn hết, thay đổi trong cách mà quyền lực được thực thi. Mọi thứ khác đều còn ở bước thảo luận và lên kế hoạch. Hai cương lĩnh được chấp nhận chính thức đã tiến xa nhất về mặt này là Cương lĩnh Hành động Tháng Tư 1968 của Đảng Cộng sản Czechoslovakia, và một đề xuất các cải cách kinh tế. Cương lĩnh Hành động không thể khác hơn là đầy những mâu thuẫn và giải pháp nửa vời, để mặc cho các khía cạnh vật lý của quyền lực

không được động chạm tới. Và các đề xuất kinh tế, trong khi đi một đoạn đường dài nhằm đáp ứng các mục tiêu của cuộc sống trong lĩnh vực kinh tế (chúng chấp nhận những ý tưởng như là sự đa dạng về lợi ích và sáng kiến, các động lực động, các hạn chế của hệ thống kinh tế chỉ huy), cũng không động tới trụ cột chính của quyền lực kinh tế, tức là nguyên tắc sở hữu nhà nước, thay vì sở hữu xã hội thực sự đối với các công cụ sản xuất. Vì thế, có một khoảng trống ở đây mà không một phong trào xã hội nào trong hệ thống hậu toàn trị có thể làm cầu nối, với một ngoại lệ khả dĩ của những ngày ít ỏi trong cuộc nổi dậy ở Hungary.

Những phương án phát triển nào khác có thể xuất hiện trong tương lai? Đáp lại câu hỏi này sẽ có nghĩa là bước vào địa hạt của phỏng đoán thuần túy. Hiện tại, có thể nói được rằng cuộc khủng hoảng xã hội âm ỉ trong hệ thống sẽ luôn luôn gây ra (và không có lý do gì để tin rằng nó sẽ ngừng lại) các rối loạn xã hội và chính trị (Đức năm 1953, Hungary, Liên Xô và Ba Lan năm 1956, Czechoslovakia và Ba Lan 1968, Ba Lan năm 1970 và 1976), tất cả đều rất khác biệt về bối cảnh, con đường tiến hóa và hậu quả cuối cùng. Nếu ta nhìn vào phức hợp to lớn của các yếu tố khác nhau đã dẫn đến những rối loạn như vậy, và vào sự bất khả thi trong dự đoán sự tích tụ ngẫu nhiên nào của các sự kiện sẽ gây ra sự sôi sục đó trong không gian bí mật để rồi lộ ra dưới ánh sáng ban ngày (vấn đề của "giọt nước cuối cùng"); và nếu ta xem xét liệu việc đoán trước cái mà tương lai đang che giấu từ những xu hướng đối nghịch nhau: một mặt là sự hội nhập ngày càng sâu sắc của "khối" và sự mở rộng quyền lực trong nó, và mặt khác là nhận thức dân tộc đang thức tỉnh trong các khu vực ngoài Nga (về mặt này Liên Xô không thể hi vọng sẽ vĩnh viễn ở ngoài cuộc đấu tranh toàn cầu cho giải phóng dân tộc), thì ta phải thấy sự vô vọng của việc cố gắng đưa ra các phỏng đoán dài hạn.

Dù sao đi nữa, tôi không tin rằng kiểu tiên tri này có một ý nghĩa trực tiếp nào cho các "phong trào bất đồng chính kiến" vì những phong trào này, rốt cuộc, không phát sinh từ những tư tưởng tiên tri, và do đó, nếu chúng tự đặt mình vào cái nền ấy có nghĩa là đang xa lạ hóa chính mình với cái nguồn cội bản sắc.

Như thế, về các triển vọng của các "phong trào bất đồng chính kiến", dường như rất ít khả năng là sự phát triển trong tương lai sẽ dẫn đến sự cùng tồn tại lâu bền giữa hai cơ thể tách biệt, không tương tác và khác nhau - polis chính thống và polis song song. Chừng nào mà nó vẫn còn là nó, thực hành sống trong sự thật không thể không đe dọa hệ thống. Thật không thể tưởng tượng được nó có thể tiếp tục cùng tồn tại với sống trong dối trá mà không có những mâu thuẫn đầy kịch tính. Quan hệ của hệ thống hậu toàn trị - chừng nào mà nó vẫn còn là nó - và đời sống độc lập của xã hội - chừng nào mà nó còn là nơi dành cho tinh thần trách nhiệm vì mọi người và cho mọi người - sẽ luôn luôn hoặc là xung đột ngầm ngấm, hoặc xung đột công khai.

Trong tình huống này, chỉ có hai khả năng: hoặc là hệ thống hậu toàn trị sẽ tiếp tục phát triển (tức là, sẽ có khả năng để tiếp tục sự phát triển), và do đó mà không thể tránh khỏi sẽ tiến gần hơn đến viễn cảnh đáng sợ của Orwell về một thế giới của sự giết dây triệt để, trong khi mọi biểu hiện của sống trong sự thật sẽ bị hút kiệt khỏi hệ thống; hoặc là đời sống độc lập của xã hội (polis song song), bao gồm các "phong trào bất đồng chính kiến", sẽ từ từ nhưng chắc

chấn trở thành một hiện tượng xã hội ngày càng quan trọng, đóng vai trò thực tế trong đời sống xã hội, sự tồn tại và bản chất của nó ngày càng trở nên rõ ràng và nó ngày càng có ảnh hưởng tới hoàn cảnh chung. Tất nhiên, điều này luôn chỉ là một trong nhiều yếu tố tác động đến hoàn cảnh và nó chỉ vận hành trên phong nền, trong sự hòa quyện với những yếu tố khác và theo cách phù hợp với cái nền ấy.

Liệu nó có thể tập trung vào cải cách các cấu trúc chính thức hay khuyến khích [các cấu trúc này] phân hóa, hoặc thay thế chúng với những cấu trúc mới; liệu chủ đích là "cải thiện" hệ thống hay, ngược lại, đập đổ nó: những câu hỏi đại loại như thế này, trong chừng mực mà chúng không phải các giả-vấn đề, có thể được nêu ra bởi các "phong trào đối lập" chỉ trong những hoàn cảnh cụ thể, khi phong trào ấy đối mặt với một nhiệm vụ cụ thể. Nói cách khác, nó phải đặt ra các câu hỏi, cũng như chính sự xuất hiện của bản thân nó, ad hoc [mang tính sự vụ], từ việc cân nhắc cụ thể những nhu cầu đích thực của cuộc sống. Tôi tin rằng, trả lời những câu hỏi như vậy một cách trù tượng, và vẽ ra cương lĩnh chính trị theo một tương lai giả định nào đó có nghĩa là trở lại tinh thần và các phương pháp của chính trị truyền thống, và nó sẽ hạn chế và tha hóa thành quả của "bất đồng chính kiến" ở nơi mà nó là chính nó, và có triển vọng đích thực nhất cho tương lai. Tôi đã nhấn mạnh nhiều lần rằng những "phong trào đối lập" này không xuất phát từ việc sáng tạo ra những thay đổi hệ thống, mà từ một cuộc đấu tranh thực, hàng ngày hàng giờ, cho một cuộc sống tốt đẹp hơn, "ở đây và lúc này". Các hệ thống cấu trúc và chính trị mà cuộc sống khám phá ra cho chính mình sẽ luôn là - ít nhất trong thời gian sắp tới - hạn chế, nửa vời, không thỏa đáng và bị ô nhiễm bởi những tiểu xảo gây suy yếu. Nó tất yếu phải thế, và chúng ta phải lường trước điều này và không bị nó làm nhụt chí. Điều vô cùng quan trọng là cái nội dung chính - cuộc đấu tranh hàng ngày, tẻ nhạt và không bao giờ dứt của nhân loại để sống tự do hơn, trung thực hơn và trong danh dự thầm lặng - không áp đặt bất cứ một giới hạn nào lên nó, không bao giờ thiếu nhiệt tình, không nhất quán, không bao giờ bẫy mình vào những thủ thuật chính trị, đầu cơ trên những kết quả của hành động của mình, hay thỏa mãn những mơ ước hão huyền về tương lai. Sự thuần khiết của cuộc đấu tranh này sẽ là sự đảm bảo tốt nhất cho những kết quả tối ưu khi nó đi đến những tương tác thực sự với các cấu trúc hậu toàn trị.

XX.

Bản chất đặc thù của các điều kiện hậu toàn trị - với sự thiếu vắng đời sống chính trị bình thường và thực tế là bất cứ những thay đổi chính trị sâu sắc nào đều hoàn toàn không thể tiên lượng được - có một mặt tích cực: nó buộc chúng ta phải rà xét hoàn cảnh của mình một cách mạch lạc hơn, và xem xét tương lai của chúng ta trong bối cảnh của các triển vọng toàn cầu và dài hạn của thế giới mà chúng ta là một phần. Thực tế là sự đối đầu thực chất nhất và căn bản nhất giữa con người và hệ thống diễn ra ở một mức độ sâu đậm hơn nhiều so với những gì ở nền chính trị truyền thống, và đồng thời, thực tế ấy quyết định hướng đi của những cân nhắc như thế.

Vì thế, sự chú ý của chúng ta không thể tránh khỏi phải hướng tới vấn đề căn bản nhất: sự khủng hoảng của toàn bộ xã hội công nghệ đương đại nói chung, cuộc khủng hoảng mà Heidegger mô tả là sự bất lực của nhân loại đối mặt với quyền lực toàn cầu của công nghệ. Công nghệ - đứa con của khoa học hiện đại, cái mà đến lượt nó lại là con đẻ của siêu hình học hiện đại - đã vượt ra ngoài tầm kiểm soát của con người, đã không còn phục vụ chúng ta, đã nô dịch chúng ta và buộc ta phải tham gia vào sự chuẩn bị cho sự hủy diệt của chính mình. Và nhân loại không thể tìm ra lối thoát: chúng ta không có ý tưởng và không có đức tin, và lại càng có ít hơn những khái niệm chính trị để giúp mình đưa sự vật trở về dưới sự kiểm soát của con người. Chúng ta nhìn một cách tuyệt vọng trong khi cỗ máy vận hành lạnh lùng mà ta tạo ra đang nhận chìm chúng ta, xé chúng ta khỏi những gắn kết tự nhiên (ví dụ từ môi trường sống của chúng ta, theo nghĩa rộng nhất của từ này, gồm môi trường sống của ta trong sinh quyển) cũng hết như chúng loại chúng ta khỏi "đời sống" và ném chúng ta vào thế giới của "sinh tồn". Tình huống này đã được mô tả từ nhiều góc độ khác nhau và nhiều cá nhân và các nhóm xã hội đã cố gắng, thường là rất đau đớn, tìm đường ra (như từ tư tưởng phương Đông hay bằng hình thành các công xã). Nỗ lực xã hội (hay thực ra là chính trị) duy nhất đang cố gắng làm một cái gì đó [trước nguy cơ này], cái nỗ lực mang trong mình thành tố cần thiết là tính phổ quát (trách nhiệm với và cho toàn thể), chính là nỗ lực tuyệt vọng của các phong trào sinh thái, và với việc thế giới đang ở trong một tình trạng hỗn loạn như hiện nay, tiếng nói của nó cũng đang yếu dần. Và thậm chí ở đây thì cố gắng cũng chỉ giới hạn ở một ý tưởng nhất định trong việc làm sao sử dụng công nghệ để chống lại nền độc tài của công nghệ.

"Chỉ có Thượng đế mới có thể cứu vớt chúng ta", Heidegger nói, và ông nhấn mạnh sự cần thiết của "một lối tư duy khác", tức là, phải chia tay với những dòng triết học trong nhiều thế kỷ gần đây, và phải tạo ra một thay đổi tận gốc rễ trong cách con người nhận thức về mình, về thế giới và vị trí của nó trong đó. Ông không biết lối thoát nào và tất cả những gì ông có thể khuyến nghị là "chuẩn bị các kì vọng".

Vô số những nhà tư tưởng và phong trào cảm thấy cái lối thoát vẫn còn chưa tìm ra này có thể nhận dạng theo cách chung nhất là một "cuộc cách mạng hiện sinh" rộng lớn. Tôi chia sẻ quan điểm này, và tôi cũng chia sẻ ý kiến cho rằng một giải pháp [triệt để] không thể tìm thấy trong một thủ thuật công nghệ nào đó, tức là, trong đề xuất thay đổi từ bên ngoài, hay trong một cuộc cách mạng thuần túy triết học, thuần túy xã hội hay thuần túy công nghệ, hay thậm chí thuần túy chính trị. Tất cả chúng đều là những lãnh địa mà tác động của một cuộc "cách mạng hiện sinh" sẽ phải động chạm tới; nhưng cái lãnh địa căn bản nhất [mà cuộc cách mạng hiện sinh này phải tác động tới] chỉ có thể là sự tồn tại của con người theo nghĩa sâu sắc nhất của từ này. Chỉ có thể từ nền tảng ấy nó mới có thể trở thành một cuộc tái cấu trúc xã hội về đạo đức tổng quát - và, đương nhiên, rốt cuộc là chính trị.

Cái mà chúng ta gọi là xã hội tiêu thụ và công nghiệp (hay hậu công nghiệp), và Ortega y Gasset từng hiểu là "cuộc cách mạng của những đám đông", cũng như những sự tồi tệ về trí thức, đạo đức, chính trị và xã hội trên thế giới ngày nay: tất cả chúng có thể chỉ đơn thuần là những khía cạnh của một cuộc khủng hoảng sâu sắc, trong đó nhân loại, bị lôi đi một cách tuyệt vọng bởi sự tự vận hành của văn minh công nghệ toàn cầu, nhận ra mình.

Hệ thống hậu toàn trị chỉ là một khía cạnh - một khía cạnh đặc biệt nghiệt ngã và vì thế mà lộ rõ những nguồn gốc thực của nó - của sự bất lực chung của nhân loại hiện đại trong việc làm chủ tình cảnh của nó. Sự tự vận hành của hệ thống hậu toàn trị chỉ đơn thuần là một phiên bản cực đoan của sự tự vận hành toàn cầu của văn minh công nghệ. Thất bại con người mà nó phản chiếu chỉ là một biến thể của thất bại chung của nhân loại hiện đại.

Đương nhiên, thách thức toàn cầu này đối với vị trí của loài người trên thế giới cũng xảy ra trong thế giới phương Tây, chỉ khác chăng ở các hình thái chính trị và xã hội của nó. Heidegger nói đến nó như là khủng hoảng của nền dân chủ. Chẳng có bằng chứng thực sự nào chứng tỏ rằng nền dân chủ phương tây, tức là nền dân chủ của hình thái nghị viện truyền thống, có thể cho ra một giải pháp căn bản hơn chút nào. Thậm chí có thể nói rằng, càng nhiều không gian cho những mục tiêu đích thực của cuộc sống trong các nền dân chủ phương Tây, thì cuộc khủng hoảng càng bị giấu diếm tốt hơn khỏi con người và họ lại càng bị vây bọc trong đó.

Có vẻ như các nền dân chủ nghị viện truyền thống không thể đưa ra sự chống đối căn bản nào trước sự tự vận hành của văn minh công nghệ và xã hội tiêu thụ-công nghiệp, bởi ví chúng cũng đang bị cuốn đi một cách tuyệt vọng theo nó. Con người bị giật dây theo những cách tinh tế và nhẹ nhàng hơn ngàn lần những phương pháp bạo tàn được dùng trong các xã hội hậu toàn trị. Nhưng cái phức hợp tính của những chính đảng khổng lồ, vô trật tự về nhận thức, thực dụng về chính trị và cứng nhắc, được điều khiển bởi những bộ máy chuyên nghiệp và tháo tung con người khỏi mọi hình thức của trách nhiệm cá nhân và cụ thể; và những điểm hội tụ phức tạp của tích lũy tư bản liên quan tới sự thao túng bí mật và mở rộng; nền độc tài có quyền lực tuyệt đối của tiêu thụ, sản xuất, quảng cáo, thương mại, văn hóa tiêu thụ, và tất cả những cơn lũ về thông tin ấy - tất cả chúng, vẫn rất thường được phân tích và mô tả, khó có thể tưởng tượng được lại là suối nguồn nơi con người có thể tìm lại chính mình. Trong bài giảng ở Harvard tháng 5 năm 1978 của ông, Solzhenitsyn mô tả bản chất ảo tưởng của tự do không dựa trên trách nhiệm cá nhân và sự bất lực kinh niên của các nền dân chủ truyền thống trong việc chống lại bạo lực và chủ nghĩa toàn trị với tư cách là kết quả của nó. Trong một nền dân chủ, nhân loại có thể hưởng nhiều tự do và an ninh cá nhân mà chúng ta không biết, nhưng rất cuộc chúng cũng chẳng tốt đẹp gì, bởi chúng cũng rất cực chỉ là những nạn nhân của cùng một sự tự vận hành, và không thể bảo vệ được các quan tâm của họ về bản sắc của mình hay ngăn chặn sự hời hợt hóa, không thể vượt qua những quan tâm về sự sinh tồn cá nhân và trở thành một thành viên có trách nhiệm và tự hào của polis, không thể đóng góp thực sự vào việc tạo thành số phận của nó.

Bởi vì mọi viễn cảnh của chúng ta về một sự thay đổi tốt lên là rất dài hạn, ta buộc phải ghi nhớ sự khủng hoảng sâu sắc này của nền dân chủ truyền thống. Chắc chắn là, nếu các điều kiện được tạo ra cho nền dân chủ trong một vài nước thuộc khối Xô viết (mặc dù điều này ngày càng trở nên xa vời), nó có thể là một giải pháp trung chuyển tạm thời có thể giúp phục hồi cảm nhận về nhận thức dân sự vốn bị kiệt quệ, giúp hồi sinh tranh luận dân chủ, cho phép củng cố một đa nguyên chính trị căn bản, và sự biểu đạt giản đơn các mục tiêu của cuộc sống. Nhưng bám víu lấy ý tưởng về nền dân chủ truyền thống như là một lí tưởng chính trị và quý

gối trước ảo ảnh rằng chỉ có hình thức "thử và đúng" này là có thể đảm bảo cho nhân loại một nhân phẩm lâu dài và một vai trò độc lập trong xã hội, theo tôi, ít nhất cũng là thiếu cận.

Tôi coi quan tâm mới hồi sinh của chính trị vào con người thực như là cái gì đó căn bản hơn nhiều so với việc đơn thuần trở về những cơ chế thường nhật của nền dân chủ phương Tây (hay nếu bạn thích, nền dân chủ tư sản). Trong năm 1968, tôi cảm thấy rằng vấn đề của chúng ta có thể được giải quyết bằng việc hình thành một đảng đối lập có thể cạnh tranh công khai giành quyền lực với đảng Cộng sản. Nhưng đã từ lâu, tôi nhận ra rằng, điều đó không đơn giản đến thế, và không một đảng đối lập nào, tự thân nó, cũng như không luật bầu cử mới nào, tự thân nó, có thể làm cho xã hội miễn nhiễm với những hình thức bạo lực mới. Không có chuẩn mực tổ chức "khô khan" nào tự nó có thể đem lại bảo đảm ấy, và ta chắc chắn sẽ nhận ra từ những tổ chức này rằng, không có ai khác ngoài Thượng Đế ấy có thể cứu giúp được mình.

XXI.

Và giờ đây tôi có thể đặt câu hỏi: "Vậy thì cần làm gì?"

Tất nhiên, sự nghi ngờ của tôi với những mô hình chính trị thay thế và khả năng những cuộc cải cách hay thay đổi hệ thống có thể cứu mang đến cho chúng ta không có nghĩa là tôi nghi ngờ mọi tư tưởng chính trị. Hay sự nhấn mạnh của tôi về tầm quan trọng của mỗi quan tâm tập trung vào con người thực đã loại trừ tôi khỏi những cân nhắc về những hậu quả mang tính hệ thống xuất phát từ đó. Ngược lại, nếu đã nói ra A thì cũng phải nói nốt B. Tuy nhiên, tôi cũng chỉ đưa ra một vài nhận xét rất chung.

Hơn hết, bất kì cuộc cách mạng hiện sinh nào cũng đem đến một hi vọng tái thiết đạo đức xã hội - có nghĩa là một hi vọng canh tân triệt để mối quan hệ của con người với cái mà tôi gọi là "trật tự con người", mà không trật tự chính trị nào có thể thay thế được. Một kinh nghiệm mới của tồn tại, một sự cảm rẽ mới vào tổng thể, một cảm nhận mới giành được về "trách nhiệm cao hơn", một quan hệ nội tại mới được tìm ra với những người khác và với cộng đồng người - những yếu tố này vạch rõ hướng ta phải đi.

Còn những hậu quả chính trị? Có vẻ như chúng sẽ được phản ánh trong hiến pháp của các cấu trúc sẽ nảy sinh trên "tinh thần mới" này, từ các yếu tố con người hơn là từ việc chính thức hóa các quan hệ chính trị và các bảo đảm chính trị. Nói cách khác, vấn đề là sự hồi sinh của các giá trị như niềm tin, sự cởi mở, trách nhiệm, đoàn kết, yêu thương. Tôi đặt niềm tin vào những cấu trúc không nhắm tới khía cạnh "kỹ thuật" của việc thực thi quyền lực, mà tới tầm quan trọng của sự thực thi ấy trong các cấu trúc được gắn với nhau bởi các cảm nhận chung về tầm quan trọng của những cộng đồng nhất định, hơn là bởi những tham vọng bành trướng "hướng ngoại". Có thể và nhất định phải tồn tại những cấu trúc mở, động và nhỏ; vượt qua một mức nào đó, những ràng buộc nhân văn như niềm tin cá nhân hay trách nhiệm cá nhân không còn hiệu lực nữa. Nhất định phải tồn tại những cấu trúc mà trên nguyên tắc không áp đặt bất cứ

một giới hạn nào về nguồn gốc của các cấu trúc khác. Bất cứ sự tích tụ quyền lực nào (vốn là một đặc trưng của sự tự vận hành) sẽ hoàn toàn xa lạ với nó. Chúng có thể là những cấu trúc không theo nghĩa tổ chức hay thiết chế, mà như là một cộng đồng. Quyền năng của nó chắc chắn là không dựa trên những truyền thống đã trống rỗng từ lâu, như truyền thống của các chính đảng khổng lồ, mà theo nghĩa thực tế, dựa vào cách chúng tiếp cận một tình huống cho trước. Thay vì là một khối liên kết chiến lược của các tổ chức chính thức hóa, tốt hơn hết, nó nên có các tổ chức bùng nổ ad hoc, tràn ngập nhiệt tình cho một mục đích cụ thể nào đó, và biến mất khi mục tiêu ấy đã đạt được. Thậm chí quyền của các lãnh tụ nên bắt nguồn từ cá tính của họ và được thử thách từng người trong môi trường cụ thể của họ, chứ không phải từ vị trí của họ trong bất kỳ nomenklatura (bảng kê nhân sự) nào. Họ nên hưởng niềm tự tin cá nhân to lớn và thậm chí hưởng những quyền lực lập pháp to lớn dựa trên niềm tự tin ấy. Có vẻ như đây là lối duy nhất thoát khỏi sự bất lực kinh điển của các tổ chức dân chủ truyền thống, vốn thường xuyên có vẻ dựa trên sự nghi ngờ hơn là tin tưởng lẫn nhau, và dựa vào sự vô trách nhiệm tập thể hơn là trách nhiệm. Chỉ với sự hậu thuẫn toàn lực mang tính hiện sinh của mọi thành viên trong cộng đồng, thì mới có thể dựng nên một bức tường thành bền vững chống "chủ nghĩa toàn trị lẫn dần". Những cấu trúc này nên lớn dậy một cách tự nhiên từ bên dưới như là kết quả của sự tự tổ chức chân chính của xã hội; chúng nên lấy năng lượng sống từ đối thoại sinh động với những nhu cầu đích thực mà từ đó chúng xuất hiện, và khi những nhu cầu này biến mất, các cấu trúc cũng nên tan biến theo. Những nguyên tắc tổ chức nội bộ của chúng nên rất đa dạng, với các quy định từ bên ngoài giữ ở mức tối thiểu. Tiêu chí quyết định của sự "tự thiết chế" này nên là ý nghĩa thực tế của hệ thống, chứ không phải chỉ là một quy tắc hoàn toàn trừu tượng.

Cả đời sống chính trị và kinh tế cần dựa trên sự hợp tác đa dạng và phong phú của những tổ chức hợp -tan một cách năng động như thế. Đối với đời sống kinh tế, tôi tin vào những nguyên tắc tự quản lý, cái có lẽ là cách duy nhất để đạt tới cái mà mọi nhà lý thuyết của chủ nghĩa xã hội mơ ước, tức là sự tham gia thực sự (cụ thể là không chính thức) của người lao động vào việc ra quyết định kinh tế, dẫn đến cảm giác về trách nhiệm chân chính cho công việc hợp tác của họ. Nguyên lý kiểm soát và kỉ luật phải được từ bỏ để dành chỗ cho nguyên tắc tự kiểm soát và tự kỉ luật.

Thậm chí từ những phác thảo rất chung này, có vẻ như đã rõ rằng những hậu quả về mặt hệ thống của một cuộc "cách mạng hiện sinh" thuộc loại này sẽ vượt lên rất xa khuôn khổ của nền dân chủ nghị viện cổ điển. Vì đã giới thiệu thuật ngữ "hậu toàn trị" để phục vụ cuộc thảo luận này, có lẽ tôi nên gọi khái niệm mà tôi vừa phác ra - hoàn toàn tạm thời - như là những triển vọng cho một hệ thống "hậu dân chủ".

Không nghi ngờ gì là khái niệm này có thể được phát triển xa hơn nữa, nhưng tôi nghĩ, nhẹ nhất thì cũng thật ngu ngốc bởi vì chậm rãi nhưng chắc chắn, toàn bộ khái niệm sẽ trở nên tha hóa, tách biệt khỏi chính nó. Sau rốt, căn bản của một nền "hậu dân chủ" như thế cũng là vì nó có chỉ có thể phát triển qua hiện thực, như là một tiến trình xuất phát trực tiếp từ cuộc sống, từ một bầu khí quyển mới và một "tinh thần" mới (tất nhiên, tư tưởng chính trị sẽ đóng vai trò ở đây, dù không phải đạo diễn, mà chỉ là một chỉ dẫn). Tuy nhiên, sẽ viển vông nếu cố gắng đoán

trước hình dạng về mặt cấu trúc của "tinh thần mới" ấy khi chưa thấy tinh thần ấy tồn tại thực sự và không hiểu diện mạo cụ thể của nó.

XXII.

Tôi đã có thể bỏ đi toàn bộ phần trước như thể một chủ đề thích hợp hơn cho sự suy nghiệm cá nhân nếu nó không nhằm một cảm giác ám ảnh. Nói thì có vẻ hơi viễn vông, và vì thế tôi sẽ trình bày dưới dạng câu hỏi: Chẳng phải tầm nhìn về các cấu trúc "hậu dân chủ" này, trên phương diện nào đó, đã nhắc tới một trong những nhóm "bất đồng chính kiến" hay một vài các đề xướng độc lập của công dân như ta đã biết từ chính môi trường chúng ta? Chẳng phải những cộng đồng nhỏ này, ràng buộc với nhau bởi hàng ngàn nỗi khổ cực được sẻ chia, đã làm sống dậy vài mối quan hệ và ràng buộc chính trị "có ý nghĩa nhân văn" đặc biệt mà ta đang nói tới? Chẳng phải những cộng đồng này (và chúng là các cộng đồng hơn là các tổ chức) - gọi hứng chủ yếu bởi một niềm tin chung vào tầm quan trọng quyết định của cái mà họ đang làm, bởi vì họ không có cơ hội thành công trực tiếp và bề ngoài nào- được nối với nhau chính bởi cái không khí mà trong đó những ràng buộc bị chính thức hóa và tín điều hóa trong các cấu trúc chính thức bị thay thế bởi cảm giác sống động về đoàn kết và đồng chí? Chẳng phải những nhóm này sinh ra, trưởng thành rồi tiêu vong dưới sức ép của những nhu cầu đích thực và cụ thể, không chịu gánh nặng của những truyền thống trống rỗng? Chẳng phải là những cố gắng của họ nhằm sáng tạo một hình thức cụ thể của "sống trong sự thật" và làm mới cảm giác về trách nhiệm cao hơn trong một xã hội lãnh đạm thực sự là một dấu hiệu của sự tái cấu trúc sơ khai về đạo đức?

Nói cách khác, chẳng phải những cộng đồng mở, năng động, phi quan liêu và không chính thức đã gộp thành "polis song song" là một kiểu phác họa sơ khai, một mô hình mang tính biểu tượng của những cấu trúc chính trị "hậu dân chủ" có ý nghĩa hơn ấy, cái có thể trở thành nền tảng của một xã hội tốt đẹp hơn?

Từ hàng ngàn kinh nghiệm cá nhân, tôi biết cái hoàn cảnh đơn thuần là kí vào Hiến chương 77 đã ngay lập tức tạo ra mối liên hệ sâu sắc hơn và cởi mở hơn, và khơi dậy những cảm giác mạnh mẽ và đột ngột về một cộng đồng thực sự giữa những người trước đây xa lạ. Điều này, nếu có, cũng rất hiếm khi xảy ra thậm chí giữa những người đã từng làm việc cùng nhau trong thời gian dài trong một cấu trúc chính thức lãnh đạm nào đó. Cứ như thể sự nhận thức đơn thuần và chấp nhận một nhiệm vụ chung và một kinh nghiệm được chia sẻ là đã đủ biến chuyển con người và môi trường mà họ sống, như thể nó tạo cho những công việc cộng đồng của họ một chiều kích nhân bản hơn, ít thấy ở nơi khác.

Có thể mọi điều trên chỉ là hậu quả gây ra bởi một mối đe dọa chung. Có thể vào thời khắc mà sự đe dọa ấy chấm dứt hay bị xóa bỏ, tâm trạng mà nó tạo ra cũng tan biến theo. (Mục tiêu của những kẻ đang dọa nạt chúng ta ngược hẳn lại. Lần này qua lần khác, người ta vẫn bị sốc bởi năng lượng mà chúng đã dành ra để đầu độc, bằng nhiều cách hèn hạ khác nhau, mọi quan

hệ người với người bên trong cái cộng đồng bị đe dọa)

Dù có thể, nó không làm thay đổi được gì đối với câu hỏi mà tôi vừa nêu ra.

Chúng ta không biết lối thoát khỏi sự suy nhược trầm trọng của thế giới, và sẽ là một sự ngạo mạn không thể tha thứ được nếu chúng ta coi những việc nhỏ bé mà ta đang làm như là một giải pháp cơ bản, hay diễn giải rằng chúng ta, cộng đồng của chúng ta và các giải pháp của ta cho các vấn đề sống còn nêu trên là việc duy nhất đáng làm.

Dù vậy, tôi nghĩ rằng với những suy nghĩ trên về các điều kiện hậu toàn trị, và với những hoàn cảnh và sự thiết chế nội bộ của những nỗ lực đang lớn dậy nhằm bảo vệ nhân loại và bản sắc của họ trong những điều kiện như thế, những câu hỏi mà tôi đặt ra là thích hợp. Chí ít, chúng là một lời dẫn để suy nghĩ cụ thể về kinh nghiệm của chính chúng ta và nêu ra vài suy nghĩ về việc liệu những yếu tố nhất định của kinh nghiệm ấy sẽ không - nếu thiếu sự nhận thức rõ của ta về nó - chỉ dẫn tới nơi nào đó xa hơn, vượt lên những giới hạn hiển nhiên, và liệu ngay ở đây, ngay trong đời sống thường nhật của ta, những thách thức nhất định vẫn chưa được giải mã, đang âm thầm chờ đợi thời khắc chúng được nhận ra và nắm bắt.

Câu hỏi liệu có "tương lai tươi sáng hơn" thì luôn luôn xa vời. Nhưng nếu ngược lại, nó đã luôn ở đây từ lâu, và chỉ có sự mù lòa và yếu đuối của chúng ta ngăn cản ta không nhìn thấy nó xung quanh và trong mình, và ngăn ta không vun trồng nó?

[1] Tiêu đề bản tiếng Anh: "Power of the Powerless", được Bác sỹ Phạm Hồng Sơn chuyển ngữ thành "Quyền lực của không quyền lực" (phụ lục bản dịch Thế nào là dân chủ?). Chúng tôi dùng cách dịch của Sơn để tỏ lòng ngưỡng mộ anh, người trí thức trẻ đã bắt đầu việc truyền tải tư tưởng dân chủ của nhân loại trước chúng tôi.

[2] Tư tưởng của Havel đã vạch đường cho lý thuyết chính trị học về chế độ toàn trị sau này. Xem một phân về hậu toàn trị trong "Chế độ hậu toàn trị-so sánh với độc tài" của Juan Linz và Alfred Stepan do nhóm Duy Tân trẻ dịch, đăng trên talawas.

[3] Để mô tả hệ thống hậu toàn trị, nhiều nhà kinh tế, nhà chính trị học ưu tú của Đông Âu cũng đã làm. Xem, ví dụ: Hệ thống kinh tế XHCN của Janos Kornai, do Nguyễn Quang A dịch; hoặc Giai cấp mới của Milovan Djilas do Phạm Minh Ngọc dịch.

[4] Gustav Husák (1913-1991): gia nhập đảng Cộng sản năm 1933, tham gia lãnh đạo chống sự chiếm đóng của Đức trong Thế chiến II. Sau chiến tranh, nắm giữ các chức vụ trong đảng và nhà nước. Năm 1951, trong chiến dịch thanh lọc của đảng, bị bắt và bỏ tù. Được thả năm 1960, được tái gia nhập đảng năm 1963, kêu gọi tự do hóa chính trị và tự trị cho Slovakia. Sau khi Antonín Novotný từ chức năm 1968, Husák trở thành Phó Thủ tướng, và là một kiến trúc sư của cải cách năm 1968. Sau khi Liên Xô đưa quân vào Tiệp, Husák trở nên ngày càng thân Xô-viết. Tháng Tư 1969, trở thành Bí thư đảng. Trong thời gian cai trị của Husák, Tiệp Khắc đã trở thành một nhà nước cảnh sát. Năm 1975 Husák hợp nhất chức vụ Bí thư đảng với Chủ tịch

nước, và rời từ chức Tổng Bí thư năm 1987 nhưng giữ vị trí Chủ tịch đến năm 1989, khi chủ nghĩa cộng sản sụp đổ ở Czechoslovakia. Thay vào vị trí của Husák chính là Václav Havel, ở cương vị Tổng thống, vào ngày 29.12.1989 (talawas.)

[5] Vladyslaw Gomulka (1905-1982): gia nhập đảng Cộng sản Ba Lan năm 1926, sống sót qua cuộc đại thanh lọc năm 1938 dưới bàn tay của Stalin. Từ năm 1943, góp phần phục hồi lại đảng này với danh xưng Đảng Công nhân Ba Lan, và trong những năm đầu sau chiến tranh đã trở thành nhân vật quan trọng hàng đầu của đảng (chính ông tự gọi mình là “người bá quyền lãnh đạo của Ba Lan”). Nhưng trong những năm 1951-1954, do đấu đá phe phái trong đảng, bị lên án là “cánh hữu”, “phản động”, và bị bỏ tù. Năm 1956, khi bắt đầu tiến trình “giải Stalin”, ông được phục hồi và được bầu lãnh đạo Đảng Công Nhân Thống nhất Ba Lan, dần dần chống lại sức ép của Liên Xô một cách mềm mỏng. Tuy nhiên, với tư cách thành viên của khối Hiệp ước Warsaw, ông đã đưa quân vào Tiệp Khắc năm 1968. Gomulka cũng chịu trách nhiệm cho việc ngược đãi sinh viên và giới trí thức, cùng một chế độ kiểm duyệt ngặt nghèo đối với truyền thông. Tháng 12 năm 1970, sau vụ xung đột đẫm máu với công nhân đóng tàu, Gomulka bị buộc phải từ chức, Edward Gierek nắm quyền lãnh đạo đảng. Dù sao, sau khi chết, một số đóng góp có tính xây dựng của Gomulka cũng đã được nhìn nhận (talawas).

[6] Phản Hiến chương: ý nói bản tuyên bố do nhà cầm quyền Tiệp Khắc dựng lên nhằm bác bỏ Hiến chương 77. (Hiến chương 77 là một tuyên ngôn công bố vào tháng 1 năm 1977, lên án nhà nước Tiệp Khắc vi phạm các quyền tự do của con người, do 243 trí thức và công dân Tiệp Khắc kí tên. Theo nghĩa rộng, đây là một phong trào dân sự phi cộng sản đã góp phần quan trọng đưa đến sự sụp đổ của nhà nước toàn trị ở Tiệp Khắc).

[7] Faust: nhân vật thần thoại trong văn học nghệ thuật châu Âu, người bán linh hồn cho quỷ dữ để đổi lấy tuổi trẻ, tri thức và sức mạnh. Lần đầu tiên chính thức xuất hiện là trong vở kịch của Christopher Marlowe ở những năm 1590, sau đó trong một vở kinh điển của Johann Wolfgang von Goethe ở thế kỷ 19.

Mephistopheles, Quỷ vương, chính là nhân vật tiến hành mua bán với Faust. Cái tên này được dùng thay cho Satan hay Quỷ sứ, nhưng không có từ ban đầu trong Kinh thánh mà chỉ được hư cấu kể từ thời Phục hưng. Từ thế kỷ thứ 17, nhiều huyền thoại Thiên chúa giáo bắt đầu nói đến Mephistopheles cùng với Lucifer - Ma vương/ Diêm vương - như những thiên thần nổi loạn chống lại Thượng đế vào lúc khởi thủy, bị đuổi khỏi Thiên đàng (talawas).

[8] Alexander I. Solzhenitsyn: nhà văn bất đồng chính kiến Liên Xô, các tiểu thuyết của ông tố cáo sự tàn bạo trong các trại lao động Xô viết (talawas).

[9] Hiến chương 77: một sáng kiến công dân không chính thức ở Tiệp Khắc những năm 1977-1992, đóng vai trò quan trọng trong khoảng thời gian cuối những năm 1980, khi chủ nghĩa cộng sản đi đến sụp đổ tại nước này. Trong số các thành viên sáng lập hàng đầu của Hiến chương 77 có Václav Havel. Lần đầu tiên Hiến chương xuất hiện như một cương lĩnh vào tháng Giêng năm 1977, trên một tờ báo ở Tây Đức, với chữ ký của 243 công dân Czechoslovakia thuộc những ngành nghề, chính kiến và tôn giáo khác nhau. Đến giữa những năm 1980, số chữ ký lên đến 1200. Hiến chương phê phán nhà nước Tiệp Khắc thất bại trong việc thực thi các điều khoản về nhân quyền như đã được ghi trong các văn kiện mà nhà nước này đã ký kết,

trong đó có cả chính Hiến pháp Tiệp Khắc, Hiệp ước An ninh và Hợp tác châu Âu, các điều khoản của Liên hợp quốc về các quyền chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa... Nó mô tả những người tham gia ký Hiến chương như một liên hiệp không cố kết, không chính thức và để mở, thống nhất với nhau do cùng chung ý chí phấn đấu, về mặt cá nhân và tập thể, cho sự tôn trọng nhân quyền và dân quyền trên đất nước Tiệp Khắc và khắp thế giới. Nó cũng nhấn mạnh đây không phải là một tổ chức, một quy chế hay một cơ chế vĩnh viễn, và không phải là hình thức làm cơ sở cho hành động đối lập chính trị. Phản ứng của nhà nước Tiệp là bôi nhọ và đàn áp. Họ dùng truyền thông chính quyền, kể cả trong truyền thông đối ngoại, để mô tả Hiến chương là “chống nhà nước”, “chống chủ nghĩa xã hội”, là “mị dân” và “phần tử nhục của viết lách”. Họ gọi những người ký vào Hiến chương là “những kẻ phản bội và nổi loạn”, là “đầy tớ trung thành và gián điệp của chủ nghĩa đế quốc”, những kẻ “phá sản về chính trị” và “phiêu lưu quốc tế”... Tháng Mười năm 1979, sáu nhà lãnh đạo của nhóm, trong đó có Václav Havel bị đưa ra xử vì tội lật đổ và bị kết án với những mức tù đến năm năm (talawas).

[10] Jan Patocka là một triết gia có ảnh hưởng lớn và là môn đồ của Edmund Husserl. Ông cũng là một trong những phát ngôn viên đã sáng lập ra Hiến chương 77. Ông bị cảnh sát quấy rối nghiêm trọng, bị gọi thăm vấn triền miên, và theo đúng nghĩa, đã bị cảnh sát săn lùng cho đến tận giường bệnh viện nơi ông trút hơi thở cuối cùng. Trích đoạn trên được lấy từ diễn văn cuối cùng của ông, được dịch ra tiếng Anh là “Political testament” (Di chúc chính trị), Telos, 31 (mùa xuân 1977), trang 151-2. (Chú thích của biên dịch)

[11] Tác giả dùng chiết tự: đối lập - opposition với "kiến lập" - position và tiếp đầu tố "đối" - op. (Biên dịch)

[12] Tại đoạn này, Havel đã chính thức trả lời một cách hiệu quả lời kết tội của các báo chí Czechoslovakia, trong đó “bất đồng chính kiến” đôi khi được hiểu là odpadlik. Nghĩa đen của từ này là “kẻ bị sa ngã”, hay “kẻ phản bội” hoặc “tái phạm” (Biên dịch).

[13] Ủy ban Bảo vệ Công nhân, một tổ chức của Ba Lan tồn tại trước khi có sự ra đời của Công đoàn Đoàn kết năm 1980. Sau đó nó được đổi tên thành KSS-KOR (Ủy ban Tự vệ Xã hội-KOR) để nhấn mạnh đến cam kết bảo vệ các quyền dân sự cũng như sự ủng hộ của nó đối với các sáng kiến xã hội chống lại các thể chế của nhà nước toàn trị (Biên dịch).

Nguồn:

Václav Havel et al., The Power of the Powerless: Citizens against the State in Central Eastern Europe, trans. Paul Wilson, M.E. Sharpe, Inc. Armonk, New York, pp 23-96.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>